



Số 08

Tạp Chí

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THERAVADA

PHẬT GIÁO

Nguyên Thủy

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Tạp chí PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Phát hành vào đầu mỗi tháng

TỔNG BIÊN TẬP

Hòa thượng Thích Thiện Tâm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Thượng tọa Thích Bửu Chánh

Đại đức Thích Thiện Minh

TRÌNH BÀY

TN. Quang Minh

Khánh Dương

PHÁT HÀNH

Liên hệ: Lê Hiền Anh Tân

ĐT: 0909027777

QUẢNG CÁO

Liên hệ: Nguyễn Thị Thùy Linh

ĐT: 0933773366

TÒA SOẠN

Chùa Bửu Quang

171/10 Quốc Lộ 1A, P.Bình Chiểu,

Q.Thủ Đức, TP. HCM

ĐT: (+848) 37290248 - 0903870370

Email: tapchiphatgiaonguyenthuy@gmail.com

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ

số 760/GP-BTTTT

ngày 28/05/2010 của Bộ TTTT

CHẾ BẢN VÀ IN TẠI

Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng

100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM

ảnh bìa 1: Đàn sanh - Thành đạo - Niết bàn



Trong số này

1. TIÊU ĐIỂM

- Thông điệp của Đức Pháp chủ **03**
- Thông điệp Phật đản của Tổng Thư ký LHQ **04**
- Diễn văn Phật đản **05**
- Nhận thức sâu sắc giáo lý Duyên sinh TT Thích Bảo Nghiêm **07**
- Mấy cảm nghĩ về HT Kim Cương Tử - Vũ Khiêu **09**
- Mùa Phật đản trong truyền thống Nam tông - Quang Niệm **11**

2. KINH TẠNG

- Kinh Sở hãi và Khiếp đảm - HT. Thích Minh Châu **13**
- Vô minh đầu mối ác pháp - Tuệ Siêu **14**

3. LUẬT TẠNG

- Nội quy Ban tăng sự TW **15**
- Giới thiệu tập Parivāra - TK. Indacanda **16**

4. THIỀN HỌC

- Thiền sư Achaan Buddhādāsa - TK. Thiện Minh **18**

5. LUẬN TẠNG

- Pháp qua lăng kính Abhidhamma - Đức Tài **19**

6. SUY NGẪM

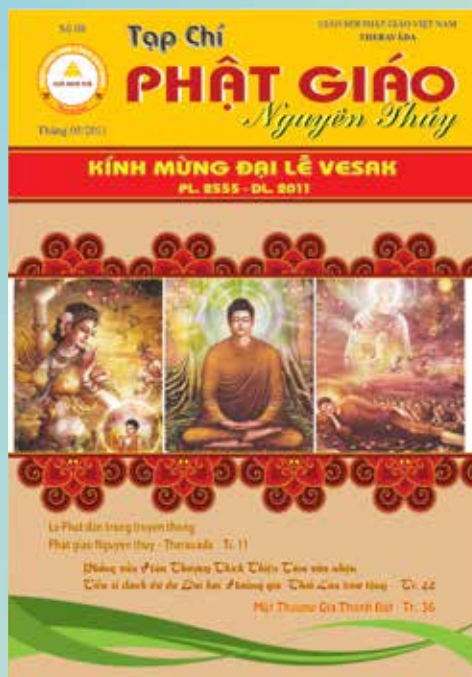
- Chiếc vòng của vua Salomon - Lang sư tư tằm **21**

7. ĐỐI THOẠI

- HT. Thiện Tâm nhận bằng TS danh dự - PVPNGT **22**
- TT. Tuệ Tâm - Chơn Minh **24**
- Giao lưu TT. Danh Lung - Quốc An **26**

8. VĂN HÓA

- Ngày lễ Phật đản của em - Duyên Văn **28**
- Nghệ thuật kiến trúc Khmer - Lê Bá Thanh **30**
- Thế giới quan Phật giáo - HT. Thiện Tâm **32**
- Năm vị Thiên sứ - TT. Giác Chánh **34**



9. VĂN THƠ

- Một thương gia thành đạt - TK. Giới Đức **36**
- Dòng nước cuộc đời - TK. Định Phúc **39**
- Không có - Lê Phương Châu **41**
- Phút giây đàm hoa nở - Nguyễn Ngọc **42**
- Tập tu 2 - Tâm Uyên **43**
- Mừng Phật đản - Đào Phước Giao **43**
- Suy nghiệm về sự chứng ngộ - TS. Thích Phước Đạt **44**

10. VĂN HỌC PĀLI

- Chín phái đoàn truyền giáo - TK. Suvijjo **46**

11. TRI ÂN

- Tiểu sử HT. Pháp Lạc - Chánh Lý **47**
- Cuộc hội ngộ - Quỳnh Hương **49**

12. CHÙA THÁP

- 50**

13. ẨM THỰC DƯỢC THẢO

- Những vấn đề về tim mạch - Đăng Lan **51**

14. PHÁP LUẬT

- Tìm hiểu luật thừa kế - LS Mai **52**

15. THEO DÒNG

- 54**



THÔNGIỆP
CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
GỬI TĂNG NI, CƯ SĨ PHẬT TỬ VIỆT NAM ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN
PHẬT LỊCH 2555 DƯƠNG LỊCH 2011 (*)

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm Tân Mão (2011)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp Đại lễ Phật đản Phật lịch 2555, dương lịch 2011, thay mặt Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi xin gửi đến các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam lời chào đại hoan hỷ và lời cầu chúc an lạc, cát tường, thành tựu mọi Phật sự đến Chư vị Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Kính mừng Phật đản năm nay, đúng vào dịp các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã và đang tích cực chuẩn bị tổ chức tổng kết các chương trình hoạt động Phật sự theo kế hoạch 5 năm do Đại hội Đại biểu các cấp Giáo hội đã đề ra và triển khai Phật sự thiết thực chào mừng kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là cơ duyên tốt để ôn lại lịch sử truyền thống vẻ vang trong suốt chiều dài lịch sử 2000 năm đồng hành với dân tộc và phụng sự đất nước của Phật giáo Việt Nam. Thông qua đó các cấp Giáo hội và mỗi thành viên của Giáo hội đánh giá đúng những thành tựu Phật sự, hạn chế còn tồn đọng, rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm thiết thực để làm cơ sở tiền đề cho việc xây dựng chương trình hoạt động Phật sự của giai đoạn kế tiếp, để Phật pháp xương minh, Giáo hội bền vững, góp phần tích cực cùng với các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng đất nước ngày một văn minh giàu đẹp.

Thế giới nói chung và đất nước ta nói riêng, đang đứng trước nhiều khó khăn tác hại do bởi ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu môi trường, nguồn tài nguyên ngày một cạn kiệt, nhiệt độ trái đất gia tăng, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, sóng thần, động đất, nước biển dâng v.v... đang là những thảm họa đe dọa đến sự an nguy của sự sống con người. Hơn lúc nào hết, Tôi kêu gọi mỗi Tăng ni, Phật tử chúng ta cần phải hiểu rõ bản chất của giáo lý Phật Đà về luật vô thường, về tôn trọng sự sống và mối liên hệ hữu cơ giữa con người và thiên nhiên, để chung tay với cộng đồng xã hội bảo vệ môi trường xã hội và sự an nguy của trái đất, đó là việc làm thiết thực để kính dâng lên ngày đản sinh Đức Từ Phụ của chúng ta.

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH
 GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
 PHÁP CHỦ
 (đã ấn ký)
Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

THÔNG điệp PHẬT ĐẢN CỦA TỔNG THƯ ký LIÊN HIỆP QUỐC BAN KI MOON



Tổng Thư ký Liên hiệp Quốc Ban Ki Moon

Minh Nguyên chuyển ngữ

Nhân Đại lễ Vesak - 2011 được tổ chức tại Thái Lan, Tổng Thư ký Liên hiệp Quốc, ông Ban Ki Moon gửi bức thông điệp dưới đây đến Đại lễ. TCPGNT xin giới thiệu nội dung bức thông điệp ấy đến bạn đọc.

Tôi hân hoan gửi lời chúc mừng nồng hậu đến toàn thể quý vị, Quý vị đã chọn chủ đề về sự phát triển Kinh tế - Xã hội, một chủ đề có tính hiện đại, nhưng cốt lõi của nó lại là vấn nạn về khổ đau của nhân loại mà chính đức Phật Thích Ca đã nhìn thấy và đã nhấn mạnh cách đây hơn 2.500 năm, khi Ngài từ giả hoàng cung, từ bỏ những thứ sở hữu của thế tục để xuất gia tầm đạo.

Đức Phật, sự Đản sinh, Thành đạo và nhập Niết bàn của Ngài được chúng ta kỷ niệm mỗi năm vào ngày lễ Vesak, đã để lại cho nhân loại kho tàng giáo lý rộng sâu và kho tàng giáo lý ấy có thể định hướng cho những nỗ lực giải quyết các vấn đề nghiêm trọng mà chúng ta đang phải đối mặt trong thế giới ngày nay.

Lời huấn thị của Ngài chống lại ba thứ độc hại, đó là: Tham lam, Sân hận và Si mê. Lời huấn thị ấy có thể khơi dậy những cuộc hội đàm đa phương về sự đói kém đang ảnh hưởng đến gần một tỷ người trong thế giới giàu có của chúng ta, về sự bạo lực đầy thú tính, cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người mỗi năm, và về sự tàn phá môi trường một cách vô tội vạ, gây nguy hại cho ngôi nhà duy nhất của chúng ta, là trái đất mà chúng ta đang sống.

Rất nhiều tổ chức của Phật giáo đang thực hành giáo Pháp của đức Phật. Tôi vô cùng cảm ơn sự ủng hộ của họ đối với những hoạt động của Liên hiệp Quốc nhằm đạt được những mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, đối với kế hoạch chi tiết nhằm giải quyết những thách thức về Kinh tế - Xã hội mà thế giới đang phải đối mặt.

Nhân ngày Đại lễ Vesak, tôi hy vọng là tất cả mọi người có thể dựa vào những lời dạy có giá trị phổ quát trong đạo Phật để hành động trong tình đoàn kết với những người đang khổ đau, để góp phần tạo nên một thế giới nhiều tình thương yêu hơn, nhiều sự tỉnh giác hơn cho tất cả chúng ta.

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Kính bạch Chư tôn Hòa thượng, Thượng
tọa, Đại đức Tăng Ni,

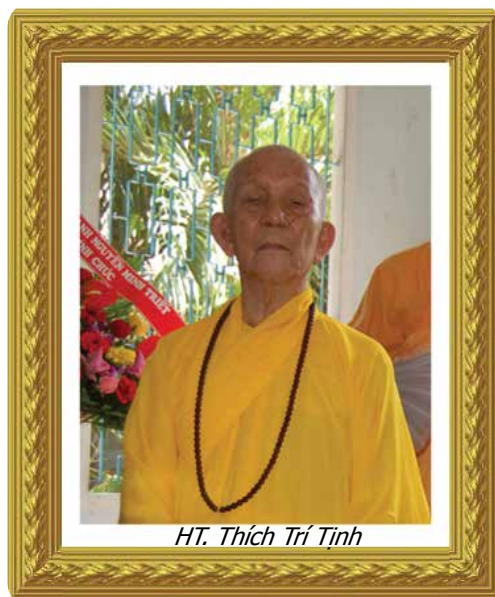
Kính thưa toàn thể Phật tử,

Tháng Tư mùa Hạ, cũng như toàn thể
cộng đồng Phật giáo trên Thế giới, Tăng
Ni, Phật tử Việt Nam hân hoan bước vào
mùa Phật đản, chào mừng ngày trăng tròn
của tháng, ngày xuất hiện trên đời của
Đức Bồ sư Thích Ca Mâu Ni, đấng hy hữu
Đại Pháp Vương. Hy hữu nghĩa là khó có,
khó gặp. Khó gặp thời đức Phật xuất hiện
ở thế gian (hy hữu thời), khó có nơi nào
như nơi Ngài Đản sanh (hy hữu xứ), khó
có công đức nào vô lượng như phước đức
trí tuệ của Phật (hy hữu đức), và khó có sự
nghiệp nào vô lượng như sự nghiệp giáo
hóa chúng sanh của đức Phật (hy hữu sự).
Sự kiện hy hữu này như trong Kinh mô tả:

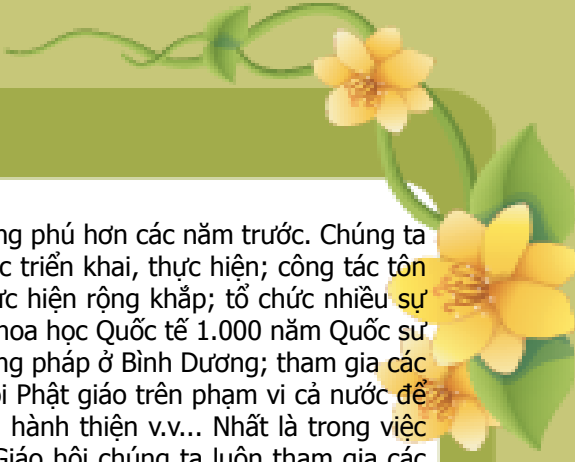
*"Kim quang sáng ngời, mặt đất rung động
theo sáu cách, chúng sanh trong sáu đường hân hoan vì niềm cảm ứng thiêng liêng,
hoa trời tuôn rải, nhạc trời lừng vang trước sự ra đời của đấng Tối thắng Đại Từ bi, Đại
Trí tuệ là Đức Bồ sư Thích Ca Mâu Ni".*

Đại lễ Phật đản năm nay, cũng là năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam kỷ niệm 30 năm
thành lập (1981 - 2011). Do vậy, nhiều Phật sự quan trọng được thực hiện từ đầu năm
đến nay và sẽ được đẩy mạnh cho đến cuối năm. Vừa qua, là các hoạt động của nhiều
ban ngành như Tăng sự, Hoằng pháp, Hướng dẫn Phật tử, Nghi lễ, Từ thiện Xã hội,
Viện và Phân Viện Nghiên cứu Phật học v.v... đã được thực hiện. Một số hội nghị, hội
thảo đang được Ban Văn hóa, Giáo dục Tăng Ni, Kinh tế Tài chánh chuẩn bị để tổ chức
vào khoảng 6 tháng cuối năm. Sau Đại lễ Phật đản Phật lịch 2555, Trung ương Giáo
hội sẽ hướng dẫn chi tiết việc tổ chức hội thảo, kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội ở
Trung ương và các tỉnh, Thành hội Phật giáo; thông qua các nghi lễ, các nội dung hội
thảo, đặc biệt là hội thảo toàn quốc vào cuối năm, chúng ta có thể tổng kết về những
thành tựu mà Giáo hội đã đạt được trong 30 năm qua, nhất là hoạch định chiến lược
và cương lĩnh phát triển Giáo hội trong thời hội nhập.

Sau Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự vào tháng 8, những Phật sự quan
trọng tiếp theo cần thực hiện đầy đủ nghiêm túc, đó là việc chuẩn bị tổng kết các công
tác Phật sự nhiệm kỳ VI của Trung ương Giáo hội, để làm cơ sở cho công tác chuẩn bị
Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII sẽ tiến hành vào cuối năm 2012. Do
sự trùng hợp về thời điểm của các Phật sự quan trọng như trên, nên chương trình hoạt
động Phật sự năm nay của các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương, các ban,



HT. Thích Trí Tịnh



viện Trung ương đều có nội dung đa dạng và phong phú hơn các năm trước. Chúng ta thấy nhiều hoạt động Phật sự quan trọng đã được triển khai, thực hiện; công tác tôn tạo trùng tu nhiều tự viện, thánh tượng được thực hiện rộng khắp; tổ chức nhiều sự kiện Văn hoá Phật giáo như các lễ hội, Hội thảo Khoa học Quốc tế 1.000 năm Quốc sư Khuông Việt viên tịch, Hội thảo Toàn quốc về Hoàng pháp ở Bình Dương; tham gia các việc công ích, phúc lợi xã hội; tổ chức nhiều lễ hội Phật giáo trên phạm vi cả nước để tạo duyên lành cho quần chúng Phật tử tu học, hành thiện v.v... Nhất là trong việc nỗ lực xoa dịu những khổ đau của chúng sanh, Giáo hội chúng ta luôn tham gia các công tác từ thiện xã hội trên lĩnh vực cộng đồng Quốc tế và tình nhân loại; chúng ta đã gửi thư chia buồn, tổ chức Lễ cầu nguyện, vận động quyên góp tài chính ủng hộ các nạn nhân bị thiên tai động đất và sóng thần tại vùng Đông bắc Nhật Bản và Miền Điện vừa qua. Từ đó, chúng ta tin rằng các Phật sự sắp đến sẽ đạt được những thành tựu tốt đẹp, đúng theo kế hoạch và những thành tích Giáo hội đạt được từ trước tới nay, đã chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển bền vững trên mọi lĩnh vực.

Kính thưa chư liệt vị,

Trong thời đại mới, thời hội nhập, bên cạnh những thành tựu của thời đại, của đất nước, chúng ta không thể không lưu tâm trước những hiện tượng gây khổ đau, nhưng việc giảm bớt, hoặc tiêu trừ chúng quả là không dễ dàng: thù hận, chiến tranh, bạo lực, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, sự mất cân bằng của môi trường sống, sự nghèo đói, thiên tai, tật bệnh, nhất là những sự việc trái với luân thường đạo lý vẫn đang diễn ra hàng ngày trong xã hội. Mọi người đều nhận biết là đạo đức đang suy đồi trong một bộ phận quần chúng. Nguyên nhân của những thứ gây đau khổ ấy chính là cái Tâm vọng động, nhiễm ô vì tham, sân, si, khiến nghiệp lực của thân khẩu ý luôn luôn vận hành. Tu học là để ngăn chặn và triệt tiêu tam độc, đó là thực hành tam học Giới, Định, Tuệ. Giới học được tu trì thì tâm mới định, từ định đưa đến tuệ. Giới học là chi phần căn bản, đầu tiên của sự tu tập. Là con Phật, chúng ta tự nguyện tu tập theo lời Phật dạy, thúc liễm thân tâm, tự mình an tịnh và từ đó tạo nên những thiện duyên cho những người khác. Đức Phật dạy: "*Trong khi hộ trì cho mình là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác là hộ trì cho mình*". Thế nào là hộ trì cho mình là hộ trì người khác? Chính là do sự thực hành, do sự tu tập, do sự làm cho sung mãn. Thế nào là trong khi hộ trì cho người khác là hộ trì cho mình? Chính là do sự kham nhẫn, do sự vô hại, do lòng từ, do lòng bi mẫn. Đức Phật đã ân cần nhắc nhở chúng ta tu tập như vậy, xem đây là Niệm Xứ cần phải thực hành.

Như thế, tu tập chính là tạo an lạc cho mình và cho mọi người. Người tu sĩ Phật giáo cũng như người Phật tử tại gia đều là đệ tử của Phật, phải nêu gương đạo đức cho quần chúng, nỗ lực để xứng đáng với lời tán thán trong kinh "*Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn, chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn v.v... Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời*".

Mùa Phật đản 2555 đã đến, Tăng Ni Phật tử chúng ta thành tâm tưởng niệm đấng Từ phụ Thích Ca Mâu Ni, lắng lòng để được nhận nguồn cảm ứng thiêng liêng của đại sự kiện vị Tăng hữu xảy ra cách đây 2.635 năm ở vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ của nước Ấn Độ cổ - sự ra đời của đấng Tối thắng Đại từ Đại bi, Đại Trí tuệ là Đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni.

Ngưỡng cầu Tam bảo phù hộ cho Phật giáo trường tồn, Thế giới an lạc, Quốc gia hưng thịnh, nhân dân hạnh phúc, Giáo hội vững bền và tất cả chúng sanh đều đạt niềm vui tự nội. ●

NHÂN THỨC SÂU SẮC GIÁO LÝ DUYÊN SINH ĐỂ TÍCH CỰC CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Khi mùa sen bắt đầu tỏa hương thơm ngát, hàng triệu người Phật tử khắp nơi trên Thế giới hân hoan đón mừng đại lễ Phật đản, kỷ niệm một sự kiện hy hữu của loài người: Đức Phật thị hiện giữa đời. Người con Phật khắp năm châu vượt qua những ngăn cách về ngôn ngữ, địa lý, cùng hòa nhịp con tim, thành kính cung nghinh Bồ tát Hộ Minh từ cõi trời Đâu Suất giáng trần.

Cách đây 2635 năm tại vườn Lâm Tỳ Ni thuộc tiểu Vương quốc Ca Tỳ La Vệ thuộc Ấn Độ cổ xưa, có một loài hoa Ưu đàm ba ngàn năm mới nở hoa một lần bông nở rộ, tỏa ngát hương thơm báo hiệu tin vui: *"Hoàng hậu Maya hạ sinh thái tử Tất Đạt Đa, sau này từ bỏ mọi thứ dục lạc trong đời, thể nghiệm chân lý và đã chứng quả vị Phật – Bậc Giác ngộ và giải thoát hoàn toàn mọi phiền não, mọi ràng buộc của nhân gian".*

Cuộc đời của đức Phật từ sơ sinh cho đến lúc nhập đại Niết bàn luôn gắn bó với thiên nhiên. Ngài giảng sinh dưới cây Ưu đàm, thiên định trong rừng sâu, thành đạo dưới cội cây Bồ Đề và nhập Niết bàn trong rừng Sa la...

Đức Phật xuất hiện giữa thế gian, như kinh A Hàm đã đề cập, không gì hơn là "Vì lòng thương tưởng vì lợi ích cho số đông, vì lòng bi mẫn, vì sự tốt đẹp, vì lợi ích và hạnh phúc cho chư Thiên và loài Người".

Giáo lý cơ bản mà Ngài khai thị là giáo lý Duyên khởi: "Cái này có mặt, cái kia có mặt; cái này không có mặt, cái kia không có mặt; cái này sinh, cái kia sinh; cái này diệt, cái kia diệt". Các pháp, mọi sự vật hiện tượng hiện hữu là hiện hữu trong mối tương quan, tương duyên v.v... mang tính hổ tương".

Do lòng tham muốn thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ, con người đã không tôn trọng quy luật duyên sinh, khai thác nguồn lợi làm xâm hại nghiêm trọng đến thiên nhiên, nên phải gánh chịu nhiều thảm họa khổ đau. Muốn chấm dứt những thảm họa thiên tai, trước hết con người phải có ý thức nghiêm túc về giáo lý duyên sinh, thiên nhiên cho chúng ta môi trường sống thì chúng ta phải có ý thức tôn trọng, bảo vệ thiên nhiên để giữ môi trường trong sạch và cân bằng sinh thái.



TT. Thích Bảo Nghiêm
Phó chủ tịch HĐTS GHPGVN
Trưởng ban Hoằng pháp TW

Trên con đường tìm chân lý, đức Phật cùng chư đệ tử thường an trú nơi núi non, hang động, dưới những cội cây. Ngài khuyên chư đệ tử không nên đốt phá cây cối, cho dù là chặt cành hay bẻ lá v.v... Đức Phật còn chế giới không được ném bỏ rác rưởi hay khạc nhổ trên nước, vì sẽ làm ô nhiễm môi trường. Ngài nhắc nhở Tăng đoàn vào mùa mưa nên tìm chỗ an cư thích hợp để tránh việc đi ra đường dẫm đạp lên cỏ non, giết hại côn trùng và gây tổn hại cho những sinh linh khác, dù hữu hình hay vô hình.

Trong các kinh điển Nguyên thủy, đức Phật đã nhiều lần có lời dạy về việc giữ gìn môi trường sinh thái, phát triển sự sống bằng cách khuyến khích việc trồng cây xanh để có thêm bóng mát, lợi ích chung. Trong Anguttara, Ngài dạy rằng: "Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, còn bảo tồn trái đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta".

Tiếp nối thánh hạnh của Đức Thế Tôn, các thiền sư tiền bối thường chọn những vùng thiên nhiên tươi tốt, núi rừng thâm u để cất dựng thảo am làm nơi tu hành, thực tập Giới, Định, Tuệ. Chùa chiền do đó cũng thường có cảnh trí hài hòa với thiên nhiên, khiêm tốn ẩn mình dưới các tầng cổ thụ, khéo léo nép bên vách núi, đầy bóng mát của cây xanh, hòa giữa sơn thủy hữu tình.

Con người nhân danh sự sống xã hội văn minh, nhân danh trí thông minh, mà thực ra là bị lòng tham lam không cùng sai khiến, đã khai thác thiên nhiên đến cạn kiệt, làm ô nhiễm môi trường, mất cân bằng đời sống sinh thái vốn tốt đẹp, chế tạo ra những hóa chất để kích thích sự tăng trưởng đã vô tình để lại những hậu quả khó lường cho môi trường sống.

Con người đã chế tạo ra năng lượng nguyên tử,

nhưng khổ thay lại không có giải pháp an toàn cho nó mỗi khi gặp sự cố, cho nên hậu quả của những sự việc này là rất khó lường. Đó là bi kịch của những sáng tạo được nhân danh văn minh, trí thông minh vượt bậc mà lại thiếu động cơ tốt lành, tôn trọng môi trường sinh thái.

Có thể khẳng định rằng, tất cả mọi việc làm tác hại đến môi trường sinh thái và hủy hoại trái đất này đều phát xuất từ tâm tham lam, tâm trục lợi, tâm ích kỷ, tâm si mê của con người. Thực tế cho thấy những người, hay những đoàn vì lòng tham vô cùng, nên họ thường tóm thu về cho cá nhân hay cho nhóm, khiến họ trở thành mù quáng và rất tàn ác, mất cả nhân tính. Họ sẵn sàng sát hại, gây chiến tranh, làm cho nghèo đói, bệnh tật lan tràn, tiêu hủy mạng sống của con người, của các loài và môi sinh cũng từ đó ngày càng hư hoại thêm. Hoặc để thu được món lợi khổng lồ, song song với việc khai thác tài nguyên bừa bãi, họ còn xả chất độc hại vào lòng đất, vào sông ngòi, vào không khí, làm ô nhiễm môi sinh, tác hại đến sức khỏe và gây bệnh tật cho nhiều người.

Hàng đệ tử Phật ứng dụng lời Phật dạy, không tham lam, không làm những việc tác hại đến muôn loài, hại mình và hại môi trường qua cách sống thiếu dục tri túc. Đó là cách sống hiểu biết và cao thượng, hạn chế tâm vị kỷ, không vì làm lợi cho riêng mình mà gây tổn hại đến người khác, đến các sinh vật khác, sống hài hòa với thiên nhiên, không phá hủy môi sinh, không khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bừa bãi, chỉ khai thác những gì thiết yếu và khai thác có mức độ, để thế hệ kế tiếp có thể tiếp tục được hưởng của cải thiên nhiên. Đó là cách tốt nhất để cải thiện chất lượng môi trường sinh thái và phòng tránh những thảm họa thiên tai tàn khốc, như chúng ta đã và đang thấy hiện tượng đó diễn ra khắp nơi trên thế giới hôm nay.

Tôn trọng sự sống là một điều được đề cao trong Phật giáo, bảo vệ rừng, đấu tranh cho quyền muông thú, chia sẻ những ích lợi một cách bình đẳng, dẹp bỏ tư duy con người có quyền tối thượng, có quyền được hưởng thụ và ép buộc mọi thứ phải theo mình. Người Phật tử nhận thức sâu sắc lời Phật dạy là người luôn ý thức rằng mình không thể có hạnh phúc khi mình xâm phạm đến hạnh phúc của tha nhân; mình không thể có môi trường sống tốt lành nếu không biết đóng góp thiết thực xây dựng môi trường sống lành mạnh, xanh tươi. Ngược lại, mỗi suy nghĩ, lời nói và hành động có hại cho tha nhân, cho môi trường cũng chính là đang gây hại cho chính mình.

Một giải pháp cho vấn đề xã hội là giáo dục nhận thức của mỗi cá nhân, bắt đầu từ việc giảm thiểu đi tham, sân, si; tăng trưởng các tâm từ, bi, hỷ,

xả thì xã hội sẽ dần thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn, khi tâm thức của mỗi cá nhân thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Theo cách nhìn của Phật giáo, sẽ không bao giờ có một xã hội tốt đẹp khi ở đó cộng tồn những cá thể chất chứa quá nhiều tham, sân, si gốc rễ của những hành vi bất thiện có những chiều kích xã hội lớn lao.

Nhân mùa Phật Đản năm nay, học theo lời Đức Thế Tôn đã dạy, người Phật tử chúng ta cùng nhiệt thành hưởng ứng các cuộc vận động vì một môi trường sống tốt lành mà Liên hiệp Quốc đã khởi xướng, nhằm cứu vãn và bảo vệ màu xanh của trái đất. Chúng ta hãy cùng tiết kiệm năng lượng điện dùng trong sinh hoạt hàng ngày, hãy tham gia hưởng ứng "Giờ trái đất" một cách thiết thực, cũng như các phong trào làm sạch, giữ gìn môi trường sống tốt đẹp, trong sạch do cộng đồng phát khởi.

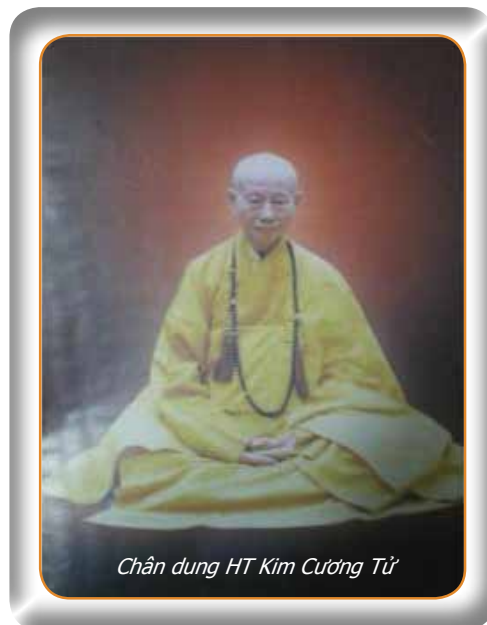
Chúng ta hãy cùng nhau nhất tâm cầu nguyện sự an lành đến với các nạn nhân trong thảm họa động đất và sóng thần ngày 11-3-2011 tại các thành phố Kesenuma, Onahama, Sendai, Hachinohe của Nhật Bản. Bên cạnh đó, thực hiện lời Phật dạy, chúng ta hãy cùng nhau tiên phong trong việc bảo vệ môi trường sống, bằng cách trồng cây xanh tạo thêm bóng mát, làm gương cho cộng đồng nơi mình sống. Mỗi mầm cây hôm nay sẽ có thể là cây cổ thụ trong tương lai. Mỗi suy nghĩ, lời nói và hành động thiện lành, tốt đẹp hôm nay sẽ góp phần tạo nên môi trường sống tốt đẹp cho hiện tại và tương lai.

Kính lễ dưới gốc cây Vô ưu, vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện đản sinh Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. ●



Mây Cảm Nghĩ Về Hòa Thượng Kim Cương Tử

GS. AHLĐ Vũ Khiêu
giaohoiiphatgiaovietnam.vn



Chân dung HT Kim Cương Tử

1. Hòa thượng Kim Cương Tử, thế danh là Trần Hữu Cung, là người đồng hương với tôi, hơn tôi 2 tuổi. Chúng tôi đều xuất thân trong một gia đình Nho giáo, có truyền thống hiếu học và tín mộ đạo Phật. Chúng tôi đều được bà và mẹ cho đi chùa từ nhỏ. Bà tôi hiến nửa gia tài góp phần xây dựng chùa Cổ Lễ.

Theo Thượng tọa Thích Thanh Nhã, chủ trì chùa Trấn Quốc thì vào năm 19 tuổi (1933) thanh niên Trần Hữu Cung đã quyết chí xuất gia đầu Phật. Tâm trạng của nhiều thanh niên thời buổi đó đứng trước hoàn cảnh xã hội, trong đó tuyệt đại nhân dân đều sống nghèo, thiếu thốn dưới ách của thực dân Pháp, phong kiến. Từ thâm tâm muốn cứu nước, cứu dân, chúng tôi thường tự hỏi làm thế nào để dân ta thoát khỏi cảnh nô lệ, lầm than này. Sự bất công và bất bình đẳng trong xã hội thường dẫn thanh niên chúng tôi gặp gỡ nhau trong những suy tư day dứt về nguồn gốc và ý nghĩa cuộc sống. Nguyên nhân nào đã đem lại sự chia cắt sâu sắc giữa phú quý và bần hàn, giữa tội ác và đau thương? Không tìm được câu trả lời cho cuộc sống trần thế này, chúng tôi dễ dàng hướng về lối giải thoát của các bà, các mẹ chúng tôi là tinh thần từ - bi - hỷ - xả của đạo Phật. Trong thời kỳ ấy, Phật học được phát triển qua các tờ báo như tờ Đuốc Tuệ ở miền Bắc, tờ Từ Bi Âm ở miền Nam, Viên Âm của cụ Lê Đình Thám ở miền Trung. Đặc biệt, Tạp chí Viên Âm đã đem lại cho chúng tôi ý nghĩa sâu sắc của Phật học bằng sự am hiểu sâu sắc về phần giáo lý.

Ông Trần Hữu Cung đã sớm xuất gia và không bao lâu đã được nổi tiếng qua các cuộc thuyết pháp và từ đó đã tiến bộ rất nhanh chóng trong cuộc đời tu hành. Còn tôi thì lao vào con đường trần thế để cứu nước, cứu nhà, trực tiếp đấu tranh theo con đường cách mạng của cụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Ngày hôm nay, trong cuộc hội thảo về Hòa thượng Kim Cương Tử, nhân 10 năm ngày mất của Người, tôi xin có một số suy nghĩ về Hòa thượng, con người đã gắn liền Tôn giáo với nhân sinh, Phật học và Tổ quốc. Tự đặt cho mình pháp danh Kim Cương Tử, Hòa thượng nói: "Tôi là học trò của Đức Kim Cang Thượng Sư, Kim Cương tử là thứ quả cây mặt trời,

một thứ quả rất cứng rắn. Kim Cương tử là đệ tử của giáo thừa Kim Cương¹".

Tôi nghĩ rằng có lẽ Hòa thượng còn tự xác định là một đệ tử của Kinh Kim Cương, một cuốn kinh ngắn gọn nhưng lại là đỉnh cao của tư tưởng Phật giáo, Kinh Kim Cương là chúa của các kinh, nghĩa lý uyên thâm, văn chương cổ kính. Trong lịch sử Phật giáo, các vị cao Tăng, các Thiền sư đã trở thành những vị đại giác đều do kinh này mà vươn tới đỉnh cao của Phật học. Thời nhà Trần, từ Trần Thái Tông, Tuệ trung Thượng sĩ đến tam tổ Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Pháp Loa đều do kinh này mà nắm được ý nghĩa uyên thâm nhất của Phật giáo. Trần Thái Tông nghiên cứu Kinh Kim Cương đã coi câu "Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" là câu đặc đạo của mình.

Tôi nghĩ rằng Hòa thượng Kim Cương Tử đã đạt tới những giá trị cao nhất của Phật học, đã nắm vững kinh Kim Cương và tự coi mình là đệ tử của kinh Kim Cương. Kim Cương tử, Người không nói với ai điều này nhưng đã lặng lẽ xây một tòa Kim Cương bảo tháp trên mảnh đất mà cha ông để lại ở quê hương mình.

Có thể nói suốt cuộc đời, Hòa thượng đã suy nghĩ và hành động trên cơ sở giáo lý của kinh Kim Cương, nhưng Người lại không bao giờ đem Kinh Kim Cương ra giảng giải cho quảng đại Phật tử và nhân dân. Vì đối với những người mới đến cửa ngõ của Phật giáo, đều phải bắt đầu từ cuộc sống hằng ngày của xã hội và của bản thân, rồi từ đó mới đi dần vào những giá trị uyên thâm của Phật học ...

3. Kim Cương Tử là vị Hòa thượng nhập thế. Người dẫn thân vào cuộc sống đầy khó khăn và đau khổ của nhân dân. Bằng những lời nói giản dị và câu văn rõ ràng, Người đã đem đến cho nhân dân những lời răn của Phật Thích Ca và chư Phật về đạo làm người, về

¹. Trích trong sách Những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử - tr. 246

lòng yêu nước thương dân, đặc biệt về truyền thống lâu đời của Phật giáo Việt Nam.

Người luôn luôn nhấn mạnh tính Việt Nam trong đạo Phật của chúng ta. Người luôn gắn tình thần từ - bi - hỷ - xả của đạo Phật với lòng yêu thương mãnh liệt, tinh thần sáng suốt và khí phách anh hùng của nhân dân ta trong đạo lý cứu dân, cứu nước, cứu đời.

Lời nói đi đôi với việc làm, đó là tác phong của Hòa thượng. Người đã suy nghĩ và hành động theo hướng nói trên.

Từ sau Cách mạng tháng Tám, Hòa thượng càng có điều kiện thuận lợi để vừa hành đạo, vừa phục vụ Tổ quốc. Tôi không đi sâu vào những điểm này, những điểm mà Thượng tọa Thích Thanh Nhã đã nói rất kỹ, và các vị đại biểu về dự hội thảo hôm nay tiếp tục nói thêm ...

Tôi chỉ xin nêu lên ở đây những điều mà chúng ta có thể học ở Người trong cuộc sống của chúng ta hôm nay, cuộc sống ở cả tâm linh và thể tục.

a. Trước hết là vấn đề lễ bái, tụng niệm: Hòa thượng thường nói: Lễ Phật là kính Phật, tụng kinh niệm Phật, tưởng nhớ và làm theo lời Phật dạy để mà tu thân. Chính vì thế mà khi lễ Phật, người tu hành không nhất thiết phải lễ bái nhiều. Khi Phật còn tại thế, ai gặp Phật phải trình trọng lễ một lễ để bái chào Ngài là đủ, nếu lễ nhiều thì người ta cho là quái gở (nhân văn quái chi). Thế mà những người sau lại còn phụ họa thêm các thứ lễ khác, đưa cả những món tạp ngoại xáo trộn vào phép lễ Phật⁽²⁾.

Hòa thượng khuyên rằng: "Khóa lễ thông thường cần phải vừa gọn nhẹ, vừa thích hợp với chí nguyện chân chính. Lọc bỏ những cái dị đoan mê tín tạp ngoại.

Rồi đến các thứ kinh sách và sự thờ cúng từ ngoài pha trộn vào, đều sẽ phải phân biệt rõ ràng và từng bước đẩy lùi, loại trừ gặt bỏ³".

Tôi nghĩ rằng những lời dạy của Hòa thượng nói trên đây đang thích ứng với tình hình lễ bái ngày nay sinh rất nhiều những hình thức phức tạp mà các vị chân tu trong Giáo hội chúng ta cũng thường nhắc nhở. Chúng tôi cũng hy vọng những ý kiến hợp lý của Hòa thượng Kim Cương Tử sẽ được giới Phật tử của chúng ta quan tâm, để việc lễ Phật mang ý nghĩa lớn và việc học tập lời răn dạy của Đức Phật được thực hiện trong mọi ý nghĩ và việc làm của chúng ta hôm nay.

b. Hòa thượng Kim Cương Tử nhắc nhở là phải noi theo chính tín và gạt bỏ mê tín. Hòa thượng nói: "Mê tín là tin một cách mê lầm, mù quáng, nhầm nhứ không có căn cứ; chấp nê, cứng đờ, nhắm mắt tin liều, thờ phụng hay làm những cái không chính đáng,



Giáo sư Anh hùng Lao động Vũ Khiêu

không thật có, lạc hậu, lỗi thời, tác hại cả tinh thần lẫn vật chất của nhân dân, như đồng bóng, bói toán, vàng mã, phù bùa, tôn bát nhang ..."

Đọc những lời nói trên, chúng ta cảm thấy như Hòa thượng vẫn đang sống để cùng với Giáo hội phê phán những hiện tượng đang diễn ra trên đất nước ta. Tôi nghĩ rằng trách nhiệm của chúng ta là cùng với Giáo hội lên án mạnh mẽ những việc làm nói trên, như những đám mây mù của mê tín đang che lấp tai mắt của người đời trước, lời nói và việc làm cao cả của Đức Phật.

c. Những lời thuyết pháp và những bài viết của Hòa thượng Kim Cương Tử đã được ghi lại trong cuốn sách nhỏ do Thượng tọa Thích Thanh Nhã tổ chức phát hành cách đây 12 năm. Tôi nghĩ rằng có thể còn nhiều lời nói và bài viết của Người chưa nêu ra hết được. Tuy nhiên, cuốn sách đã phản ánh được những ý kiến quan trọng của Hòa thượng từ chiều sâu của tâm hồn và trí tuệ. Với sự sáng suốt của một trí thức và sự tinh vi của một nhà thơ, Hòa thượng đã để lại những trang thơ đầy tâm huyết. Bài lục bát gồm 87 trang đã tóm lược cuộc đời và thành quả của Đức Phật Tổ, với những lời lẽ chân thành và đầy cảm xúc.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh Thành hội Phật giáo cùng vị chủ trì chùa Trấn Quốc và Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã tổ chức cuộc hội thảo nhân 10 năm ngày viên tịch của Hòa thượng Kim Cương Tử. Cùng ôn lại tiểu sử của Hòa thượng, và nghiên cứu những di cảo của Người, chúng ta tưởng Người vẫn đang sống và đang cùng chúng ta phát huy truyền thống của Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp của dân tộc ta và nhân loại ngày nay, không chỉ để tôn vinh Hòa thượng mà còn để biến ước mong sâu kín của Người thành hiện thực. ●

2. Sđd - tr. 267

3. Sđd - tr. 272 - 273

Lễ Phật đản trong truyền thống Phật giáo Nguyên thủy – Theravāda

Quang Niệm

Theo Tam Tạng giáo điển của Phật giáo Nam tông - Theravāda, ngày trăng tròn tháng Tư Âm lịch là ngày lịch sử, kỷ niệm một lúc 3 thời kỳ: Bồ Tát Đản sanh, Phật Thành đạo và Phật nhập Niết bàn, Phật giáo thế giới gọi ngày ấy là lễ Vesak "Tam Hợp" (The Triple Festival).

Ngược dòng lịch sử cách đây hơn 25 thế kỷ, đức Từ Tôn, cứu thế đã xuất hiện giữa Trung Ấn Độ để sau này trở thành một bậc Đại Vĩ Nhân mở đầu cho một kỷ nguyên an lạc và giải thoát. Ngài ra đời nhằm ngày thứ sáu, Rằm tháng Tư Âm lịch.

Lời nói đầu tiên của con người hi hữu phi phàm này ngay sau khi xuất hiện giữa trần gian ở vườn Lumbini tại thành Kapilavatthu như sau:

"Aggohamasmi Settho
Aggohamasmi Jettho
Aggohamasmi Anuttaro
Ayamanti mā Jāti natthi dāmi punabbhavote"

*Ta là bậc cao nhất trên đời
Ta là người quý nhất trên đời
Ta là bậc chí tôn trên đời
Sự sinh ra của ta kiếp này là kiếp cuối cùng
Nay ta chẳng còn tái sinh nữa.*

Ngài lớn lên trở thành người tài ba lỗi lạc, tướng mạo cực kỳ khôi ngô, sống trong cung vàng điện ngọc, vợ đẹp, hầu xinh, giường ngà, chiếu ngọc, nhưng với chí nguyện "độ đời", lúc nào Ngài cũng băn khoăn, suy tư, khắc khoải, lo âu tìm kiếm một con đường giải thoát để cứu khổ cho chúng sanh đang u mê trong đêm tối của cuộc đời.

Vượt kinh thành, xuất gia tìm đạo và trải qua sáu năm khổ hạnh, màn trời chiếu đất cơ cực trăm bề, rốt cuộc Ngài tự phát hiện ra con đường Trung đạo (Majjhimapatipadā) có năng lực đưa đến thoát ly sinh tử, và cuối cùng Ngài đã đắc đạo quả trong ngày thứ ba, rằm tháng

Tư âm lịch.

Lời nói đầu tiên của đức Thế Tôn sau khi đắc thành quả vị Phật:

"Aneka Jāti masaram sandhāvissam ambbisam Gaha karam gavesanto dukkha Jāti punappunam Gahakaraka ditthosi puna geham nakahasi sabbate phāsukā bhaggāgahakūtam visamkhatam vihamkhāragatam cittam tanhānam khayamajjhāmā".

Nghĩa là:

Trong vô số lượng kiếp, Như Lai còn lặn lội tìm kiếm người thợ cắt nhà thì sự sanh đã khiến Như Lai đau khổ không ngừng. Nay người thợ nhà kia, người đã bị Như Lai khám phá ra rồi, đứng hồng cắt nhà cho Như Lai được nữa, sườn nhà, nóc nhà đã bị Như Lai phá vỡ và triệt hạ, tâm Như Lai hoàn toàn vô hành, vô nhiễm.

Sau khi chứng quả Chánh Biến Tri (Sammāsambuddho) thay vì an hưởng quả vị siêu thoát một mình, nhưng với lòng từ bi vô lượng thúc đẩy Ngài không nỡ để cho chúng sanh chìm ngập khổ sầu mãi trong biển lệ trầm luân, nên Ngài nỗ lực suốt 45 năm trường đem đạo vàng truyền bá khắp nơi, nhằm một mục đích duy nhất là đem lại hạnh phúc và giải thoát cho chư Thiên và nhân loại.

Cuộc đời hoằng hóa lợi sinh của đức Phật trong suốt 45 năm, mỗi ngày được chia ra làm 5 công việc như sau:

1. Pubbanne pindanātam: Sáng, đi khất thực và gieo duyên lành cho chúng sanh.
2. Sāyanne Dhammadesanam: Chiều, thuyết pháp cho chúng sanh.
3. Padose bhikkhu ovādam: Tối, giáo giới chư Tăng.
4. Addharatte devapannānam: Khuya, giảng pháp và trả lời thắc mắc cho chư Thiên.



sankhāra appamā
dena sampadethati
ayama tahagatassa
paccha mavācā.

Nầy chư Tỳ kheo,
từ lâu nay các con
nương nhờ nơi Như
Lai, nay Như Lai sắp
từ giã các con, kiếp
sống thật là ngắn
ngủi, vạn vật có sự
tan rã là lẽ thường.
Các con không nên
có sự buồn khổ, các
con hãy cố gắng
chuyên cần hành
đạo và đừng nên dễ
duôi. Sau khi Như Lai
nhập Niết bàn, Kinh,
Luật, là thầy của các
con vậy.

Như vậy ngày
rằm tháng Tư không
những là kỷ niệm
ngày Bồ Tát Đản
sanh, mà còn là ngày
Thành đạo và Phật
nhập Niết bàn.

Ngày nay, cứ mỗi
khi đến ngày rằm
tháng Tư, ngày Đại
lễ Phật đản - Vesak
- Tam hợp, Phật tử
Việt Nam cũng như
Phật tử trên thế giới
đều hướng tâm về
đức Phật. Đời Ngài
đã thuộc về quá khứ

5. Paccuseva gate kāle bhabbābhabbe
vilokanam: Rạng đông, dùng Phật nhãn xem xét
trong Tam giới có chúng sanh nào hữu duyên để
tế độ hôm ấy.

Do đó đời Ngài hoàn toàn hy sinh để thực
hiện hạnh độ đời cho đến hơi tàn sức kiệt, Ngài
trở về Kusināra và Ngài tịch diệt. Thân Ngài nằm
giữa hai cây Long Thọ (Sālā), hôm ấy nhằm
ngày thứ tư, rằm tháng Tư âm lịch.

Lời nói sau cùng của đức Bốn Sư Thích Ca
Mâu Ni Phật là:

Amantiyāmi Vo bhikhave vaya dhamma

nhưng uy danh Ngài vẫn sống mãi với trào lưu
lịch sử. Do đó, để tưởng nhớ đến ngày kỷ niệm
lịch sử của Ngài, giới Phật giáo Nam tông, các
chùa có tổ chức thọ hạnh đầu đà thức trọn đêm
không nằm không dựa để tham thiền, tụng kinh,
chiêm bái Xá lợi đức Phật Tổ, hái hoa Phật pháp,
gieo duyên học Phật, luận đạo, kinh hành v.v...
hầu cúng dường đức Phật một đêm không ngủ
để gieo duyên lành giải thoát và giác ngộ.

Cầu chúc quý vị hưởng mùa Phật đản vui vẻ
hạnh phúc trong ánh hào quang từ bi, trí huệ
của đức Phật Tổ Như Lai. ●

KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM (BHAYABHERAVA SUTTA)

HT. Thích Minh Châu

Tại Sāvattthī, Jetavana, Anāthapiṇḍikārāma, Thế Tôn thuyết pháp cho Bà la môn Jānussoni. Jānussoni nói rằng thật khó kham nhẫn những trú xứ xa vắng, rừng núi hoang vu; thật khó khăn đời sống độc cư. Rừng núi làm rối loạn tâm trí vị Tỷ kheo chưa chứng thiền định. Đức Phật xác nhận lời tuyên bố của Jānussoni là đúng và nói lên những kinh nghiệm và suy tư của đức Phật.

Tỷ kheo nào sống trong rừng núi hoang vu, rơi vào một trong mười sáu trường hợp này, thời chắc chắn phải sợ hãi khiếp đảm, bất thiện khởi lên. Thân, khẩu, ý nghiệp không thanh tịnh, mạng sống không thanh tịnh; tham dục, ái dục cường liệt, tâm sân hận ác ý, hôn trầm thụy miên chi phối, dao động, tâm không an tịnh, nghi hoặc do dự, tự tán hủy tha, run rẩy sợ hãi, ham muốn lợi danh, lười biếng không tinh tấn, thất niệm không chú tâm, không định tĩnh, tâm tán loạn, ngu độn si ám. Đức Phật không có mười sáu trường hợp này nên Ngài sống trong rừng núi hoang vu không có sợ hãi, an trú trong các thiện pháp, nên cảm thấy lòng tự tin xác chứng hơn khi sống ở thành thị.

Đức Phật kể lại kinh nghiệm của Ngài đối trị với sợ hãi khi sống trong rừng núi hoang vu. Ngài lựa những đêm thật tối trời, Ngài trú tại chỗ thật hãi hùng, khi nào sợ hãi đến trong bất cứ cử chỉ nào, đi đứng nằm ngồi, Ngài không thay đổi cử chỉ, trong cử chỉ nào mà sợ hãi đến, Ngài giữ nguyên cử chỉ ấy và đối trị với sợ hãi. Ngài cũng không chấp nhận một số Sa môn, Bà la môn, tưởng đêm là ngày, ngày là đêm để đối trị sợ hãi. Ngài cho như vậy là ngu si. Ngài nghĩ đêm là đêm, ngày là ngày. Rồi đức Phật nói đến nếp sống của Ngài và những quả chứng

Ngài đạt được. Ngài là vị hữu tình không có si ám, sống vì hạnh phúc cho chúng sanh, tinh tấn, không lười biếng, an trú chánh niệm, tâm không tán loạn, không dao động, tâm được định tĩnh, trú bốn thiền, canh một chứng được Túc mạng minh, canh giữa chứng được Thiên nhãn minh, canh cuối chứng được Lưu tận minh, đoạn tận các lậu hoặc, chứng quả A la hán. Rồi đức Phật khuyến cáo chớ có nghĩ rằng Sa môn Gotama vì chưa diệt trừ tham, sân, si, nên sống trong rừng núi. Đức Phật xác nhận hai mục đích đức Phật sống trong rừng núi: Một là, hiện tại lạc trú; hai là, vì lòng thương tưởng chúng sanh trong tương lai. ●



VÔ MINH ĐẪU MỌI ÁC PHÁP

Tuệ Siêu

"Ở đây, Đức Thế Tôn nói như sau - ví như, này các tỳ kheo, một ngôi nhà có nóc nhọn cao, phàm có những cây kèo xa nào, tất cả chúng đều đi đến góc nhọn, đều quy tựa vào góc nhọn, đều châu đầu vào góc nhọn, tất cả chúng đều đâm đầu vào góc nhọn. Cũng vậy, này các tỳ kheo, phàm có những bất thiện pháp nào, tất cả chúng đều lấy vô minh làm cột rễ, đều lấy vô minh làm điểm tựa, đều châu đầu vào vô minh, tất cả chúng đều đâm đầu vào vô minh"⁽¹⁾. Do vậy, này các tỳ kheo, các ông cần phải học tập như sau: "Chúng ta hãy sống không phóng dật".

Phật ngôn này, Đức Thế Tôn dùng hình ảnh một mái nhà nóc nhọn, đỉnh nhọn ấy là điểm quy hướng tập trung của những cây kèo nhà, ví dụ này để nói lên vô minh là đầu não của các ác pháp.

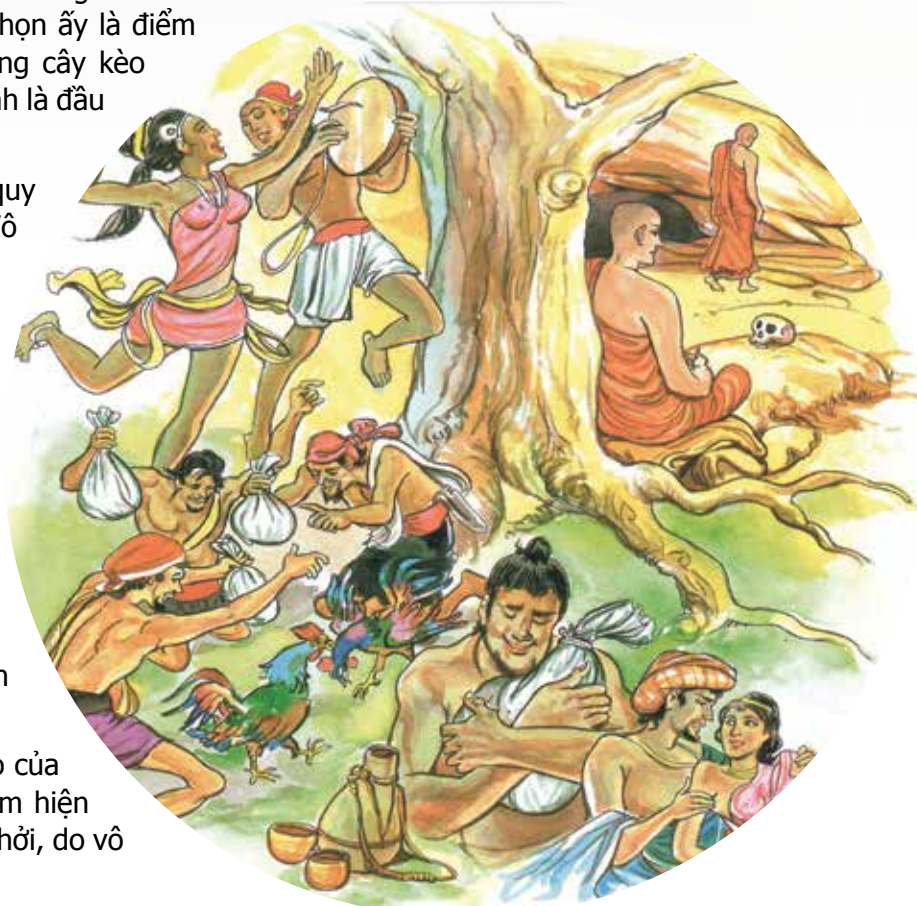
Thật vậy, vô minh là chỗ quy hướng của pháp bất thiện. Vô minh (avijjā) chính là Si tâm sở (mohacetasika) là căn bất thiện (akusalamūla); vô minh có mặt trong tất cả tâm bất thiện, tâm tham, tâm sân và tâm si; vô minh là trạng thái si mê, tăm tối, không hiểu biết sự thật, như là không biết về khổ, nhân sanh khổ, sự diệt khổ và đạo hành diệt khổ, không biết về mười hai duyên sinh là tập khởi của toàn bộ khổ uẩn...

Nói rằng vô minh là đầu não của ác pháp vì do vô minh mà tham hiện khởi, do vô minh mà sân hiện khởi, do vô

minh mà tà kiến có mặt, do vô minh mà tật đồ bỏn xẻn sanh lên...

Cái gốc vô minh là loại phiền não đáng sợ nhất, dù là ba bậc thánh hữu học (tu đà hườn, tư đà hàm, a na hàm) vẫn chưa đoạn tận vô minh; chỉ có bậc A la hán mới hoàn toàn đoạn tận vô minh.

Đức Phật dạy các tỳ kheo hãy sống không phóng dật (appamatto) có nghĩa rằng hãy tỉnh cần nỗ lực, chớ để xuôi trong việc hành thiền định để đoạn trừ vô minh, thành tựu cứu cánh giải thoát. ●



1. Kinh Tương Ưng



NỘI QUI

BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ TỰ, VIỆN, TĂNG, NI

ĐIỀU 16: Tất cả các Tự, Viện là các cơ sở tín ngưỡng theo đúng truyền thống của Đạo Phật được kiến tạo trước ngày 07-11-1981 (ngày Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam) đều là đơn vị cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được các cấp Giáo hội và Nhà nước bảo hộ theo quy định của Hiến chương Giáo hội, Pháp luật Nhà nước.

ĐIỀU 17: Những cơ sở Tự, Viện do tổ chức, Hệ phái xây dựng trước ngày 07-11-1981 nay thuộc quyền quản lý, điều hành trực tiếp của các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Trung ương đến địa phương, có sự lưu tâm đến đặc thù, truyền thống của từng Hệ phái trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

ĐIỀU 18: Những Tự, Viện có tín ngưỡng theo truyền thống tổ chức, Hệ phái đều do tổ chức, Hệ phái quản lý, điều hành về sinh hoạt tín ngưỡng, tu học tại các cơ sở đó, nhưng tất cả đều thống nhất quản lý về mặt tổ chức trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

ĐIỀU 19: Những cơ sở tín ngưỡng Đạo Phật được kiến tạo sau ngày 07-11-1981 cho đến nay, nếu chưa đăng ký danh bạ Tự, Viện thì phải lập các thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật Nhà nước. Cơ sở Tự, Viện được xem là hợp pháp, về mặt luật pháp phải được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, về mặt tín ngưỡng phải được Ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo cấp Tỉnh chấp thuận, sau đó mới được đăng ký danh bạ đơn vị cơ sở Tự, Viện của Giáo hội.

ĐIỀU 20: Việc xây dựng mới các cơ sở tín ngưỡng Đạo Phật tại các vùng giãn dân, vùng kinh tế mới v.v... theo thủ tục như sau:

a. Nếu là cá nhân Tăng, Ni hoặc cư sĩ Phật tử xây dựng thì cá nhân đó làm thỉnh nguyện thư gửi Ban Thường trực Ban Trị sự để Ban Thường trực Ban Trị sự xin phép các cơ quan chức năng cấp tỉnh theo quy định của Pháp luật Nhà nước.

b. Nếu do Giáo hội hay Ban Trị sự chủ trương thì Ban Thường trực, Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo đứng đơn xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐIỀU 21: Việc tiếp nhận sự hiến cúng các cơ sở Tự, Viện, Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo cấp Tỉnh thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai, giải quyết vấn đề nội bộ cho ổn định trước khi tiếp nhận và đăng ký danh bạ.

ĐIỀU 22: Việc cải gia vi tự do Ban Trị sự kết hợp cùng Ban Tăng sự Tỉnh, Thành hội Phật giáo quyết định phù hợp với pháp luật Nhà nước.

ĐIỀU 23: Mẫu con dấu tròn các cơ sở Tự, Viện được thực hiện theo quy định chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Pháp luật Nhà nước.

ĐIỀU 24: Tất cả thành phần Tăng, Ni (tu sĩ) như đã quy định tại các điều 12, 13, 14, 15 Chương IV đều phải lập lý lịch đăng ký vào danh bạ Tăng, Ni (tu sĩ), Tự, Viện của Tỉnh, Thành hội Phật giáo.

ĐIỀU 25: Ban Tăng sự Trung ương căn cứ danh bạ, lập danh sách Tăng, Ni (tu sĩ) đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp giấy Chứng nhận Tăng, Ni (tu sĩ) để xác nhận tư cách thành viên Tăng, Ni (tu sĩ) trong Giáo hội.

ĐIỀU 26: Thành viên Tăng, Ni (tu sĩ) Giáo hội Phật giáo Việt Nam đều phải cư trú tại các cơ sở Tự, Viện hợp pháp của Giáo hội. Trường hợp vì yêu cầu phục vụ lao động sản xuất, tham gia các công tác từ thiện xã hội, phục vụ nhân dân buộc phải cư trú ngoài cơ sở Tự, Viện v.v... nhưng phải có thời gian quy định cụ thể do đơn vị hành chánh Giáo hội chủ quản quy định.

ĐIỀU 27: Tăng, Ni không được cư trú và hoạt động tín ngưỡng Đạo Phật tại các nơi thờ tự không phải là tín ngưỡng Đạo Phật như: Đình, Đền, Phủ, Miếu, nhà trọ, nhà khách v.v... và không được cư trú tại các tư gia Phật tử (còn tiếp).●

Giới Thiệu Tập PARIVĀRA TRONG LUẬT TẠNG PĀLI

Bhikkhu Indacanda

Parivāra là tập cuối của Vinayapīṭaka (Tạng Luật). Về ý nghĩa của từ Parivāra, học giả I. B. Horner phân tích như sau: "... Pari là tiếp đầu ngữ có ý nghĩa: Đi vòng quanh, bao bọc xung quanh v.v... và vāra lấy theo từ gốc của Sanskrit là √vr có nghĩa là bao phủ..." (√vr còn có nghĩa thứ hai là chọn lựa); dựa theo đó, chúng tôi tạm lấy tên là "Tập Yếu" có ý nghĩa nôm na là "Tập hợp lại những điều chính yếu." Những điều chính yếu ấy đã được chọn lọc từ hai bộ Luật Suttavibhaṅga và Khandhaka rồi được sắp xếp và trình bày qua những góc nhìn khác biệt.

Như vậy, phải chăng bộ Tập Yếu – Parivāra này không đem lại tư liệu gì mới cho người đọc? Suy nghĩ như vậy xét ra cũng có phần đúng. Tuy nhiên, trong số những người đã đọc qua, thậm chí đã học một cách kỹ lưỡng hai bộ Luật trên, người nào có thể khẳng định rằng bản thân có thể hiểu được chính xác và ghi nhớ đầy đủ các điều đức Phật đã dạy, hoặc nghĩ đến việc hệ thống hóa lại kiến thức về Luật? Chúng ta hãy thử trả lời các câu hỏi sau: "Các điều học đã được quy định ở bao nhiêu địa điểm? Mỗi địa điểm như vậy được bao nhiêu điều? Có bao nhiêu điều học đã được quy định chung cho tỳ khưu và tỳ khưu ni? Là các điều học nào? Có bao nhiêu điều học đã được quy định riêng cho tỳ khưu, cho tỳ khưu ni? Là các điều học nào? v.v... Parivāra đã giải quyết các câu hỏi đó giúp cho người đọc khỏi phải mất thì giờ vận dụng ký ức hoặc phải mở sách ra xem lại.

Mười chín chương của bộ Tập Yếu – Parivāra được trình bày theo thứ tự như sau:

I. Chương Mười Sáu Phần Chính thuộc Phân tích giới Tỳ khưu: Tóm lược đầy đủ 227 điều học

của tỳ khưu.

II. Chương Mười Sáu Phần Chính thuộc Phân tích giới Tỳ khưu Ni: là phần tóm lược Bhikkhunīvibhaṅga gồm các điều học được quy định riêng cho tỳ khưu ni, cách trình bày cũng tương tự như ở chương trên dành cho tỳ khưu.

III. Tóm Lược về Nguồn Sanh Tội: Từ thân khẩu ý được phân chia thành sáu nguồn sanh tội: có thể sanh lên do thân và do ý, không do khẩu; có thể sanh lên do khẩu và do ý, không do thân, v.v... Có tội chỉ có một nguồn sanh tội, có tội có hai, có tội có ba, có tội có bốn, có tội có sáu, và tất cả có mười ba nhóm có nguồn sanh tội giống nhau.

IV. Tuy được phân ra làm hai phần: (a) Sự trùng lặp liên tục và (b) Phân tích cách dàn xếp, nhưng phần (b) chỉ là phần tiếp theo của phần (a) chưa được hoàn tất. Sở dĩ nhận ra được hai phần riêng biệt do việc các nhà kết tập vẫn lưu lại câu văn báo hiệu sự kết thúc của phần đầu: "Antarapeyyālaṃ niṭṭhitam" có nghĩa là "Sự trùng lặp liên tục được chấm dứt". Về phương diện hình thức, cả hai phần này là các câu hỏi và đáp mở đầu bằng dạng tiêu đề (mātikā).

V. Các Câu Hỏi về bộ Hợp Phần Khandhaka: Chỉ là một chương ngắn gọn giới thiệu qua các chương của bộ này gồm có Đại Phẩm – Mahāvagga và Tiểu Phẩm – Cullavagga dưới dạng câu hỏi và đáp về bao nhiêu loại tội cho mỗi chương và chấm dứt khi liệt kê đầy đủ

22 chương của bộ Luật này.

VI. Tăng Theo Từng Bậc: Được trình bày dưới dạng pháp số từ nhóm một đến nhóm mười một có nội dung liên quan đến Luật và hình thức được trình bày tương tự như ở Kinh Tăng Chi Bộ – Aṅguttaranikāya thuộc Tạng Kinh.

VII. Các Câu Vấn Đáp về Lễ Uposatha, v.v...: Chỉ là một chương ngắn đề cập đến các hành sự từ lễ Uposatha, lễ Pavāraṇā, hành phạt mānatta, và sự giải tội. Phần thứ nhì nói về lợi ích của việc quy định điều học. Điều đáng lưu ý là chương này được kết thúc với câu “Mahāvaggo niṭṭhito” nghĩa là “Đại Phẩm được chấm dứt,” trong khi đó các phần đã được trình bày trong chương này được tìm thấy rải rác trong toàn bộ tạng Luật chứ không phải chỉ riêng ở Đại Phẩm – Mahāvagga.

VIII. Sưu Tập Các Bài Kệ: Phần lớn được trình bày dưới thể kệ có xen vào một số đoạn văn xuôi. Nội dung liệt kê tên của tám địa điểm đã xảy ra việc quy định của các điều học, mỗi nơi là bao nhiêu điều học, v.v... ngoài ra, còn phân các điều học thành nhóm theo nhiều khía cạnh khác nhau như quy định chung, quy định riêng, v.v...

IX. Phân Tích Sự Tranh Tụng: Phân tích chi tiết về bốn sự tranh tụng và bảy cách dàn xếp. Chủ đề được trình bày cô đọng nhưng không kém phần súc tích cần được tham khảo.

X. Sưu Tập Khác về Các Bài Kệ: Chỉ là một chương ngắn thuần túy ở thể kệ thuộc đề tài có liên quan đến vị cáo tội: ý nghĩa và mục đích của việc cáo tội, các điểm sai trái chủ yếu mà vị cáo tội cần phải quán xét trong quá trình cáo tội vị khác.

XI. Chương Cáo Tội: là phần trình bày tiếp theo của chương trên có liên quan đến vị cáo tội

và vị xét xử.

XII. Xung Đột (phần phụ): Chỉ là một chương ngắn có liên quan đến vị xét xử, tuy nhiên các chi tiết được trình bày là hoàn toàn mới lạ, không tìm thấy trong các phần Luật đã được đọc qua.

XIII. Xung Đột (phần chính): Sự thực hành của vị xét xử được giảng giải chi tiết. Cách thức được trình bày tương tự như ở bộ Phân Tích Giới Bốn, trước tiên giới thiệu một đoạn văn sau đó là phần giải thích ý nghĩa của từng câu.

XIV. Phân Tích Kāṭhina: Các điều cần biết về Kāṭhina được gom tụ lại dưới dạng hỏi đáp có tính cách tổng quát nhưng không kém phần súc tích, ngoài ra còn có những chi tiết chưa được trình bày ở chương Kāṭhina thuộc Đại Phẩm – Mahāvagga.

XV. Nhóm Năm của Upāli: là các câu hỏi của ngài Upāli và câu trả lời của đức Phật như đã được thấy trong Đại Phẩm – Mahāvagga và Tiểu Phẩm – Cullavagga.

XVI. Nguồn Sanh Khởi: Trình bày về nguồn sanh tội như đã được đề cập ở chương I, II, III. Trong chương này, nguồn sanh tội là chủ đề chính và được trình bày cô đọng theo từng điều học một.

XVII. Sưu Tập Các Bài Kệ (phần hai): Là các câu hỏi đáp liên quan đến tội vi phạm. Tuy nhiên, câu trả lời chỉ có tính cách gợi ý. Có câu có thể dễ dàng liên hệ được vấn đề, nhưng nhiều câu trả lời khác đã chiếm mất nhiều thời gian của chúng tôi trong việc tìm hiểu ý nghĩa từ lời giải thích của ngài Buddhaghosa cũng như xem xét và kiểm tra các phần trích dẫn của Cô I. B. Horner trong bản dịch tiếng Anh.

XVIII. Các Bài Kệ Làm Xuất Mồ Hôi: Là các câu hỏi khó khiến người đọc phải lúng túng và đổ mồ hôi khi suy nghĩ. Về chương này, phần cước chú là điều không thể thiếu sót và cũng đã tạo ra nhiều khó khăn cho chúng tôi trong việc xác định vấn đề. Có một vài câu hỏi, chúng tôi chỉ ghi lời dịch và không thực hiện phần giải thích vì không xác định được nguồn trích dẫn.

XIX. Năm Phần: Trình bày theo năm đề tài: Hành sự, điều lợi ích, sự quy định các loại hành sự, bảy cách dàn xếp đã được quy định, và sự tổng hợp theo chín vấn đề khác nhau. ●

Thiền sư Achaan Buddhādāsa

TK. Thiện Minh (dịch)

Ó lẽ ngài Achaan Buddhādāsa là một vị Thiền sư nổi tiếng tại Thái Lan đương thời. Hơn nữa Ngài là một học giả vĩ đại theo truyền thống kinh điển của Phật giáo, Ngài đã học nhiều lãnh vực khác nhau. Ngài đã viết nhiều sách thiền bằng tiếng Anh và tiếng Thái, giáo lý có so sánh và áp dụng chánh pháp cho đời sống hàng ngày. Trong một bài kinh bao quát, Anāpanasati - nhập tức xuất niệm - thiền sư Buddhādāsa trình bày tỉ mỉ phương pháp thực hành hơi thở chánh niệm đều đặn từ giai đoạn ban đầu cho đến sự giác ngộ cuối cùng. Mặc dù đây là phương pháp chủ yếu cho sự tu tập riêng của Ngài, nhưng lúc nào Ngài cũng thiền về những điều này hơn để hướng dẫn theo một lối tu tập rất cởi mở, sử dụng pháp thiền như là một phương tiện để tiếp cận mỗi sinh hoạt trong đời sống. Ngài là bậc thầy chung cho tất cả. Người nhấn mạnh rằng trái tim hay chân lý của các Tôn giáo thì giống nhau, tự do vay mượn các hình ảnh và các phương pháp của lời dạy từ tất cả các truyền thống khác nhau. Nhờ đa pháp môn của Ngài và những lời dạy đơn giản cao quý, thiền sư Buddhādāsa đã có một tiếng nói lãnh đạo ở Phật giáo Thái Lan, từ nghi lễ đơn giản cho đến một sự hiểu biết là làm thế nào cho sự an lạc phát sinh từ lòng không cố chấp.

Đi vào chùa Suan Moke (vườn hoa giác ngộ), ta sẽ bắt gặp một pháp môn thiền giống như cảm giác an lạc và hài hòa với thiên nhiên. Suan Moke là một ngôi chùa thiền dành cho một số chư ni và ba mươi đến năm mươi chư Tăng trú ngụ cùng với một trung tâm dành cho những du khách cư sĩ. Từ đầu đến cuối, nó được bao bọc bởi một vẻ đẹp hào phóng, có ao hồ tĩnh mịch và đất rừng của miền Nam nước Thái, lẫn mình theo đồi núi với những cốc liêu rai rác khắp nơi. Thiền sư Achaan Buddhādāsa đã xây dựng một "Viện Bảo tàng" lớn, viện này dành để trưng bày Phật pháp nhờ nghệ thuật tranh ảnh và nghệ thuật điêu khắc từ những nước Phật giáo khác nhau và cũng như từ những Tôn giáo khác nữa. Một số những tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng nhất ở viện bảo tàng là do một người phương Tây thực hiện, theo truyền thống của người Nhật Bản và sau đó ông đã qua đời trong khi ông hành thiền trong một hang động trên bờ biển của miền Nam nước Thái. Người ta tìm thấy trong những bức tường hang động và cuốn sổ ghi chép của Ngài, có nhiều bức tranh thanh tú và những lời ghi chú nói lên niềm vui giải thoát.

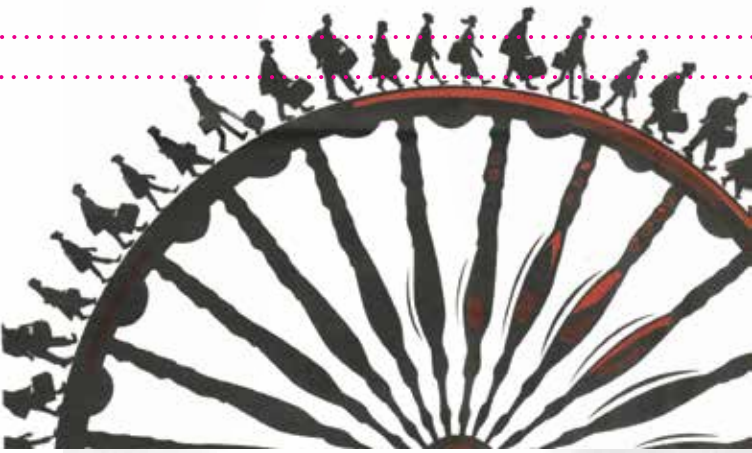


Thiền sư Buddhādāsa

Đi đến sống với thiền sư Buddhādāsa, người ta sẽ được tự do để thực tập nhiều pháp môn khác nhau. Người ta có thể ngồi một mình và theo dõi hơi thở chánh niệm đều đặn như là tu tập bình thường có tập trung, hay học tập kinh điển dưới sự hướng dẫn của Ngài. Hầu hết chư Tăng và chư ni sống ở Suan Moke tu tập một phương pháp thiền trong khi làm việc ở những công trình khác nhau xung quanh tu viện. Đây là mục tiêu chính theo lời dạy của thiền sư Buddhādāsa - Phương pháp thiền tự nhiên được thực hiện qua những hoạt động hàng ngày. Mặc dù thiền sư Buddhādāsa không phản đối những phương pháp thiền tích cực do những vị thiền sư của Phật giáo Nguyên thủy cổ xưa, có thể dẫn đến tuệ giác và giác ngộ, Ngài cảnh giác chúng ta về những nguy hiểm của sự chấp thủ với bất cứ phương pháp tu tập theo nghi thức nào hoặc bất cứ trạng thái đặc biệt nào của tâm.

Trong việc cổ xúy một phương pháp phát huy tự nhiên của tuệ giác, ngài Buddhādāsa không tự cho mình là một thiền sư, Ngài hướng dẫn cho người khác tu tập như là một người bạn tốt, người đem lại một lối sống thích hợp và một vài lời khuyên hay về một phương pháp, giúp cho việc phát triển tự nhiên của tuệ giác. Một phần lớn phương pháp tự nhiên của Ngài là cổ vũ mọi người thấy rõ bất cứ sự ham muốn nào đều dẫn đến sự đau khổ. Thiền mang lại sự đoạn trừ tà kiến. Hơn thế nữa, chúng ta sẽ nhận thấy được sự vô ích trong việc tìm kiếm hạnh phúc cá nhân, trong một thế giới thường xuyên thay đổi ở xung quanh chúng ta và nhận chân được sự an lạc của tâm mà không cần phải nỗ lực tìm kiếm. Con đường tự nhiên rộng mở này của giới, tâm thanh tịnh và hỷ xả là phương pháp của Ngài, giúp tiếp cận với giáo pháp. Nó rất trong sáng, giản dị và không huyền hoặc, dẫn đến sự an vui của trí tuệ và chấm dứt khổ đau.

Ngài Buddhādāsa nói tiếng Anh rất giỏi và có nhiều đệ tử người phương Tây theo học với thiền sư. Ngài nhận được nhiều sự viếng thăm của du khách. Ngài bao dung và độ lượng. Để tìm hiểu thêm về thiền sư Buddhādāsa chúng ta có thể tìm đọc quyển "Con đường đến chân lý" (Toward The Truth), một cuốn sách do Donald Swearer biên soạn và Nhà xuất bản Westminster Press phát hành. ●



Pháp Qua Lăng Kính Abhidhamma

Đức Tài

1. PHÁP

Thuật ngữ Pāli "Dhammā" dịch là: Pháp. "ATTANO - LAKKHANAM = DHAMMO: có trạng thái riêng biệt, phân biệt, tướng trạng khác nhau gọi là Pháp.

* Đặc tính:

- Tự trị trạng thái gọi là Pháp.
- Hoặc: có những phương cách, tư cách riêng biệt để phân biệt được.

- Như: hình vuông - hình tròn - dài - ngắn - ánh sáng - bóng tối - thật - giả - tốt - xấu - thiện - ác - hữu vi - vô vi v.v...

* Tóm lại: Pháp là Chi, Chi cũng là Pháp. Tại sao gọi là Pháp? Tại vì có trạng thái nên gọi là Pháp. Vậy trạng thái ra sao? Ra sao cũng là trạng thái (Hòa thượng Tịnh Sự).

2. Pháp chơn đế (Paramattha sacca)

- Pháp (đã định nghĩa)
- Chơn đế: sự thật, không thay đổi, bản thể thật.
- Vậy: Pháp chơn đế là pháp có chân tướng sự thật, bản chất không thay đổi.

- Như: Tâm là biết cảnh, sở hữu tâm là phần phụ thuộc của tâm, Níp bàn là vắng lặng, vô ấn chứng. "Paramo avipariyo atthoti = Paramattho: không có sự thay đổi khác biệt, gọi là Paramatthe", tức Pháp siêu lý.

- Paramatthasacca: Chơn đế (cảnh của tuệ cao, đặc biệt phi thường, chủ thể chế định).

- Paramatthasacca Dhamma: Pháp siêu lý, có 4 đó là:

- Tâm (citta)
- Sở Hữu Tâm (cetasika)
- Sắc Pháp (rūpādhamma)
- Níp Bàn (Nibbāna)

Bởi pháp siêu lý là chơn tướng, bản thể thật (chân

đế), cố nhiên và tự nhiên, hoặc vẫn như không trái lại (gọi chơn như bản tánh cũng được), hay pháp là: đặc biệt, cảnh tuệ cao và là chủ chế định (Paññatti).

* Đặc biệt: Không thay đổi, sai khác (tâm: biết cảnh; Sở hữu tâm là phần phụ thuộc của tâm tứ đồng: đồng sanh, đồng diệt, đồng nương vật, đồng cảnh; Sắc pháp: tiêu hoại, đổi thay; Níp bàn: vắng lặng, bất động (vô ấn chứng).

* Cảnh tuệ cao: Đây nói đến, đề cập chỉ sự nhận thức, tỏ ngộ, chứng đắc, biết bằng cách cao siêu, phi thường, chẳng phải hiểu theo trong đời thường thức.

* Chủ chế định: tức từ bản thể chơn tướng danh và sắc, mà dựa vào đây (pháp chơn đế) để định đặt, giả định cho các sự vật, sự việc trong thế gian; hoặc chủ yếu của pháp chế định, tức là bản thể của vũ trụ, còn tâm chủ trương vạn vật.

3. Pháp tục đế (Sammutti sacca)

- Pháp: đã định nghĩa
- Tục đế: Sammutti sacca

* Tục: là thể tục thường tình, phong tục, phổ thông, phần tạo đặt ra của thể tình, chế biến định đặt của vạn vật.

Như vậy: Tục đế, có nghĩa là sự thật thường tình, sự thật phổ thông, sự thật của phần tạo đặt, sự thật chế biến định đặt của vạn vật. Như định đặt ra phong tục, tập quán, lời nói, và ý nghĩa lời nói.

* Tục đế: được phân chia ra 2 là:

- Danh chế định
- Nghĩa chế định (sẽ định nghĩa phần sau cuối).

Thí dụ: Về chơn đế và tục đế (các vị luận sư đã dẫn chứng) như sau:

- Vàng: Là bản chất của các loại nữ trang (chơn đế).

- Nữ trang: Nhẫn, dây chuyền v.v... kiểu dáng (tục

đề).

4. Pháp hữu vi (Saṅkhata Dhamma)

- Hữu: Là có, hiện ra, hiện hữu.

- Vi: Hành vi, hành động, tạo tác, còn tái diễn.

- Hữu vi Saṅkhata: Có tạo tác, có trợ tạo, có hành động, kết quả hành động.

Vậy: Pháp hữu vi (Saṅkhata Dhamma) là pháp còn tạo tác, còn hành vi trợ tạo hành động (nghiệp) của danh và sắc pháp.

Còn gọi: Chơn đế hữu vi vì là bản thể thật còn sanh diệt, diệt sanh, bởi tác động của các duyên trợ tạo, tái diễn trong Tam giới (dục giới, sắc giới và vô sắc giới).

5. Pháp vô vi (Asaṅkhata Dhamma)

- Vô: Là không, vô ấn chứng.

- Vi: Tạo tác, hành động, hành vi.

- Vô vi asaṅkhata là: Không tạo tác, không trợ tạo, không hành động, không hành vi, tắt diệt.

Như vậy:

- Asaṅkhata Dhamma là Pháp vô vi: Vắng lặng, bất động, vô ấn chứng, níp bàn.

- Về mặt bản thể thật: Gọi là chơn đế vô vi, bởi pháp diệt tuyệt nhân quả, dứt hẳn phiền não, thanh tịnh, vắng lặng, thoát ly Tam giới, chấm dứt sanh tử luân hồi.

* Phần biết thêm: NIBBĀNA - Níp bàn.

- Hữu dư Níp bàn: Về mặt phiền não diệt tuyệt, nhưng thân ngũ uẩn còn (kiếp chót dư sót). Alahán còn sống.

- Vô dư Níp bàn: Chấm dứt thân ngũ uẩn, vắng lặng, vô ấn chứng. Alahán tịch diệt.

- Chơn không Níp bàn: Quán pháp vô ngã mà chứng đắc, chứng ngộ Níp bàn.

- Vô tướng Níp bàn: Quán pháp vô thường mà chứng đắc, chứng ngộ Níp bàn.

- Vô trước Níp bàn: Quán pháp khổ não mà chứng đắc, chứng ngộ Níp bàn.

* Xếp theo tam tướng: Vô thường - khổ não - vô

ngã.

- Quán về Pháp vô thường mà chứng đắc, gọi là vô tướng Níp bàn.

- Quán về Pháp khổ não mà chứng đắc, gọi là vô trước Níp bàn.

- Quán về Pháp vô ngã mà chứng đắc, gọi là chơn không Níp bàn (hoặc phân ra biết thêm):

* Phiền não Níp bàn (diệt tuyệt, diệt tận phiền não).

* Ngũ uẩn Níp bàn (sát trừ, chấm dứt ngũ uẩn).

* Xá lợi Níp bàn (ngọc xá lợi tiêu mất không còn).

Nhận định: Nêu ra một số danh xưng Níp bàn, để chúng ta hiểu thêm về vài khía cạnh, như:

- Chứng đắc quả Alahán, mà còn sống gọi là gì?

- Vị Alahán sau khi chết, gọi thế nào?

- Ba tướng (vô thường - khổ - vô ngã) quán đắc có phân ra để gọi không?

- Phiền não diệt, ngũ uẩn diệt, xá lợi tiêu mất, phải có một cái tên, để dễ nhận hiểu chăng?

* Tự trung, pháp vô vi, hay chơn đế vô vi, tức níp bàn chỉ có một

Kết luận: Níp bàn = Vắng lặng - bất động - vô ấn chứng.

6. Danh pháp (Nāma Dhamma)

- Danh (Nāma): nghĩa là tên, danh tánh v.v...

- Danh pháp (Nāmadhamma): Tên pháp, ở đây Danh là pháp không có hình sắc, tức là Tâm pháp gồm: Tâm (citta) và sở hữu tâm (citasikā).

Vậy: Danh pháp là pháp biết cảnh, trợ giúp sự biết cảnh, sự hiểu biết, sự suy nghĩ v.v...

7. Sắc pháp (Rūpa Dhamma)

- Sắc pháp (rūpa): Ở đây là vật chất, thể chất vô tri giác (không phải hiểu một nghĩa là màu).

Vậy: Sắc pháp là pháp có thể chất, dạng vật chất vô tri giác, có đặc tính, tính chất biến hoại thay đổi (như bọt nước).

- Xin xem chi tiết phần D (định nghĩa sắc pháp).●

Chiếc vòng của Vua Salomon

Lang (sưu tầm)

Một ngày nọ, Vua Salomon bỗng muốn làm bề mặt Benaiah, một cận thần thân tín của mình...

Vua bèn nói với ông: "Benaiah này, ta muốn ông mang về cho ta một chiếc vòng để đeo trong ngày lễ Sukkot và ta cho ông sáu tháng để tìm thấy chiếc vòng đó".

Benaiah trả lời: "Nếu có một thứ gì đó tồn tại trên đời này, thưa đức Vua, tôi sẽ tìm thấy nó và mang về cho Ngài, nhưng chắc là chiếc vòng ấy chắc phải có gì đặc biệt?"

Nhà Vua đáp: "Nó có những sức mạnh diệu kỳ. Nếu kẻ nào đang vui nhìn vào nó, sẽ thấy buồn, và nếu ai đang buồn, nhìn vào nó sẽ thấy vui". Vua Salomon biết rằng sẽ không đời nào có một chiếc vòng như thế tồn tại trên thế gian này, nhưng ông muốn cho người cận thần của mình nếm một chút bề bồng.

Mùa xuân trôi qua, mùa hạ đến nhưng Benaiah vẫn chưa có một ý tưởng nào để tìm ra một chiếc vòng như thế.



Vua Salomon và Nữ hoàng Sheba



Chân dung vua Salomon - ảnh: internet

Vào đêm trước ngày lễ Sukkot, ông quyết định lang thang đến một trong những nơi nghèo nhất của Jerusalem. Ông đi ngang qua một người bán hàng rong đang bày những món hàng trên một tấm bạt tồi tàn. Benaiah dừng chân lại hỏi: "Có bao giờ ông nghe nói về một chiếc vòng kỳ diệu làm cho người hạnh phúc đeo nó quên đi niềm vui sướng và người đau khổ đeo nó quên đi nỗi buồn không? "Người bán hàng lấy từ tấm bạt lên một chiếc vòng giản dị có khắc một dòng chữ. Khi Benaiah đọc dòng chữ trên chiếc vòng đó, khuôn mặt ông rạng rỡ một nụ cười".

Đêm đó toàn thành phố hân hoan, tung bừng đón mừng lễ hội Sukkot.

"Nào, ông bạn của ta," Vua Salomon nói: "Ông đã tìm thấy điều ta yêu cầu chưa?". Tất cả những cận thần đều cười lớn và cả chính vua Salomon cũng cười.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, Benaiah đưa chiếc vòng ra và nói: "Nó đây thưa đức Vua". Khi vua Salomon đọc dòng chữ, nụ cười biến mất trên khuôn mặt ông. Trên chiếc vòng đó khắc dòng chữ: "Điều đó rồi cũng qua đi"

Vào chính giây phút ấy, vua Salomon nhận ra rằng tất cả những sự khôn ngoan, vương giả và quyền uy của ông đều là phù du, bởi vì một ngày nào đó, ông cũng chỉ là cát bụi. ●



Hòa thượng (HT) Thích Thiện Tâm, Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, Phó ban Phật giáo Quốc tế TƯ, Phó ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh; Phó Hiệu trưởng Trường Cao Trung Phật học TP.HCM, và nhiều chức vụ quan trọng khác. Hòa thượng đã tốt nghiệp Tiến sĩ Giáo dục học tại Việt Nam năm 2008. Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn của phóng viên Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy với Hòa thượng về việc nhận bằng Tiến sĩ danh dự Phật học tại Trường Đại học Mahachulalongkorn - Thái Lan.

Phỏng vấn Hòa Thượng Thích Thiện Tâm vừa nhận Tiến sĩ danh dự do Đại học Hoàng gia Thái Lan trao tặng

PV PGNT

PV: Thưa Hòa thượng (HT) cho đến nay HT là người Việt Nam thứ 5 được nhận bằng Tiến sĩ danh dự Phật học của trường Đại học Hoàng gia Mahachulalongkorn - Thái Lan. Xin HT hoan hỉ cho biết cảm tưởng khi được nhận bằng cao quý này?

HT. Thiện Tâm:

Trường Đại học Hoàng gia Mahachulalongkorn, tại Vương quốc Thái Lan, từ năm 1987, bắt đầu trao bằng Tiến sĩ danh dự cho các tăng ni và học giả trên thế giới có nhiều đóng góp nổi bật trong các lĩnh vực: Nghiên cứu, Văn học, Phiên dịch Kinh điển, Giáo dục, Hoằng pháp v.v... Lễ trao tặng bằng Tiến sĩ danh dự của trường Đại học này thường được diễn ra cùng ngày với lễ phát bằng tốt nghiệp hằng năm cho các sinh viên.

Trước tôi, HT. TS Thích Minh Châu là vị giáo phẩm cao cấp của GHPGVN đầu tiên được vinh dự nhận bằng Tiến sĩ danh dự (năm 1997). Tiếp theo các năm gần đây có quý HT. Thích Trí Quảng, HT. Thích Thiện Nhơn, HT. Thích Giác Toàn và GS Lê Mạnh Thát cũng được nhận bằng Tiến sĩ danh dự tại Đại học này. Riêng Đại đức Thích Nhật Từ cũng được tặng bằng Tiến sĩ danh dự của trường Đại học Mahamakut năm 2010.

Tôi nghĩ rằng đây là danh dự chung cho PGVN và cá nhân chúng tôi.

Chúng tôi tin rằng, qua sự kiện vinh dự này, sẽ góp phần thắt chặt thêm tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân và Phật giáo hai nước Việt Nam - Thái Lan ngày càng tốt đẹp hơn trong bối cảnh hội nhập Asean và Quốc tế hiện nay.

Chúng tôi thấy việc xét tặng bằng Tiến sĩ danh dự cho cá nhân tăng ni và học giả có thành tích xuất sắc trong Nghiên cứu Phật học và ứng dụng vào thực

tiễn Hội đồng Đại học của trường đã làm việc rất nghiêm túc, khách quan và khoa học.

Việc Đại học Mahachulalongkorn hằng năm xét tặng bằng Tiến sĩ danh dự cho chư Tôn giáo Phẩm lãnh đạo Phật giáo các nước có nhiều công lao đóng góp xuất sắc và hiệu quả trên các lĩnh vực hoạt động Phật sự, nhất là Giáo dục, Hoằng Pháp, tôi cho rằng đây là sáng kiến rất quý báu của Phật giáo Thái Lan và sáng kiến ấy rất được hoan nghênh.

PV: Xin HT cho biết năm nay có bao nhiêu tăng ni và học giả nước ngoài được nhận bằng Tiến sĩ danh dự và đến từ nước nào, cụ thể những ai?

HT. Thiện Tâm:

Trong lần phát bằng năm nay, cả trong và ngoài nước có tất cả 63 vị tăng ni và học giả được tặng bằng Tiến sĩ danh dự. Về nước ngoài có 18 vị gồm nhiều vị cao Tăng từ các nước đến như:

HT. Phramaha Chandaphone Chakkavaro 56 tuổi, Chủ tịch Phật giáo Lào tại USA.

HT. Chuan Yin 84 tuổi, Chủ tịch hội Phật giáo Trung Quốc.

HT. Aggamahapandita Bellana Gnavimala 91 tuổi, Chứng minh Tăng già Hệ phái Siam Mahanikaya tại Sri Lanka.

Đại lão HT. Wing Sing, 85 tuổi Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Hồng Kông.

HT. Bhaddanta Agghiya Mahathera 93 tuổi, Chủ tịch Hệ phái Shweyin Nikaya tại Myanmar đời thứ 14.

HT. Chih Huang 100 tuổi, Chủ tịch Hội Phật giáo Negri Semilan, Malaysia.

Đại lão HT. Kojun Handa 94 tuổi, Chủ tịch tông



HT. Tổng Biên tập Thích Thiện Tâm

Thiên Thai Nhật Bản.

HT. Thích Nhất Hạnh 85 tuổi, thiền sư sáng lập Làng Hồng, tại Cộng Hòa Pháp.

HT. Phramaha Masenai (Cittakaro 73 tuổi, Phó Chủ tịch Thường trực Tổ chức Liên hữu Phật giáo Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

HT. Suit Woo Foong 90 tuổi, Viện chủ chùa Kwan Yam Theng, Singapore.

HT. Sik Kwang Sheng 58 tuổi, Chủ tịch Liên đoàn Phật giáo Singapore.

HT. Yi Yin 54 tuổi, Giảng sư trường Cao đẳng Phật học Ching Chueh, Taipei.

HT. Godakalana Gunaratana (Chao Chu) 61 tuổi, Chủ tịch Liên đoàn Phật giáo Los Angeles, USA.

HT. Ben Huan 105 tuổi, tổ sáng lập chùa Hong Fa, Quang Đông, Trung Quốc.

Ni sư Tzu Chuang 80 tuổi, chùa Phật Quang Sơn, Taipei.

Cư sĩ Tao Chuo Len 73 tuổi, bà Sovann Ho 61 tuổi, Phó Chủ tịch Quỹ Oitich Angkor, Campuchia.

GSTS Jens Braarvig, Tổng Biên tập tuyển tập Phật San Schoyen, Giám đốc Viện Triết học và Khảo cổ học, Na uy.

GS Lance Selwyn Cousins, Oxford, England.

PV: Là người được sớm tham gia nhiều công tác Phật giáo Quốc tế và Giáo dục của Giáo hội; ngài cũng là một Tiến sĩ Giáo dục học, tham gia nhiều lãnh vực hoạt động khác của Giáo hội và Xã hội; đặc biệt là hoạt động đối ngoại Nhân dân và Giáo dục gần 30 năm qua, xin HT chia sẻ một vài suy nghĩ của ngài về các lĩnh vực công tác này sau khi được nhận bằng Tiến sĩ danh dự Phật học tại Thái Lan?

HT. Thiện Tâm:

Như chúng ta đều biết nước ta đang ở vào giai đoạn mở cửa của thời Hội nhập Quốc tế; Phật giáo có nhiều thuận duyên phát huy vai trò của mình cùng nhân dân tăng cường quan hệ Hữu nghị và

Hợp tác với các nước Asean cùng cộng đồng Quốc tế, qua đó xây dựng tình đồng đạo và hợp tác giữa nhân dân và Phật tử các nước trên tinh thần hữu nghị bình đẳng tự lợi, lợi tha của Phật giáo, vì hòa bình và an lạc cho nhân loại.

Để thực hiện được nhiệm vụ cao quý ấy, Ban Phật giáo Quốc tế cần phải quán triệt được ý nghĩa, vai trò và nhiệm vụ trên; đồng thời, cần tăng cường lãnh đạo, kiện toàn nhân sự bộ máy hoạt động Phật giáo Quốc tế có sự phối hợp với hoạt động đối ngoại nhân dân của Liên hiệp Hữu nghị với các nước. Có sự kết hợp này sẽ tăng cường hiệu năng hoạt động của chuyên ngành hoạt động Phật giáo Quốc tế của Giáo hội chúng ta. Mặt khác, một yêu cầu khách quan và quan trọng là nhằm đến mục tiêu và lợi ích lâu dài của sự nghiệp phát triển đạo Pháp và dân tộc phù hợp với thời đại, Giáo hội cần nghiên cứu đề án khả thi trong việc chủ động xây dựng tại Việt Nam một trường Đại học tâm cổ Quốc tế nhằm thực hiện sứ mệnh đào tạo Tăng tài cho đất nước, có khả năng tiếp nhận tăng ni sinh từ các Quốc gia trong khu vực và Quốc tế. Với tiềm lực của Phật giáo Việt Nam và xu thế phát triển của đất nước ta hiện nay, tôi tin tưởng rằng, Giáo hội chúng ta sẽ thực hiện được. Là người khẳng định niềm tin đến tiền đồ xán lạn của đất nước và Phật giáo Việt Nam. Sau khi được nhận bằng Tiến sĩ danh dự tại Thái Lan vừa qua, tôi đã có mấy suy nghĩ trên.

PV: Kính tri ân Hòa thượng. ●

Giương Tu Sĩ

THƯỢNG TỌA TUỆ TÂM

Bài: **Chơn Minh**
ảnh: **Võ Tấn Phát**

PV: Xin Thượng tọa (TT) tự giới thiệu về mình và quan điểm trong tu tập của TT?

TT. Thích Tuệ Tâm: Tôi là Thích Tuệ Tâm, trụ trì chùa Pháp Luân, kiêm Giám đốc Trung tâm kế thừa & ứng dụng Y học Cổ truyền (YHCT) (Tuệ Tĩnh đường Liên Hoa - Huế). Năm 1974 tôi xuất gia, đến năm 1978 thọ tỳ kheo với cố HT Ân Lâm là thầy tế độ, đến nay khoảng hơn 30 hạ. Tôi xuất gia ngoài tâm nguyện tâm cầu học hỏi đạo Pháp để phát triển đời sống tâm linh cho bản thân mình, tôi còn có nguyện ước đem sở học Đông y gia truyền của mình để phục vụ và chăm sóc sức khỏe cho tha nhân, nhất là dân nghèo trong khi đất nước ta còn khó khăn về nhiều mặt. Bên cạnh việc giữ tròn bốn phận của một tu sĩ, tôi còn cố gắng thể hiện lời đức Phật dạy "Hãy làm những gì lợi mình lợi người" trở thành thực tế sinh động nhằm giúp mọi người thấm nhuần nếp sống tâm linh Phật giáo.

PV: Xin TT cho biết quá trình hoằng hóa Phật pháp của TT trên đất Huế?

TT. Thích Tuệ Tâm: Mỗi tu sĩ Phật giáo có những cách hoằng pháp khác nhau như thuyết pháp, soạn kinh, hoạt động từ thiện, y tế, hoặc giáo dục v.v... Riêng tôi ngoài việc trụ trì chùa thì việc hoằng pháp của riêng tôi được thể hiện dưới hai hình thức cụ thể là: Thành lập Tuệ Tĩnh Đường chăm sóc sức khỏe cho đồng bào, và lập một quán cơm chay ngay trong khuôn viên chùa Pháp Luân để phục vụ khách thập phương. Ngoài những buổi thuyết pháp, tôi còn tư vấn tâm lý cho nhiều Phật tử, bằng những lời khuyên trong chánh pháp



TT Tuệ Tâm

khi họ có những vướng mắc tâm lý không giải quyết được trong cuộc sống.

PV: Xin TT cho biết tổng quát về việc thành lập Tuệ Tĩnh đường Liên Hoa tại Huế?

TT. Thích Tuệ Tâm: Trước đây vào năm 1982 tôi đã thành lập 1 phòng chẩn trị từ thiện YHCT, đến năm 1989 thì phòng chẩn trị được sát nhập vào hệ thống Tuệ Tĩnh Đường của Giáo hội Phật giáo tỉnh và lấy tên là Tuệ Tĩnh đường Diệu Đế, sau được sự trợ giúp về tài chánh của HT Pháp Nhẫn, trụ trì tự viện Liên Hoa tại Mỹ, cùng sự hỗ trợ của chính quyền các cấp và Giáo hội Phật giáo tỉnh Thừa Thiên - Huế phòng khám được đổi tên thành Trung tâm kế thừa & ứng dụng YHCT (Tuệ Tĩnh Đường Liên Hoa) với tổng số nhân viên khoảng 30 người. Tổng số bệnh nhân trung bình là 250 người/ngày. Trung tâm hoạt động theo phương châm: "Tự lực tự cường; miễn phí cho người nghèo và thu phí đối với những

bệnh nhân có khả năng”. Tài chánh do các mạnh thường quân trong và ngoài nước tài trợ đều được dành hết cho bệnh nhân nghèo tại chỗ hay chi vào các hoạt động khám và chữa bệnh thuộc ngoại vi vùng sâu vùng xa.

***PV:** Xin TT cho biết khái quát về hoạt động của Hệ phái Phật giáo Nam tông tại Huế?*

TT. Thích Tuệ Tâm: Kể về hoạt động Tôn giáo của hệ phái Phật giáo Nam tông tại Huế thì thật nổi trội. Tại Huế hiện nay có tất cả 6 ngôi chùa nguyên thủy và một Tịnh thất. Những hoạt động của hệ phái Phật giáo Nam tông như hoằng pháp, từ thiện xã hội, cứu trợ thiên tai, đều có tổ chức và thực hiện. Nhìn chung, hoạt động của hệ phái Phật giáo Nam tông tại Huế, ngày một khởi sắc.

***PV:** Xin TT cho biết những kỳ vọng của TT về Phật giáo Nam tông tại Việt Nam nói chung và tại Huế nói riêng?*

TT. Thích Tuệ Tâm: Tôi mong rằng hoạt động của chúng tôi sẽ được nhiều chùa Phật giáo Nam tông hưởng ứng và nhân rộng nếu



thế kỷ XXI này người tu sĩ không thể ngồi tu riêng cho mình, mà phải thể nhập giáo pháp vào đời sống bằng những hành động cụ thể như vậy sẽ đặc nhân tâm hơn, và hệ phái Nguyên thủy có rất nhiều cơ hội phát triển sâu rộng hơn trong quần chúng nhằm hưởng ứng khẩu hiệu: **Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội.** ●



như chùa có điều kiện và xem đây là một mô thức đưa đạo vào đời như các hệ phái khác đã và đang làm, vì thực tế đem nhiều lợi lạc đến cho quần chúng. Do vậy, trong thời đại



Giao lưu với Thượng tọa Danh Lung về Ý NGHĨA TẾT CỔ TRUYỀN CHOL-CHNAM THMAY

Bài & ảnh: Quốc An

PV: Xin Thượng tọa (TT) giới thiệu đôi nét về chùa Chantarangsay?

TT Danh Lung: Chùa Chantarangsay tọa lạc tại địa chỉ số 164/235 Trần Quốc Thảo, P.7, Q. 3, theo nghĩa Việt thì chùa có tên là Nguyệt Quang do Hòa thượng (HT) Lâm Em (1946 - 1979), Tăng thống PGNT xây dựng từ năm 1946, năm 1947 đưa vào sinh hoạt Tôn giáo theo hệ phái Phật giáo Nam tông (PGNT) Khmer. Sau khi HT viên tịch thì vị trụ trì kế tiếp là HT. Ôn Srây (1979 - 1995) ngài đã vận động chư Tăng xây dựng phong trào Đại đoàn kết các dân tộc và các hệ phái Phật giáo Việt Nam. Từ năm 1995 cho đến nay thì tôi đảm nhiệm hoạt động Phật sự và trụ trì chùa. Tổng số Tăng sĩ hiện nay đang tu học tại chùa khoảng 46 vị. Chùa hiện nay đã được tôn tạo lại theo đà phát triển của Thành phố, nét kiến trúc của chùa mang đậm tính mỹ thuật PGNT Khmer vùng Tây Nam Bộ và trở thành một trong những thắng tích đẹp trong điểm du lịch của Sài Gòn.

PV: Xin TT tự giới thiệu đôi nét về quá trình tu tập của mình?

TT Danh Lung: Tôi quê ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Năm 1989 - 1991 tôi đang học tại Đại học Kiến trúc Sài Gòn và trú ngụ tại chùa, sau khi tốt nghiệp Kiến trúc sư, tôi vẫn tiếp tục ở và tu học luôn tại đây, sau đó trở thành trụ trì chùa Chantarangsay. Năm 2011, Tôi tốt nghiệp Thạc sĩ Đại học Apollo - USA. Hiện nay tôi là UVTW-MTTQVN, Ủy viên Hội đồng Tư vấn Dân tộc, UV-MTTQ-TP Hồ Chí Minh, về phía Giáo hội tôi hiện là Ủy viên HĐTS-TWGHPGVN, Phó ban Văn hóa Trung ương, Chánh Văn phòng Học viện PGNT-Khmer.

PV: Xin TT cho độc giả biết ý nghĩa ngày tết Chol Chnam Thmay, tết cổ truyền của dân tộc Khmer?

TT Danh Lung: Đây là lễ hội mừng năm mới truyền thống, theo lịch của dân tộc Khmer đồng thời cũng là ngày Tết của các nước khu vực như Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar, Sri Lanka nhưng với các tên gọi khác nhau. Tết diễn ra từ ngày 13, 14, 15, 16, và 17 tháng 04 dương lịch hàng năm. Ngoài Tôn giáo chính là Phật giáo Nam tông, người Khmer còn tin rằng cuộc sống họ mỗi năm do một vị thần trên trời (Tevada) được phái xuống thế gian cai quản, hết năm lại thay vị thần khác. Trước ngày Tết, bà con Khmer lo chuẩn bị rất chu đáo.



TT Danh Lung đang trả lời phỏng vấn với phóng viên Tạp chí

Trong mọi gia đình già cũng như trẻ đều ăn mặc đẹp. Các nhà sư ở chùa làm lễ, tụng kinh cầu an rồi lấy nước thơm (nước có ngâm các loại hoa thơm) để tắm tượng Phật. Ở khắp nơi, đồng bào cũng tắm nước thơm để rửa sạch những xui xẻo của năm cũ, chào đón những điều may mắn trong năm mới. Họ chưng dọn bàn thờ Phật với hoa quả, quét dọn trang hoàng nhà cửa, chà gạo đổ đầy lu, làm bánh, mua các thức ăn, hoa quả, có nhà gói bánh tét, bánh ít v.v... nước sinh hoạt gánh, hứng đổ đầy hũ, đầy chum, trong chuồng trâu bò, rơm rạ cũng đầy đủ để chúng ăn trong ba ngày vui Tết.

Trong đêm giao thừa (đêm 13), cha mẹ, ông bà tập hợp con cháu lại trước bàn thờ tổ tiên, vái cúng tiễn đưa ông Tevada cũ, rước ông Tevada mới, mong được ban phúc lành.

+ **Ngày thứ nhất:** Sáng mùng một Tết có tên là Moha Songkran (Chol Chnam Thmay) nhằm ngày 14-4, làm lễ rước đại lịch. Vào giờ tốt đã được chọn, hoặc sáng hay chiều. Mọi người mặc quần áo đẹp, mang theo lễ vật nhang đèn, hoa quả đến chùa làm lễ rước Đại lịch, theo truyền thuyết dựa vào sách cổ nói về cuộc thách đố giữa vị Phạm thiên có 7 người con gái với cậu Hộ Pháp bằng câu hỏi đặt ra là: "Vị trí duyên của con người nằm ở đâu trong một ngày?". Do sự mách bảo của chim đại bàng nên vị Phạm Thiên này đã thua cậu Hộ Pháp. Vị Phạm Thiên tự chặt đầu mình và dặn các con xuống hồ tắm rửa

sạch sẽ, thọ giới, mang đầu của cha mình để trên đĩa và đi nhiễu Phật 3 vòng, sau đó phân công giáng thể để hộ trì mọi người (Tà Acha đặt Moha Sang-Kran trong khay sơn son thếp vàng, đưa lên kiệu khiêng đi vòng quanh chính điện ba vòng trang trọng, vừa là lễ chào mừng năm mới vừa chờ điểm báo năm mới tốt hay xấu, tùy vào cuộc rước có hoàn thiện hay không? rồi mới vào Chánh điện làm lễ. Sau đó, tất cả vào lễ Phật, tụng kinh chúc mừng năm mới. Sau buổi lễ, mọi người cùng liên hoan, ăn uống tại nhà khách của chùa.

+ *Ngày mồng hai* có tên Wanabat (Wonbơ): Nhắm ngày 15-4, mỗi gia đình đều làm lễ dâng cơm buổi sớm và buổi trưa cho các vị sư sãi ở chùa. Trước khi ăn, các sư tụng kinh tạ ơn người làm vật thực. Buổi chiều, làm lễ "đắp núi cát" (Puôn phnôm khsach) ngay tại khuôn viên chùa, để mong gặp được điều lành theo sự hướng dẫn của vị Tà Acha.

+ *Ngày mồng ba* có tên Tngai Laeung Saka (Lơm sắk): Nhắm ngày 16-4, ngày làm lễ tắm tượng Phật, tắm các sư cao niên. Vào buổi sáng dâng cơm cho các sư, tiếp tục nghe thuyết pháp. Chiều, đốt đèn nhang, dâng lễ vật, đưa nước có ướp hương thơm đến tắm tượng Phật. Biết ơn thương nhớ đức Phật, đồng thời gột rửa hết những bụi trần, mọi điều không may của năm cũ, để bước sang năm mới cho được tốt đẹp và mong mọi sự như ý. Sau đó, ai về nhà nấy dâng cỗ chúc phúc ông bà cha mẹ, mong được tha thứ những thiếu sót, lỗi lầm năm cũ. Rồi anh em sum họp vui chơi, ăn uống, chè chén v.v... Họ còn mời cả bạn bè người Kinh trong xóm ấp đến vui Tết tại nhà, tỏ tình nghĩa đoàn kết hai dân tộc trong ba ngày Tết, bà con còn tổ chức những ngày hội gồm nhiều trò chơi như hát đối, múa trống, thả diều, múa nển, những điệu múa tập thể như lâm thol sôi nổi, lành mạnh. Buổi tối đốt pháo thăng thiên, đốt ống lỏi, đánh quay lửa v.v... Bà con Khmer còn đi thăm hỏi mừng tuổi năm mới và chúc Tết nhau.

PV: *Xin TT cho biết lễ tết cổ truyền của dân tộc Khmer năm nay có được sự quan tâm của Chính phủ không? Đặc biệt các cấp lãnh đạo của TP, của quận và chính quyền địa phương?*

TT Danh Lung: Nhìn chung thì Chính phủ cũng như Ban Tôn giáo từ Trung ương đến địa phương rất quan tâm và trợ giúp nhà chùa trong việc tổ chức lễ hội, nhất là về mặt giữ gìn trật tự an ninh để lễ hội được diễn ra tốt đẹp. Ông Nguyễn Sinh Hùng, UV. Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo Tây Nam bộ đã phát biểu tại lễ hội: "Đồng bào vui tết cùng hướng về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng là sự nghiệp chung của đồng bào Khmer, tôi mong các đồng chí ở các tỉnh thành tiếp tục tổ chức vui tết ấm

cúng, biểu dương công lao của đồng bào Khmer và đoàn kết dân tộc, thể hiện sự tôn trọng Phật giáo Nam tông Khmer là một trong những hệ phái lớn của Phật giáo nước ta, dù là đồng bào Khmer hay đồng bào dân tộc khác chúng ta cũng phải đoàn kết xây dựng Tổ quốc, phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đưa khoa học kỹ thuật vào đời sống của đồng bào dân tộc Khmer".

Chùa Chantarangsay đã nhận được nhiều phần quà, những lẵng hoa lưu niệm của các cấp Chính quyền, Thành ủy và đoàn thể của TP, của Q.3 và địa phương P. 7, đến chia vui vào dịp Tết.

Vào dịp này chùa cũng đã tổ chức phát chẩn 50 phần quà cho đồng bào nghèo tại địa phương theo danh sách đề nghị của MTTQ-P.7 với các tặng vật do các nhà hảo tâm và cơ quan xí nghiệp, Hội Phụ nữ TP đóng góp.

PV: *Xin TT cho biết thành quả của Lễ hội Chol Chnam Thmay năm nay?*

TT Danh Lung: Năm nay lễ hội đạt được thành quả mỹ mãn. Trước tiên, phải kể đến sự quan tâm của các cấp Chính quyền, các Cấp ủy Đảng, tinh thần mộ đạo của quần chúng Phật tử, tình đoàn kết giữa 2 hệ phái PGNT Kinh và Khmer, sự hỗ trợ tinh thần và vật chất của các mạnh thường quân. Tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình này. Cầu xin chư Phật gia hộ cho quý vị cùng gia quyến vô lượng an lạc. Tết cổ truyền Chol Chnam Thmay không dành riêng cho ai mà là cho cả người Kinh cũng như dân tộc Khmer thuộc vùng Nam bộ. Nhân đây tôi cũng chúc phúc cho các Phật tử đã xuất gia gieo duyên tại chùa trong dịp tết cổ truyền này, hạnh phúc thay cho quý vị khi được sống dưới ánh sáng chánh pháp của Đấng Từ phụ Thích Ca.

PV: *Xin cảm ơn TT đã dành thời gian quý báu để chia sẻ với độc giả của Tạp chí PGNT về ý nghĩa ngày tết cổ truyền của dân tộc Khmer. ●*



TT Danh Lung (đứng giữa) chụp hình cùng các Phật tử trong ngày xuất gia gieo duyên

Ngày Lễ Phật Đản Của Em

Duyên Văn

Lễ Phật đản là ngày tưởng nhớ một vị Phật đản sanh nơi cõi Diêm phù trong tâm thức của mỗi chúng sanh. Phật tử chúng ta biết ơn Liên Hiệp Quốc đã tổ chức lễ Vesak hằng năm ghi nhận một sự kiện vô tiền khoáng hậu trong lịch sử loài người. Đó là cách đây 2555 năm một vị Phật ra đời tuyên thuyết một giáo lý tuyệt đối, giải thoát con người và tất cả chúng sanh trên vũ trụ bao la này ra khỏi số phận thống khổ triền miên của nó .

Đức Phật sanh ra là một vị Thái tử. Ngài từ trên cao tột cùng của quyền lực và vật chất xa hoa bước xuống cuộc đời khổ hạnh, ôm bình bát đi xin ăn, nuôi thân mạng mỗi ngày.

Chỉ có một vị Phật mới đi hết con đường vô ngã như thế.

Ngài cũng từ tột đỉnh của khổ hạnh bước ra khỏi tất cả những kiến chấp của khổ hạnh, tri thức, kiến thức, kiến chấp của tất cả các kiến giải mà thực hành trung đạo, tự mình chứng đắc quả Vô thượng Bồ đề, tuyên thuyết con đường trung đạo tức con đường vô thượng giải thoát. Chỉ một vị Phật mới có thể mở ra cho muôn loài chúng sanh con đường vô thượng rốt ráo giải thoát như vậy .

Tất cả những ai có được một hạt vi trần lòng tin nơi Ngài, nơi giáo pháp vô thượng của Ngài và tinh tấn thực hành con đường trung đạo vô thượng ấy cũng đã được rốt ráo giải thoát như Ngài. Tất cả những ai chưa có được một hạt vi trần lòng tin nơi Ngài, nơi giáo pháp vô thượng của Ngài là đang xa lạc trong cõi tối tăm mù thiên kiến, thù hận, nhỏ nhen, ganh tỵ, giận hờn, sát hại v.v... vẫn đang ngụp lặn trong thống khổ triền miên không dứt. Cuối cùng sẽ nhờ vô lượng nhân duyên của chính họ, vô lượng nhân duyên nơi đại nguyện của chư Phật, tất cả chúng sanh này rồi sẽ khởi Bồ đề tâm, sẽ tiến tu con



Hoàng hậu Maya hạ sanh Thái tử Sĩ Đạt Ta

đường vô thượng giải thoát, sẽ tự mình vượt qua khổ hải. Đó chính là ý nghĩa Phật pháp của ngày lễ Phật đản 2555 năm 2011.

Phật pháp cũng đã đi sâu vào đời sống tinh thần của người Việt Nam hơn 2000 năm qua. Trong mỗi thôn làng Việt Nam đều có chùa Phật tồn tại cùng với đình làng, miếu thờ. Trong Chùa Phật đều có bàn thờ vong linh tổ tiên, ông bà quyến thuộc cùng anh hùng nghĩa sĩ vị quốc vong thân. Dòng sinh mệnh của Phật pháp cùng với dòng sinh mệnh của Đất nước, tổ tiên, nòi giống như hai mà một, như hòa quyện vào nhau, như chỉ là một sinh mệnh không thể chia lìa.

Bất cứ ai nhìn thấu suốt dòng lịch sử dân tộc đều thấy trong cổng chùa có hồn non nước, trên mái chùa có phảng phất hồn nghĩa sĩ vị quốc vong thân. Còn ở trong chùa có hồn Việt Nam cháy sáng như tháp đèn lưu ly được sư chắp bao giờ tắt.

Thuở Đinh, Lê, Lý, Trần nhà sư là khai quốc đại thần, an dân chi tướng. Đời suy vi, nhà sư là

thế giáo chi sư của thôn làng dân dã. Đời nào, thời đại nào chùa Phật cũng là chỗ trú ngụ của hồn dân Việt. Bên cạnh lúa, gạo, ngô, khoai, người Việt nào cũng cần một mái chùa để che chở "cái hồn" của mình để "cái hồn" ấy được gần gũi với cội nguồn đất nước, ông bà tổ tiên nơi mình được sanh ra. Mỗi bình minh người Việt Nam đã quen thức dậy với tiếng chuông chùa buổi sáng, do đời sống xa xưa chưa có đồng hồ báo thức. Tiếng chuông chùa tự nhiên đã in sâu vào tâm khảm người dân Việt là vậy.

Mỗi khi lễ Phật đản về, em theo mẹ đi chùa. Mẹ cúng Phật bằng đóa hoa sen dịu dàng, tinh khiết vừa mới hái trong ao sen nhà buổi sớm. Mẹ cùng em lạy Phật, rồi ăn kiểng, ăn bánh cúng, bánh ít, bánh bột gạo gói trong lá chuối, lá dứa. Mùi bột gạo pha lẫn mùi nước cốt dừa có thêm mùi lá dứa hấp chín thơm ngon, giản dị như cái mùi của làng quê Việt Nam mình. Một tháng trước ngày lễ Phật đản ở chùa có tụng kinh, hành thiền, tặng quà từ thiện cho người nghèo. Những buổi trì kinh như dòng nước trong mát, dịu dàng chảy vào lòng em ngọt ngào đầy ắp sự ngưỡng mộ. Gia đình Phật tử Thiện Mỹ đã tổ chức cắm trại trước lễ Phật đản khoảng ba ngày. Những buổi sinh hoạt trại với oanh vũ nam, oanh vũ nữ, những trò chơi dịch mật thư với thiếu niên, những buổi lửa trại rộn ràng tiếng ca hát v.v... Hình ảnh ngày lễ Phật đản của em ấm áp những khuôn mặt bạn bè thân quen .

Ngày lễ Phật đản mấy ngàn năm ở trong hồn Việt Nam đơn sơ, giản dị như hoa sen, như món kiểng ngọt ngào, như bánh ít, bánh dứa v.v... vậy thôi. Người làng quê Việt Nam chẳng có chi cao sang, cầu kỳ, chỉ có gạo nếp, nước dừa, lá chuối, hoa sen v.v... và tất cả lòng ngưỡng mộ sâu xa suốt ngàn năm dâng lên Đức Phật.

Trong cái tâm trí đơn sơ của em ngày lễ Phật đản như dấu ấn của bàn chân Phật trên bầy đóa hoa sen nhiệm màu nở dưới chân Ngài; và có những đóa hoa sen nhiệm màu đang nở ra trong em với lòng biết ơn vô hạn.

Ngày lễ Phật đản của làng quê Việt Nam thanh bình, êm ả. Những ngày tháng đó như một đóa hoa sen vừa mới nở trong ao sen sáng nay thật dịu dàng mà quá sức tinh khiết giống như nụ cười bao dung vô lượng trong mắt của đức Phật từ bi vô lượng đang cười với em. ●

Nghệ Chuột Kiến Trúc

Khmer Nam Bộ

Lê Bá Thanh

Ngôi chùa Khmer Nam bộ là một công trình kiến trúc có nhiều giá trị thẩm mỹ, là không gian thiêng liêng tập hợp các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa nghệ thuật. Ngoài chức năng thỏa mãn những nhu cầu sinh hoạt của đời sống, chùa còn đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ cho nhân dân. Ngôi chùa là một tập hợp toàn vẹn các yếu tố tạo hình, kết hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau trong một thể thống nhất.

Đóng góp dựng chùa, nuôi chùa được coi như một khoản ước đảm bảo hạnh phúc cho cuộc sống hiện tại và vĩnh hằng sau này của mỗi kiếp người. Người Khmer không tiếc công sức, vật liệu quý cùng với sự khéo léo của đôi tay dành cho chùa, vì thế chùa trở thành Trung tâm của phum, sóc.

Đến vùng người Khmer cư trú, ta dễ dàng nhận thấy sự tương phản giữa những ngôi nhà lá đơn sơ của người dân với sự nguy nga đồ sộ của ngôi chùa được thể hiện như một tác phẩm nghệ thuật giữa cảnh quan đồng bằng.

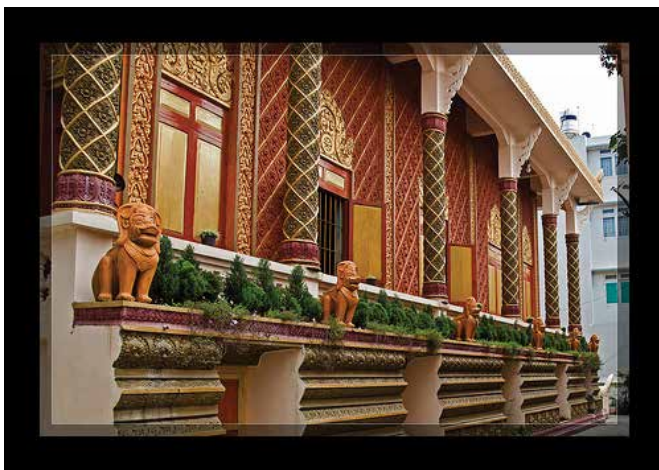
Nghệ thuật kiến trúc Khmer Nam bộ còn lưu lại cho đến ngày nay tập trung vào hơn 500 ngôi chùa nằm rải rác khắp các địa phương có người Khmer cư trú. Những ngôi chùa cổ kính ẩn hiện dưới những hàng cây dầu, cây sao xanh tốt. Nhiều ngôi chùa xuất hiện từ rất sớm như: chùa Ăng, chùa Samrôngêk, chùa Phướng ở Trà Vinh, chùa Kl'eang ở Sóc Trăng có niên đại khoảng từ 400 đến 600 năm cách ngày nay và nhiều chùa có niên đại muộn hơn được xây dựng theo một nguyên tắc nhất định, nhưng tùy thuộc vào điều kiện kinh tế của từng phum mà có sự lớn nhỏ khác nhau. Ngày nay, hầu hết các ngôi chùa Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long đều đã được xây dựng và trùng tu lại. Thật khó xác định được chính xác niên đại của từng ngôi chùa. Những ngôi chùa có niên đại lâu đời nhất cũng không còn để lại cuốn tiểu sử nào đầy đủ hơn những câu chuyện dân gian hay lời kể của các vị sư trong chùa. Thông thường mỗi ngôi chùa được sửa chữa hoặc xây dựng lại toàn bộ hay từng phần, trong mỗi thời kỳ khác nhau, gắn liền với sự phát triển của lịch sử xã hội. Từ đó mà hình dáng, kiến

trúc của các ngôi chùa cũng biến đổi. Những vật liệu hiện đại đã góp phần làm ảnh hưởng nặng nề đến kiến trúc ngôi chùa. Vì nó được xây dựng mới, không theo truyền thống mà chỉ tuân theo một số nguyên tắc kiến trúc nhất định nên những ngôi chùa mới xây hoàn toàn khác so với những ngôi chùa cũ. Nói chung, những nguyên tắc cơ bản vẫn được duy trì, những đặc thù và đặc trưng của truyền thống dân tộc vẫn được giữ vững.

Chính điện của chùa nằm dọc theo hướng Đông - Tây và ở vị trí trung tâm. Việc xây dựng những ngôi chùa này bao giờ cũng phải đúng quy cách, kích thước nhất định như: Chiều dài bằng hai lần chiều rộng, chiều cao bằng chiều dài, mái và thân là hai phần bằng nhau. Các diện tích khung cửa, nhà ở và điện thờ cũng phải tuân theo quy định đó, chóp nóc thường thấy là một tam giác cân, nhọn, chiều đứng dài hơn 1/4. Chùa nào cũng có hành lang (chơn tiên) bao quanh điện. Chính điện có 4 cửa chính ở hai hướng Đông - Tây cùng bảy hoặc chín cửa sổ ở hướng Nam và Bắc, đó là những quy tắc cơ bản nhất của kiến trúc chùa Khmer. Người Khmer quan niệm kiến trúc quay về hướng Đông với ý nghĩa Phật ngự ở phía Tây nhìn về hướng Đông ban phúc. Các ngôi chính điện không những mở nhiều cửa sổ mà quanh bốn hướng bao giờ cũng có những dãy hành lang cao, rộng và thoáng mát.

Kết cấu kiến trúc chính điện là hỗn hợp gỗ, gạch ngói... hai hàng cột cái bằng gỗ quý cao vượt lên ở giữa tạo nên những bộ vì, gồm hai kẻ hai bên, tất cả các lực đều được dồn lên nó và áp vào các đầu cột chôn đặt trên xà ngang nổi giữa hai đầu cột cái, tạo thành bộ mái ở giữa chính điện cao vút. Từ đầu các cột cái, các kẻ, xà vách nổi ra tường xây xung quanh tạo lớp mái thứ hai và lớp mái thứ ba ra đầu cột hiên, che kín hành lang. Kết cấu chính điện chùa Khmer với bộ mái ba lớp, các góc đầu đao đuôi rồng cao vút uốn lượn cho ta cảm giác mềm uyển chuyển, tạo không gian thông thoáng và lấy được nhiều ánh sáng cho bên trong chùa.

Nhìn chung, các ngôi chùa Khmer ở Nam bộ là những công trình kiến trúc độc đáo, cho đến nay



Chánh điện chùa Chantarrangsây
164/235, Trần Quốc Thảo, F.7, Q.3, Tp. HCM

tuy có nhiều thay đổi nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng mang nặng dấu ấn dân tộc. Những ngôi chùa trên đã chứng minh cho sự biến chuyển đó, nhưng phong cách mang tinh thần Khmer truyền thống vẫn là cốt yếu, bởi những quan niệm về nhân sinh quan, vũ trụ quan trong triết lý Phật giáo tiểu thừa đã chi phối mạnh mẽ đời sống tinh thần của mỗi người dân. Chính điều này đã can thiệp vào tất cả các lĩnh vực liên quan đến nghệ thuật tạo hình khiến cho ngôi chùa với một kiểu thức cơ bản vẫn được duy trì trong diễn trình lịch sử dân tộc nói chung và của dân tộc người Khmer nói riêng.

Ngôi chính điện của chùa được quy vào một tam giác cân, điều này không chỉ áp dụng cho kiến trúc mà ngay cả điêu khắc cũng hầu như tuân thủ theo tiêu chuẩn trên. Người Khmer quan niệm hình tam giác là sự hoàn thiện nhất, ở đó chứa đựng cái đẹp hoàn mỹ và tuyệt đối. Tam giác tương ứng với nghĩa biểu trưng của con số 3, trong đạo Hindu thần linh tối thượng cũng hiện hình thành 3: Brahma - Visnu - Siva; đạo Phật có câu: Hoàn kết trong Tam bảo Triratna: Phật - Pháp - Tăng; thế giới có ba thành phần: Bhu - Bhuv - Swar thời gian phân ba Trikalā: quá khứ - hiện tại - tương lai.

Hình tam giác còn gắn liền với ngọn lửa thiêng của đạo Hindu, mà đức Phật thay bằng ngọn lửa bên trong, nó đồng thời là tri thức xuyên suốt, là sự giác ngộ và sự hủy bỏ cái vỏ bọc bên ngoài. Bởi vậy con số 3 nói riêng và số lẻ nói chung là số được trân trọng gắn liền với nhà Phật. Các cửa sổ và cột chùa là những con số 3-5-7-9. Trên bàn thờ Phật có lọng 3 tầng biểu hiện Tam bảo, 5 tầng biểu hiện 5 sự hóa thân của Phật, 7 tầng là phải trải qua 7 kiếp con người mới chết (?), số 9 là số không gian nhà chùa. Như vậy tổng thể ngôi chùa được hợp vào một tam giác cân như một quy ước có tính tượng trưng triết học.

Người Khmer coi trọng số chẵn trong sinh hoạt hàng ngày. Trong các ngày cưới, người Khmer không đi đón dâu vào ngày lẻ, lễ vật nhà trai dẫn sang nhà gái là bốn nải chuối, bốn chai rượu, bốn gói trà, bốn gói trầu v.v...; lễ hỏa táng cũng kiêng ngày lẻ.

Lối xử lý kiến trúc mái chùa bằng sự thay đổi của cấp mái từ trên xuống với những góc 600, 1200 kết hợp với hàng cột hiên thanh thoát vuông góc với mặt nền chùa, cùng sự góp mặt của các mô típ trang trí Kěnnâr, Krūd..., trong tư thế một đường cong với hai tay đỡ mái chùa tạo nên sự chuyển động phong phú, khoẻ khoắn, phóng khoáng lại vừa tinh tế và bay bổng lên cao hòa vào trời xanh. Sức nặng của mái chùa được giảm nhẹ bằng cách xử lý hai cấp mái, kết hợp với hàng cột hiên thanh mảnh, tam cấp nền chắc chắn và tính liên hoàn với nhau theo kiểu thực - hư - thực. Có thể nói, tổng thể kiến trúc ngôi chùa như một tác phẩm điêu khắc, với ba phần cơ bản: mái, cột - thân chùa - nền tam cấp (là ba phần khối: thực - hư - thực hoặc: đặc - loãng - đặc, dương - âm - dương).

Ngoài ra, có sự cộng hưởng của nhiều chi tiết trang trí góp phần giảm nhẹ sức nặng chung của ngôi chùa. Tất cả ngôi chùa là một tam giác biến thể mang ý nghĩa triết học cao siêu tượng trưng cho sự tinh tế sâu lắng trong một suy tư đầy ý vị. Nguyên tắc này phần nào đã ăn sâu vào tiềm thức của người Khmer và nghệ thuật Khmer. Bởi vậy, ngôi chùa trải qua thời gian với nhiều lần làm mới hoặc sửa chữa vẫn không khác biệt với chuẩn mực, quy định cũ.

Các diềm mái, góc giữa hai mái, đầu cột, chân cột, cánh cửa, mí cửa, xà ngang, dọc và trần nhà đều được khai thác năng động bằng những hình ảnh điêu khắc lấy cảm hứng chủ yếu từ cuộc đời đức Phật và hoa lá mây nước trong đời sống cộng đồng người Khmer. Bởi vậy tất cả đều hài hòa và không làm mất đi công năng của chùa. Kiểu thức này có tính nguyên tắc chặt chẽ và được coi là yếu tố truyền thống và mang tính ước lệ. Đây chính là điều kiện để duy trì một ngôi chùa theo nguyên tắc truyền thống, đồng thời có thể phát huy khả năng sáng tạo đặc biệt trong việc xử lý năng động các chi tiết nhằm tôn lên vẻ đẹp tổng thể.

Đứng từ xa ngắm lại, ngôi chùa ẩn hiện trong những lùm cây xanh ngắt, với sông nước ngang dọc mệnh mông; vươn lên khoẻ mạnh, nổi bật trên nền mây trắng như ước vọng hướng tới thanh cao; tâm tư tình cảm, khát vọng hòa điệu trong cái hoàn mỹ tuyệt đối, giống như sự giác ngộ và hủy bỏ cái vỏ bên ngoài. Nhìn từ góc độ nghệ thuật, ngôi chùa là một công trình nghệ thuật kiến trúc đặc trưng của người Khmer. Nhìn từ góc độ tâm linh, ngôi chùa là đỉnh cao của thăng hoa Tôn giáo. Cái đẹp hiện ra trong cái thiêng liêng Phật tính.

Nghệ thuật kiến trúc của ngôi chùa phần nào nói lên được tâm tư tình cảm, óc sáng tạo và khiếu thẩm mỹ đặc biệt đó là văn hóa của người Khmer Nam bộ. ●

Thế giới quan Phật giáo qua Kinh tạng Nikaya

HT. Thích Thiện Tâm

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA GIÁO DỤC THẾ GIỚI QUAN KHOA HỌC

A. Khái niệm và vai trò của thế giới quan

Theo triết học, thế giới quan là hệ thống quan niệm của con người về thế giới và vị trí của con người trong thế giới nhằm giải đáp những vấn đề về mục đích, ý nghĩa cuộc sống con người. Trong vị thế là một sinh vật của thế giới tự nhiên và xã hội, con người có nhu cầu tìm hiểu về thế giới và nhận thức tự thân. Hàng loạt câu hỏi sẽ nảy sinh như: Bản chất của thế giới là gì? Con người là gì? Từ đâu đến? Chết đi về đâu? Giá trị ý nghĩa của sự sống cuộc đời là gì? .v.v... Trả lời những thắc mắc ấy chính là thế giới quan.

Thế giới quan có vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi con người, mỗi giai cấp, mỗi cộng đồng và xã hội nói chung, nó định hướng và chi phối nhận thức và thực tiễn của con người. Thế giới quan là "lăng kính", qua đó con người vừa thấy được thế giới vừa hình thành và phát triển nhân cách của mình. Thế giới quan thống nhất tất cả các mặt của tri thức, niềm tin, lý trí và tình cảm của con người. trong lịch sử xã hội, thế giới quan được thể hiện qua

ba hình thức: Thần thoại, tôn giáo và triết học.

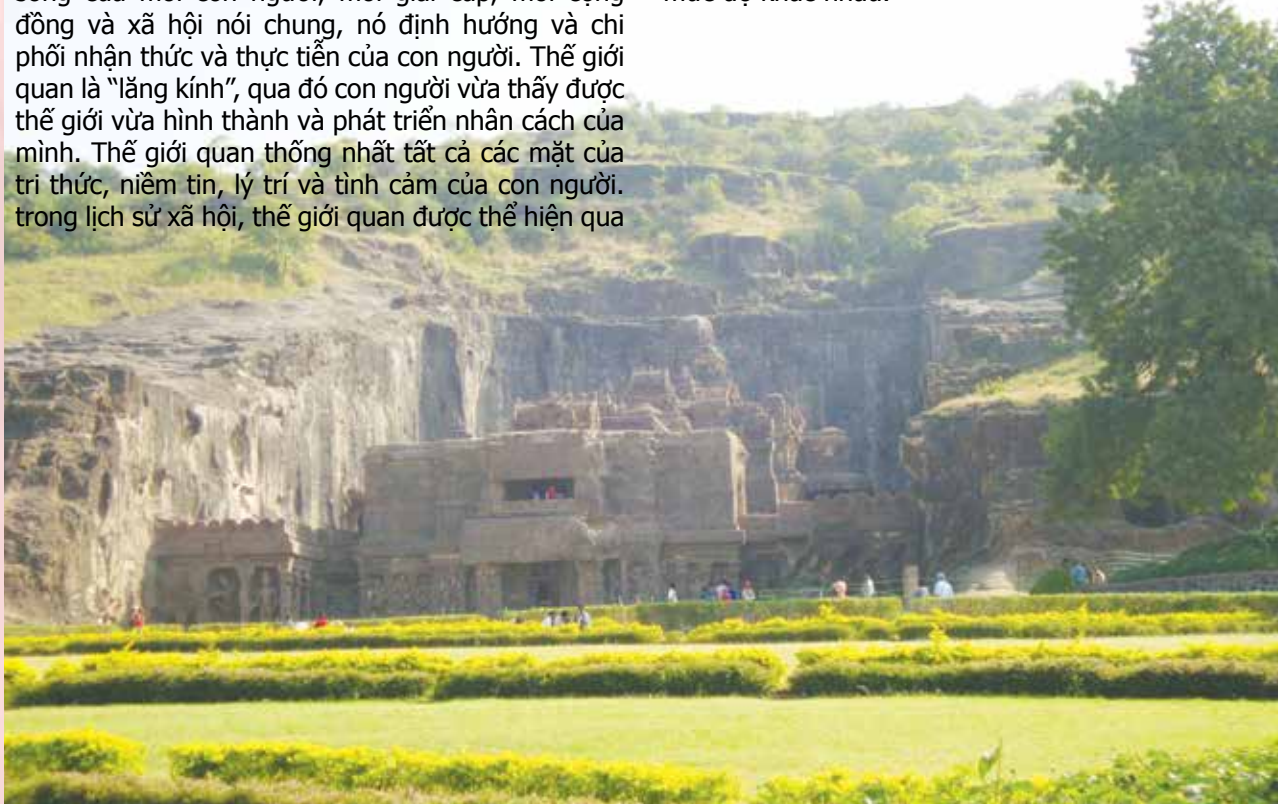
Một cách thật khái quát về đặc trưng của ba loại thế giới quan là:

1. Thế giới quan Thần thoại

Đặc trưng của thế giới quan thần thoại là thế giới quan của người nguyên thủy, có thật và hoang đường, lý trí và tín ngưỡng, tư duy và xúc cảm, hoà quyện lẫn nhau.

2. Thế giới quan Tôn giáo

Là thế giới quan duy tâm, phản ánh hiện thực một cách hư ảo. Nó ra đời trong điều kiện trình độ nhận thức về thực tiễn của con người còn hết sức thấp kém, khi con người còn bất lực trong việc giải thích các hiện tượng tự nhiên, tin vào sự tồn tại của các đấng siêu nhiên, của thần thánh. Dù ở một khía cạnh khác, nó vẫn thể hiện được ước vọng giải thoát khổ đau và vươn tới hạnh phúc của con người, và đã ảnh hưởng đến đời sống tinh thần xã hội ở nhiều mức độ khác nhau.



3. Thế giới quan Triết học

Là lý luận về thế giới bằng một hệ thống khái niệm phạm trù, không chỉ nêu ra các quan điểm của mình mà còn chứng minh các quan điểm đó bằng lý tính. Nó như một hệ thống lý luận chung nhất về thế giới và về vị trí con người trong thế giới đó. Nó đóng vai trò là cơ sở lý luận, là "hạt nhân" lý luận của thế giới quan. Ngoài ra, các quan điểm khác như kinh tế, chính trị, đạo đức, thẩm mỹ v.v... cũng phải dựa vào cơ sở lý luận chung là triết học.

B. Vị trí thế giới quan Phật giáo

Như vậy, một câu hỏi cần được nêu lên ở đây là: Thế giới quan Phật giáo thuộc thế giới quan nào, có phải là thế giới quan Tôn giáo không?

Để trả lời chính xác và khách quan câu hỏi này, ta phải tìm hiểu và so sánh những quan điểm của kinh điển và tư tưởng thời đức Phật của Phật giáo, hoặc không phải của Phật giáo một cách nghiêm túc và khoa học.

Trái với quan điểm của kinh Veda, Upanishad, đạo Bà la môn và các môn phái triết học đương thời thừa nhận sự tồn tại của một thực thể siêu nhiên tối cao, sáng tạo và chi phối vũ trụ. Brahman, đạo Phật cho rằng vũ trụ là vô thủy vô chung, vạn vật trong thế giới chỉ là dòng biến hóa vô thường vô định, không do một vị thần nào sáng tạo ra cả. Vì thế giới luôn là dòng biến ảo vô thường, nên không có gì gọi là bản ngã, không có thực thể, tất cả đều theo định luật nhân quả, cứ biến đổi không ngừng, không nghỉ, theo quá trình sinh - trụ - dị - diệt hay thành - trụ - hoại - không và chỉ có sự biến hóa ấy là thường hữu. Tất cả các sự vật hiện tượng tồn tại trong vũ trụ, theo triết học Phật giáo, từ cái vô cùng nhỏ đến cái vô cùng lớn, đều không thoát ra khỏi luật chi phối của nhân duyên. Cái nhân (hetu) nhờ

có cái duyên (paccaya) mới sinh ra cái quả (phala). Quả lại do duyên mà thành ra nhân, nhân khác lại nhờ có duyên mà thành ra quả mới v.v... cứ thế nối tiếp nhau vô cùng vô tận mà thế giới vạn vật, muôn loài cứ sinh sinh hóa hóa mãi.

Con người cũng do nhân duyên kết hợp và được tạo thành bởi hai thành phần: Thể xác và Tinh thần. Hai thành phần ấy là kết quả hợp tan của ngũ uẩn. Cái tôi sinh lý tức thể xác, gọi là sắc (rupa), gồm: địa, thủy, hỏa, phong tức là cái có thể cảm giác được. Cái tôi tâm lý, tinh thần tức là tâm, gọi là danh (nama) với bốn yếu tố chỉ có tên gọi mà không có hình chất là: thụ (vedana), cảm thụ về khổ hay lạc đưa đến sự lãnh hội với thân hay tâm; tưởng (sanna) tức suy nghĩ, tư tưởng; hành (sankhara) tức ý muốn thúc đẩy hành động, tạo tác và thức (vinna) tức nhận thức, phân biệt đối tượng tâm lý, phân biệt ta là ta....nhưng sắc không chỉ gồm cái nhìn mà cả cái không nhìn thấy nếu nó nằm trong quá trình biến đổi của sắc gọi là "vô biểu sắc". (Triết học 1, tr. 55-56 do NXB Chính trị Quốc gia – Hà Nội 1996).

Chính vì không nhận thức được cái biến ảo (maya), vô thường vô định của vạn vật mới là thường hằng, chân thực, không nhận thức được rằng "cái tôi" có mà không, không mà có, nên người ta lầm tưởng mình tồn tại mãi mãi, cái gì cũng thường định, cái gì cũng của ta, là ta, do ta nên con người cứ khát ái tham dục, hành động chiếm đoạt nhằm thỏa mãn những tham muốn dục vọng đó tạo ra những kết quả, gây nên nghiệp báo (kamma), mắc vào biển khổ triền miên không dứt (samsara). Đã mắc vào sự chi phối của luật nhân duyên là chịu nghiệp báo và kiếp luân hồi; đó là cách đạo Phật lý giải về căn nguyên của nỗi khổ do sự mê ngộ về bản chất con người. Đức Phật Thích Ca mâu ni giác ngộ và khai thị Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên để giải thoát chúng sanh ra khỏi mọi nỗi khổ và nghiệp báo luân hồi. Đây là triết lý nhân sinh chủ yếu của đạo Phật.

Thế giới quan Phật giáo không phải là thế giới quan Tôn giáo hoặc thần thoại, trái lại nó thật sự là một thế giới quan triết học, vì nhân sinh quan rất khoa học và nhân bản mà chúng ta cần nghiên cứu thấu đáo để tránh những phê phán lệch lạc khi nghiên cứu và phê bình về triết học Phật giáo. Điều quan trọng là xem bản chất Phật giáo và những Tôn giáo khác có những cái đồng, dị ở những điểm nào, so sánh và đối chiếu một cách nghiêm túc, khách quan và vô tư về tất cả khía cạnh của vấn đề với một thái độ nghiên cứu khoa học nghiêm túc. Đây mới là điều tối quan trọng, có như vậy chúng ta mới hiểu chính xác Phật giáo là gì và có cơ sở lý luận để đi đến kết luận về tính chất, vị trí và vai trò của Phật giáo trong lịch sử tư tưởng, triết học và Tôn giáo qua mọi thời đại bằng phương pháp lượng giá, phê bình khách quan, toàn diện và khoa học (còn tiếp).●

Tháp Shwedagon - Miến Điện

Năm

vị

thiên

sứ

TT. Giác Chánh



Thiên sứ sanh

7 hế nào
là Năm
vị thiên
sứ?

Thiên sứ nơi đây là báo tin, đem điềm cho hay, một hiện tượng sắp chuyển biến v.v... trong kinh devadutta, Đức Thế Tôn dạy đức

vua Yama (ma vương)

Hỏi các tội nhân? “Người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ nhất xuất hiện trên giữa loài người chăng?”

Tội nhân đáp: “Thưa ngài tôi không thấy”

Người có thấy giữa loài người có những đứa con nít nhỏ (mới sanh) yếu ớt, nằm ngửa giữa phân và nước tiểu của nó chăng?

Thưa ngài tôi có thấy.

Này người kia, tuy người thấy nhưng người không có ý thức rằng: Ta bị sự sanh chi phối, ta không thoát khỏi sự sanh, vậy ta hãy làm những điều thiện về thân, khẩu, ý. Để được thoát khỏi sự khổ sanh ấy.

Thưa quý vị, như vậy vị Thiên sứ thứ nhất đồng nghĩa với vị hài nhi mới sanh, báo tin cho ta biết sanh là khổ như thế đó và ta phải bị trong tương lai (nếu chưa giải thoát được, chết rồi phải sanh lại) để ta thức tỉnh tu hành giải thoát khỏi khổ đau.

Vua Yama hỏi tiếp: Người kia người có thấy vị Thiên sứ thứ hai xuất hiện giữa loài người chăng? Thưa ngài tôi không thấy.

Người kia người có thấy người nam, người nữ, khoảng 80-90 tuổi, già yếu, lưng còng, đi đâu cũng phải chống gậy, vừa đi vừa run, mắt mờ tai điếc, tóc bạc, răng long...hay không?

Thưa ngài, tôi có thấy!

Người kia, tuy các người

có thấy, nhưng người không thể nghĩ rằng ta sẽ bị sự già chi phối, ta không thể thoát khỏi sự già: Vậy ta hãy cố gắng làm những điều thiện về thân, khẩu, ý. Để thoát khỏi sự già vì không suy nghĩ như vậy nên các người không làm được việc thiện. Vì không làm được các việc thiện nên các người phải chịu khổ, suy vong, già yếu.

Thưa quý vị, như vậy vị Thiên sứ thứ hai phải hiểu đồng nghĩa với sự già, và vị Thiên sứ này báo cho ta biết. Sự già khổ như thế đó, và ta phải bị trong tương lai, để ta thức tỉnh mà lo tu hành đang giải thoát khỏi mọi sự khổ đau.

Vua Yama hỏi tiếp: “Người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ ba xuất hiện giữa loài người hay không?”

Thưa ngài, tôi không thấy.

Người kia, tuy các người có thấy các người không nghĩ rằng ta sẽ bị bệnh hoạn chi phối không thể nào thoát khỏi, vậy ta hãy cố gắng làm các điều thiện về thân, khẩu, ý để được giải thoát khỏi những điều bệnh hoạn. Vì không suy nghĩ như vậy, nên các người không làm được việc lành, vì không làm được việc lành, nên các người không được giải thoát, vì không được giải thoát nên các người phải chịu khổ bệnh hoạn”.

Thưa quý vị, như vậy là vị Thiên sứ thứ ba phải hiểu là đồng nghĩa với sự bệnh hoạn và vị Thiên sứ này báo cho chúng ta biết: Khổ bệnh hoạn như thế đó và ta phải bị trong tương lai, để ta thức tỉnh mà lo tu hành đang thoát khỏi khổ.

Vua Yama hỏi tiếp: “Người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ tư xuất hiện giữa loài người hay không?”

Thưa ngài, tôi không thấy.

Người kia, người có thấy giữa loài người có những kẻ trộm cướp có tội bị vua bắt hình phạt như: Đánh bằng gậy, bằng roi, lấy gươm chặt đầu v.v... hay không?

Thưa ngài, tôi có thấy.

Người kia tuy các người có thấy nhưng các người không suy nghĩ rằng thật sự những ai làm ác bằng



Thiên sứ già



Thiên sứ bệnh

phật khổ hình. Vì không suy nghĩ như vậy, nên các người không làm được việc lành. Vì không làm được việc lành mà làm các điều ác, nên các người phải bị những hình phạt khổ hình.

Vua Yama hỏi tiếp: "Người kia, người có thấy vị Thiên sứ thứ năm xuất hiện giữa loài người hay không?"

Thưa ngài, tôi không thấy.

Người có thấy người nam, người nữ chết đã được một ngày hoặc hai, hoặc ba ngày, xác thân người ấy sinh phồng lên, xanh xám lại, nứt ra hay không?

Thưa ngài, tôi có thấy.

Người kia, tuy các người có thấy, nhưng các người không nghĩ rằng ta sẽ bị chết chi phối, không sao thoát khỏi. Vậy ta hãy làm các điều thiện về thân, khẩu, ý. Không suy nghĩ như vậy nên các người không thể làm được việc thiện, nên không được giải thoát, vì không giải thoát được nên các người phải bị chịu khổ chết.

Thưa quý vị: vậy vị Thiên sứ thứ năm phải được hiểu đồng nghĩa với sự chết và vị Thiên sứ này báo cho ta biết. Chết là khổ và ta phải bị trong tương lai, để ta thức tỉnh mà lo tu hành để giải thoát khỏi khổ.

Như đoạn kinh trên chúng ta thấy rõ: Nếu chúng ta làm ác, thì chúng ta không được giải thoát và phải bị khổ đau. Chớ những việc ác và những quả khổ không phải do cha, mẹ, anh, chị, em, thân bằng quyến thuộc hay các vị sa môn, bà la môn hoặc chư thiên, quỷ thần nào làm cho ta. Vậy ta hãy cố gắng tu hành để được giải thoát.

Tôi còn nhớ có một đoạn kinh khác đức Phật dạy có bốn hạng ngựa:



Thiên sứ chết

1. Hạng ngựa thứ nhất máng xe vào liền chạy.

2. Hạng ngựa thứ hai máng xe vào chưa chạy, khi nào thấy dạng roi giơ lên mới chịu chạy.

3. Hạng ngựa thứ ba máng xe vào không chịu chạy, thấy dạng roi đưa lên cũng không chịu chạy, đến khi nào bị đánh mới chịu chạy.

4. Hạng ngựa thứ tư máng xe vào, thấy dạng roi đưa lên và bị đánh chết cũng không chịu chạy.

Cũng vậy loài người cũng có 4 hạng:

1. Hạng người thứ nhất khi sanh ra, lớn lên tự tìm đường giác ngộ.

2. Hạng người thứ nhì khi sinh ra lớn lên không tìm đường giác ngộ nhưng khi nào thấy sanh, già, bệnh, chết và tội khổ của kẻ khác mới chịu hướng đến sự tu hành.

3. Hạng người thứ ba khi sinh ra lớn lên không chịu tu hành và thấy sự sanh, già, bệnh, chết và tội khổ của kẻ khác cũng không chịu tu hành, đến khi nào chính xác thân họ bị những sự khổ đau ấy họ mới chịu tu hành.

4. Hạng người thứ tư thì hoàn toàn không chịu tu



Hãy làm những việc lành

hành dù gặp hoàn cảnh nào.

Thưa quý vị: Bốn hạng người, bốn hạng ngựa như đã nói trên chúng ta hãy như hạng người thứ nhất, hay hạng người thứ nhì hoặc hạng người thứ ba, là thấy năm vị Thiên sứ xuất hiện nơi người hoặc nơi mình thì hãy lo tu tập để được giải thoát, chớ đừng như hạng người thứ tư dù có thấy năm vị Thiên sứ xuất hiện cũng không chịu tu hành.

Nói tóm lại:

Năm người thiên sứ trong kinh,
Tượng trưng các khổ chúng sanh ở đời,
Sự sanh bằng có nơi nơi,
Đệ Nhất Thiên Sứ nhắc người lo tu,
Sự già định luật ngàn thu,
Đệ Nhị Thiên Sứ khuyên tu mọi người,
Bệnh đau dù sợ không rời,
Đệ Tam Thiên Sứ tỉnh đời giác mê,
Ác hung hình phạt gần kề,
Đệ Tứ thiên sứ hiện về báo tin,
Sự chết hăng có theo mình,
Đệ Ngũ thiên sứ đem tin cõi trần,
Vậy ta cố gắng tu hành,
Trau dồi khẩu ý lần lần tịnh thanh,
Bao giờ ba nghiệp trọn lành,
Níp bàn tịch tịnh siêu sanh bất hoàn. ●

Một Thương Gia Thành Đạt(*)

TK. Giới Đức



Do nhu cầu nghe pháp, tại Kỳ Viên, đức Phật phải thuyết thêm hai thời pháp nữa, riêng cho hai hàng cận sự nam nữ. Nhân dịp này, đức Phật khuyến khích mọi người nên thọ trì bát quan trai giới mỗi tháng hai ngày, bốn ngày hay sáu ngày.

Cuối thời pháp, có một người thanh niên, tướng người cao lớn, phương phi, ăn mặc có vẻ thương gia xin được sống đời xuất gia.

Đức Phật biết rõ nhân, biết rõ duyên, biết rõ người ấy là ai, nhưng Ngài cũng hỏi:

- Dòng dõi, xuất thân, sở học, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của ông như thế nào? Và nguyên nhân bởi đâu mà ông lại lựa chọn đời sống xuất gia không cửa, không nhà?

Người thanh niên kể:

- Con sinh ra trong một gia đình Vệ Xá (thương gia, các công nghệ) tổ tiên, dòng dõi làm ăn buôn bán nhiều đời. Do gia đình khá giả, con được học hành tương đối vững chắc từ thuở ấu thơ. Lớn lên, con kế nghiệp thân phụ đi buôn bán đường xa. Các quốc độ ven hai bờ sông Gaṅgā, sa mạc miền Tây Bắc cho chí các bờ biển phương Đông, phương Nam

chẳng có đâu mà không có vết chân của con. Làm giàu - là châm ngôn của tổ tiên, dòng họ; con trai Vệ Xá là phải biết chịu thương, chịu khó, chấp nhận mọi gian khổ; không tạo ra được sản nghiệp bằng mồ hôi, nước mắt, bằng bàn tay và khối óc của mình thì không xứng đáng là con trai dòng dõi thương nhân. Suốt mười năm qua, con đã không hổ thẹn mang dòng máu của tổ tiên.

Bạch đức Thế Tôn! Biết bao nhiêu lần bị sự thúc hối của cha mẹ, nhưng con không muốn lập gia đình. Con biết rõ giới cấp của con. Họ là những người có nghị lực và ý chí. Bạc tiền đối với họ là mục đích tối thượng trên cuộc đời. Sau những chuyến hàng đường dài gian khổ, đôi khi thiếu củi, thiếu nước, thiếu lương thực! Đôi khi bị bọn cướp, thổ phi hoặc các sắc tộc săn đầu người trang bị vũ khí tấn công. Chết là chuyện thường, sạt nghiệp cũng chuyện thường mà bỏ mạng dọc đường cũng là chuyện thường! Phải nói là họ đánh đổi mạng sống để kiếm tiền. Hàng mua một họ bán mười, có món lời gấp trăm! Do vậy, họ ăn chơi, hưởng thụ đôi khi còn hơn cả con vua, cháu chúa! Gian khổ, kiếm tiền và hưởng thụ - nó là một vòng



tròn loanh quanh luẩn quẩn không bao giờ thoát ra, không bao giờ có thể thoát ra. Con và họ có đời sống tương tự nhau. Chỉ có điều con khác họ là con có suy tư, có dăm chiêu, có chiêm nghiệm; đôi khi còn tự vấn, tự đáp lặng lẽ trong lòng mình. Còn họ thì không. Họ thỏa mãn, sung sướng, tự hào và hãnh diện. Con khác họ điều thứ hai nữa là khi bán lấy lời quá nhiều là con cảm thấy áy náy, khó chịu vô cùng. Ôi! Cái tiền bạc này nó có cái gì như dơ bẩn, như ma quỷ chứ không trong sạch, tốt đẹp chút nào. Cuối cùng, là sau mỗi cuộc hưởng thụ, ăn chơi phù phiếm ấy, con đều cảm thấy chán nản, ghê tởm. Chán nản, ghê tởm cái bề trái của cuộc đời và chán nản, ghê tởm cả với con thú ở ẩn trong lòng mình nữa!

Bạch đức Thế Tôn! Cha mẹ con là đại phú gia, họ có hạnh phúc đâu? Cha con nắm thê, bảy thiếp. Các bà vợ luôn luôn gấu ó, cắn xé nhau. Những người con trai con gái luôn luôn dòm ngó của cải, tài sản. Sự chân tình và sự thương yêu thật sự không có mặt! Các gia đình bạn hữu phú gia của con cũng tương tự thế: Là tan hoang, trần trụi một đời sống vật chất, bản năng! Nếu ai có tín ngưỡng thì tin bậy, tin bạ vào trăm cái ông thầy quỷ quái chỉ ưa hiển tế đồng nam, đồng nữ, đầu và máu súc vật vô tội! Không nơi đâu có được chút bình an và bình lặng tâm hồn. Cứ mỗi một năm, đôi khi hai năm, về nhà thấy tình cảnh ấy, con lại ra đi! Và ra đi, lại gian khổ, lại kiếm tiền, lại hưởng thụ - rồi con lại bị rơi vào cái vòng xích bể tắc cũ, không có lối thoát!

Bạch đức Thế Tôn! Con nghe danh đức Thế Tôn đã lâu qua các dặm trình xuôi ngược. Con đã nghe thoảng giáo pháp giác ngộ giải thoát của Ngài. Con đã từng thấy bóng dáng của những vị sa môn, chỗ này và chỗ kia trên nhiều quốc độ. Con chưa rõ họ tu tập ra sao, nhưng đập vào mắt con là ai tóc râu cũng sạch sẽ, ai y áo dù cũ rách hay nhiều tấm và nhưng trông đều tươi tắn. Không ai có vẻ lập dị hoặc tỏ bộ ta đây là người tu hành! Cái ấn tượng nhất là rất nhiều vị Trưởng lão, rất già, nhưng đi đứng khoan thai, tự tại, trong lòng dường như không vướng bận điều gì, không dính mắc điều gì! Nhìn họ, con cảm giác rất quen thuộc, dường như đời sống này con đã từng sống qua!

Bạch đức Thế Tôn! Mấy ngày hôm nay, mấy trăm xe hàng của con và bạn hữu đang từ sa mạc Tây Bắc đi xuống, đang dừng chân tại kinh đô này. Thấy mỗi chiều chiều, rất đông đông bào các giới mang hương hoa, dầu đèn, lễ phẩm tấp nập đổ về Kỳ Viên. Con đã đoán là đức Thế Tôn có lẽ đang thuyết giáo ở đó. Trong lúc bạn hữu đang tìm nơi du hí thì con theo họ đến đây. Con đã nghe được ba thời pháp. Thời pháp nào cũng thấm thía. Thời pháp nào con cũng hoan hỷ. Thời pháp nào cũng dường như đưa con hướng đến một đời sống tinh thần cao đẹp và con biết chắc, tin chắc con đã lựa chọn đúng khi con muốn sống đời xuất gia phạm hạnh, bạch đức Thế Tôn!

Trình bày tóm tắt nhưng đầy đủ, khúc chiết nhân và quả, trí và tâm - về cuộc đời mình, thanh niên thương gia phủ phục xuống với năm vóc sát đất rất mực cung kính.

Đức Phật nói:

- Này Punṇa! Trong quá khứ, ông đã có một nhân duyên rất tốt đấy! Nhờ nhân duyên ấy ông mới có được những nhận thức như thực về bản chất của đời sống, và rồi nó đưa ông đến đây!

Rồi đức Phật kể:

- Mối cách đây thôi, sau khi giáo pháp đức Phật Kassapa tiêu hoại, ông sinh ra trong một gia đình Trưởng giả Bà la môn, thụ hưởng một đời sống ngũ dục rất sung mãn. Thời gian sau, ông chán chê, ghê tởm ngũ dục nên đã từ bỏ tất cả, lên non cao, dựng một am thất sống đời xuất gia đạo sĩ. Tại sườn núi bên cạnh có một vị Độc Giác Phật đang tịnh cư. Hôm Ngài nhập diệt, ánh sáng tỏa khắp một vùng - do vị ấy trú quang định trước khi chấm dứt hơi thở. Thấy ánh sáng diệu kỳ, ông tìm đến, thấy một đạo sĩ già ngồi xếp bằng, an nhiên thị tịch. Khởi tâm kính mộ, ông đã chịu khó lặn lội khắp cả khu rừng, tìm lấy tất cả mọi loại gỗ thơm rồi hòa táng nhục thân của Phật Độc Giác. Nhờ phước báu ấy, mà cũng nhờ nhân duyên ấy, ông tái sanh, hóa sanh nhiều kiếp trời và người. Kiếp này, ông lại được sinh ra trong một gia đình cự phú, tại xứ Sunāparanta, nơi một bến cảng sầm uất tên là Suppāraka có phải vậy không, Punṇa?

Đức Phật vừa mới hé mở một chút quá khứ đã làm cho tâm tịnh tín của chàng thanh niên Punṇa càng thêm được củng cố, tăng trưởng.

Sau khi cho chàng xuất gia xong, đức Phật dành thì giờ khá lâu giảng cho Punṇa nghe về giáo pháp căn bản, đời sống sa môn, thiền định và thiền quán rồi nói rằng:

- Ông là người có căn trí, Như Lai trang bị cho ông như vậy là vừa đủ. Vậy từ nay, ông có thể tự mình với tam y, nhất bát lên đường được không, Punṇa?

- Có thể được, bạch đức Tôn Sư!

- Nếu Như Lai để cho ông tự lựa chọn trú xứ thì ông có thể đi đâu, Punṇa?

- Đệ tử có thể trở lại quê nhà tại xứ Sunāparanta!

- Như Lai biết rõ rằng, dân chúng xứ Sunāparanta đa phần sống theo những giáo phái cuồng tín, bản chất họ còn rất hoang dã. thô ác, hung bạo, dữ tợn là tâm tánh của họ. Vậy nếu họ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc ông thì ông phải làm sao? Có chịu đựng nổi không?

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có trường hợp họ đối xử với đệ tử như thế - đệ tử vẫn tâm niệm họ là người tốt. Tại sao vậy? Thưa, vì họ mới chỉ nhục mạ, phỉ báng, mắng nhiếc đệ tử bằng lời nói chứ họ chưa đánh đập đệ tử bằng tay hay bằng chân!

- Thế nếu họ đánh đá ông bằng tay, bằng chân thì ông làm sao?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ vì họ vẫn chưa dùng đá, gạch, sỏi để quăng ném đệ tử!

- Vậy giả dụ họ sử dụng đá, gạch, sỏi quăng ném ông thì sao hả?

- Thưa, đệ tử vẫn cảm ơn họ vì họ chưa sử dụng dùi gậy.

- Vậy nếu, không những họ dùng dùi gậy đánh đập ông, mà còn cả dao bén và kiếm sắc đâm chém ông nữa thì ông phải làm sao?

Đến đây, chợt tỳ kheu Punṇa mỉm cười, biểu lộ sự tự tin vô hạn:

- Bạch đức Thế Tôn! Cho dầu mà như thế

chẳng nữa thì đệ tử vẫn sẵn có đủ áo giáp của tâm nhẫn và tâm từ để chịu đựng và thương yêu họ vì họ dù đâm dù chém nhưng vẫn chưa giết hại đệ tử!

- Vậy nếu họ giết ông thì sao?

- Thì đệ tử vẫn cảm ơn họ vì họ đã xả bỏ giùm cái thân giả hợp, bất tịnh này!

Đức Phật tán thán:

- Lành thay, Punṇa! Lành thay, Punṇa! Với tâm niệm ấy, với hành trang nhẫn và từ ấy ông có thể vô ngại đến sống ở xứ Sunāparanta. Và rồi ông sẽ nhiếp phục, cảm hóa được người dân bản chất thô ác và hung bạo ấy. Như Lai chúc lành cho ông!

- Tri ân đức Tôn Sư!

- Sớm mai, ông sẽ tự mình bộ hành, trở về quê quán mà hành đạo. Lúc nào gặp khó khăn quá, cứ khởi tâm tưởng nghĩ đến thì tức khắc, Như Lai hoặc hai đệ tử ưu tú của Như Lai sẽ có mặt ngay ở bên cạnh.

Hôm sau, khi vị tân tỳ kheu Punṇa lên đường rồi, đức Phật nói với hai vị đại đệ tử, có cả Ānanda bên cạnh:

- Sau này, tại bến cảng Suppāraka⁽¹⁾ ấy, chỉ một mình Punṇa là đủ sức giáo hóa chúng ngoại đạo; bên cạnh ông ta sẽ có năm trăm cận sự nam và năm trăm cận sự nữ rất có tâm tín đạo, nhiệt tình, hộ pháp rất đặc lực. ●



1. Tên một bến cảng hoặc giang cảng của nước Sunāparanta (hoặc Aparanta). Theo tự điển Pālī Proper Names thì ngày nay là nước Miến Điện, nằm bên phải con sông Irrawaddy, gần Pagan. Từ Suppāra (Suppāraka) đến Sāvattthi xa 120 leagues (01 leagues bằng 03 dặm Anh, tức 4,8 km; vậy 120 leagues là 576 km). Đây cũng là địa giới gần Suvannabhūmi (kim địa). Đức Phật đã có một lần đến đây với 499 vị tỳ-kheu A-la-hán.

(*) Trích trong: "Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt" Quyển 4 - sắp phát hành).

Dòng Nước Cuộc Đời

TK. Định Phúc

Cuộc đời ví như dòng nước, có lúc êm đềm trôi lững lờ và có lúc lại hung dữ, bạo tàn, dòng nước ấy có thể nuôi dưỡng con người và nó cũng có thể nhấn chìm bất cứ cái gì khi nó nổi cơn thịnh nộ. Đó là đặc tính của dòng nước. Và cuộc đời cũng thế, có lúc thì nó êm ả, cảm thấy hạnh phúc nhưng có lúc chính cuộc đời ấy lại phải chịu nhiều sự đau khổ, bất hạnh không theo như ý muốn.

Những người ngu thì mãi ham thích trong việc tung tăng bơi lội trên dòng nước ấy, còn bậc trí cố tìm cách để vượt qua dòng nước để đến được bờ bên kia. Nếu tính toán số người bơi qua và số người ở lại bên dòng nước thì chắc hẳn rằng số người còn ham thích xuôi ngược bờ này sẽ là một sự cách biệt rất lớn.

*Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia.
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này⁽¹⁾.*

Đức Thế Tôn so sánh hai hình ảnh người vượt qua bờ bên kia và những người còn xuôi ngược bờ bên này để ám chỉ đến những người còn ham thích trong vui thú ngũ trần, với những vị đạt được mục đích phạm hạnh, những vị Thánh nhân dứt trừ được tham ưu ở đời, các Ngài sẽ và đã thoát khỏi sự ràng buộc luân hồi, không còn phải tái sanh nữa.

Nói về những người đang trong bước hành trình vượt qua dòng nước, đức Phật đã đưa ra hình ảnh của bảy hạng người lội nước như sau:

1. Có hạng người lặn xuống một lần rồi chìm luôn.
2. Có hạng người nổi lên rồi chìm xuống.
3. Có hạng người nổi lên rồi đứng yên.
4. Có hạng người nổi lên rồi nhìn và thấy.
5. Có hạng người nổi lên rồi lội tới.
6. Có hạng người nổi lên rồi lội tới được bãi đứng.
7. Có hạng người nổi lên rồi bơi đến bờ bên kia và đứng trên bờ⁽²⁾.

1. Dhp.85

2. Tăng Chi Bộ Kinh. Chương Bảy Pháp. Phẩm Tùy Miên. Phần Ví Dụ Nước.

Bảy hạng người này là bảy hình ảnh ví dụ về bảy hạng người lội qua dòng nước sanh tử luân hồi. Có người đạt được mục đích của mình nhưng có người lại bỏ rơi mục đích của mình hay là không tiến triển gì trên bước đường giải thoát của chính mình.

1. Thế nào là hạng người lặn xuống một lần rồi chìm luôn?

Đó chính là hạng người luôn chuyên tâm làm những việc bất thiện, họ sống trong ác pháp với thân hành động ác hạnh như là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; sống với khẩu ác hạnh như là nói dối, nói chia rẽ, nói độc ác, nói nhảm nhí; sống với ý ác hạnh như là tham lam, sân hận và tà kiến.

Với hạng người luôn sống với ác pháp như thế, họ không có được niềm tin nơi đức Phật, không có niềm tin nơi giáo Pháp và chư Tăng, họ cũng chẳng tin vào lý nghiệp báo. Họ sống một cách buông lung, không biết ghê sợ tội lỗi, không hổ thẹn tội lỗi. Những người này được gọi là những người không có trí tuệ. Do những việc làm bất thiện của họ thì cuộc sống tương lai của chính bản thân người ấy sẽ không thể nào tốt đẹp, họ sẽ bị sanh vào những cảnh giới khổ đau.

Trường hợp của tên đồ tể Cunda là một ví dụ điển hình. Ông Cunda làm nghề đồ tể rất lâu năm. Ông đã sống bằng nghề giết mổ và bán heo trong 55 năm. Mặc dù ở gần Trúc Lâm Tịnh xá nhưng y chưa bao giờ cúng dường hay đặt bát bất cứ gì cả, thậm chí là một muỗng cơm và canh cũng chưa bao giờ xảy ra với hắn. Tên đồ tể chuyên tâm sống với nghề giết mổ của mình cho đến cuối đời, ông phải lãnh chịu những ác nghiệp nặng nề do hành động mình đã tạo. Vào những ngày cuối cùng trong cuộc đời ông, ông cảm thấy đau đớn trong người, bò tới bò lui trong nhà, la rống như là một con heo sắp sửa bị giết chết. Gia đình hoảng sợ nên đã dùng dây buộc trói ông ở bên trong nhà, mặc cho ông la ó hay rống lên thảm thiết. Ông ta phải chịu đau khổ như thế suốt 7 ngày rồi chết bị sanh vào A tỳ địa ngục. Do nhân duyên đó, Đức Thế Tôn đã thuyết câu kệ:

*Nay sâu, đời sau sâu
Kẻ ác hai đời sâu
Nó sâu, nó ưu não*

Thấy nghiệp uế mình làm ⁽³⁾.

2. Thế nào là hạng người nổi lên một lần rồi chìm xuống?

Hạng người này được ám chỉ cho những người có được niềm tin, biết sống trong thiện pháp, biết hành động bằng thân thiện hạnh, nói bằng lời nói thiện hạnh và suy nghĩ bằng ý thiện hạnh. Tuy nhiên, niềm tin và thiện pháp của họ không được tăng trưởng lâu dài. Họ chỉ sống trong thiện pháp một thời gian rồi lại từ bỏ thiện pháp ấy, quay trở lại với ác bất thiện pháp.

Trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) có 500 người bạn đều là những đệ tử ngoại đạo. Ông muốn hướng dẫn những người bạn của mình vào trong giáo Pháp khéo thuyết của đức Thế Tôn nên ông đã cùng với 500 người bạn đem những vòng hoa, hương thơm cùng những vật dụng thiết yếu đến Kỳ Viên Tịnh xá để cúng dường đức Phật và chư Tăng. Sau đó họ đã ở lại Tịnh xá để nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, giảng đạo. Họ đã có được niềm tin nơi Tam bảo, đã biết nương tựa vào Tam bảo và biết thọ giới, biết tạo các công đức phước báu. Được một thời gian, sau đó, đức Thế Tôn du hành đến Vương Xá thành (Rājagaha), Ngài vắng mặt ở Tịnh xá nên họ không có gì để nương tựa, tất cả 500 người đã quay lại quy y với những ngoại đạo, họ từ bỏ thiện pháp, từ bỏ niềm tin, trở lại với ác pháp, với những tà kiến sai lầm, bất chánh⁽⁴⁾.

3. Thế nào là hạng người nổi lên rồi đứng yên?

Đây là hạng người tốt hơn hẳn hai hạng người trên. Tuy nhiên, mặc dù có được niềm tin, có được sự tinh tấn, có được sự ghê sợ tội lỗi, hổ thẹn tội lỗi nhưng những người này không thể tăng trưởng được những thiện pháp họ đã làm, họ không làm cho các thiện pháp ấy phát triển mạnh thêm. Ví như một người đứng nước, họ không chìm nhưng cũng chẳng bơi tới.

Hạng người này xung quanh chúng ta rất nhiều và thậm chí, đôi lúc chúng ta đang là hạng người như vậy. Có nhiều người đi chùa đã lâu, đã nhiều năm nhưng niềm tin của họ chỉ được có bấy nhiêu, thiện pháp họ tạo chỉ có bấy nhiêu, không biết cách tạo thêm, không biết cách làm tăng trưởng thiện pháp.

Hạng người này chỉ biết bố thí một cách thông thường, chỉ biết cúng dường cách thông thường chứ không biết phát triển thiện pháp ấy thành phước báu Ba la mật, hay là không biết khéo tác ý để thiện



pháp của mình chỉ gói gọn trong sự hưởng thụ thiên phước, nhân phước chứ không hề biết nghĩ đến sự giải thoát khỏi luân hồi đau khổ.

Đối với hạng người này, họ đã đánh rơi lý tưởng của mình, chỉ biết thỏa thích với những gì mình đang có mà không hề biết rằng còn có những thứ hạnh phúc cao quý hơn nhiều, an lạc hơn nhiều và nhất là an lạc đó chính là sự an lạc tuyệt đối, không hề bị mất đi cũng chẳng bị cướp mất. Bởi thế, người Phật tử chúng ta cần phải cố gắng làm thế nào để duy trì được niềm tin của mình, phải làm sao để làm cho lý tưởng tu tập của mình được duy trì và phát triển cho được vững chắc.

4. Thế nào là hạng người nổi lên rồi nhìn và thấy?

Hạng người này được ám chỉ cho bậc Thánh Nhập lưu, tức là bậc Thánh Tu đà huân (sotāpatti), là vị đã bước vào Thánh quả đầu tiên của dòng Thánh, chắc chắn vị ấy sẽ đạt được đến mục đích giải thoát cuối cùng, nghĩa là các Ngài đã nhìn và thấy được đích đến của mình.

Đối với bậc Thánh Sơ quả, các vị đã đoạn tuyệt được ba hạ phần kiết sử như là thân kiến (sakkāyadiṭṭhi), hoài nghi (vicikicchā) và giới cấm thủ

3. DhpA.15

4. Jā.1 (Apannakajātaka)

(sīlabbataparāmāsa). Do đoạn tuyệt được ba kiết sử này, các Ngài có được niềm tin bất động đối với Tam bảo, các Ngài sẽ không phải bị đọa vào những cảnh giới đau khổ và chỉ còn sanh trở lại cõi dục này tối đa là bảy lần nữa thôi. Chính vì thế, các Ngài được gọi là bậc Thánh Thất lai.

5. Thế nào là hạng người nổi lên rồi lợi tới?

Với hạng người này, khi đã nhìn và thấy được đích đến, thấy được bờ kia, vị ấy đã lợi hướng tới mục đích ấy. Hạng người này được ám chỉ cho bậc Thánh Tư đà hàm (Sakadāgāmi). Các Ngài chẳng những đoạn trừ được ba hạ phần kiết sử mà đối với dục ái (kāmarāga) và sân hận (paṭigha) thì các Ngài đã giảm thiểu được. Những vị đã thành tựu được Thánh quả này chỉ còn trở lui lại cõi dục này tối đa là một lần thôi, và chắc chắn các Ngài sẽ đạt được đến mục đích cứu cánh của đời sống phạm hạnh, cho nên các vị này còn được gọi là bậc Thánh Nhất lai.

6. Thế nào là hạng người nổi lên rồi lợi tới được bãi đứng?

Đối với hạng người này, là ví dụ ám chỉ cho bậc Thánh Bất lai, tức là các Ngài sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn trở lui lại cõi dục này nữa, các Ngài sẽ được sanh lên cõi Ngũ tịnh cư và sẽ viên tịch Níp bàn trên đó, vì thế vị này được gọi là bậc Thánh Bất lai.

Khi đã nổi lên, người ấy đã thấy được bờ bên kia, người ấy cố gắng bơi tới và đã tới được bãi đứng. Cũng như thế, vị Thánh A na hàm (Anāgāmi) đã đoạn tuyệt hoàn toàn năm hạ phần kiết sử (orambhāgiya).

7. Thế nào là hạng người nổi lên rồi bơi tới bờ kia và đứng lên bờ?

Hạng người cuối cùng là hạng người đã đạt được đến mục tiêu của mình, đã bơi tới bờ và đứng trên bờ. Hình ảnh này là hình ảnh ví dụ của vị Thánh A la hán (Arahatta), các Ngài đã đoạn trừ luôn năm thượng phần kiết sử (uddhambhāgiya) là ái sắc (rūparāga), ái vô sắc (arūparāga), ngã mạn (māna), phóng dật (uddhacca) và vô minh (avijjā).

Vị Thánh Ứng cúng sau khi thân hoại mạng chung sẽ không còn tái sanh trở lại nữa, đối với các Ngài "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, sau kiếp sống này không còn trở lui lại nữa", chính vì thế các Ngài được gọi là bậc vô sanh.

Hành trình lội nước quả thật lắm gian nan nhưng khi được đến bên bờ kia là xem như đã thoát khỏi lên dênh giữa biển cả mê mông. Hành trình tiến đến sự giải thoát cũng như thế, không phải dễ dàng mà đạt được đạo quả. Mình phải nỗ lực tu tập xuyên suốt không ngừng nghỉ mới có thể đạt được lý tưởng của mình. Chính vì thế mình hãy cố gắng để trở thành những người lội nước không bị chìm xuống và hãy cố gắng vượt đại dương để trở thành vị Phạm Chí đứng trên bờ giải thoát. ●

KHÔNG - CÓ

Lê Phương Châu

*Cứ như là không – thấy
Cứ như là thấy – không
Kiến thu mình vào lỗ
Số chiều nay mưa đông*

*Mây xám kẻ mái ngói
Lung lay sợi tóc vàng
Cơn buồn dù không đợi
Đường xưa xẻ dọc ngang*

*Ta ôm chầm đoạn cuối
Thở bên bờ lau xanh
Gió reo lời ân ái
Chút hương trần mong manh*

*Phiêu du đời bao cõi
Vụng về khi bên nhau
Niềm khuya mùi ngôn ngữ
Dọc thiên đường canh thâu*

*Tròn xoe đôi mắt nhỏ
Thật thà cánh chim bay
Bóng đêm nhòe thắm cỏ
Nơi ta về tuyệt say !!!*



Phút giây đàm hoa nở

Nguyễn Ngọc

Một vầng quang bình lóa
Tôi thấu cõi ta bà
Cần khôn như nín lặng
Rồi chực như vỡ òa

Hai dòng nước nóng lạnh
Như lụa mềm thướt tha
Từ lòng trời buông xuống
Gội rửa thân ngọc ngà

Trời cao chim lạnh lét
Đất lành trở muôn hoa
Hương mạn đà ngào ngọt
Tiếng nhạc khí chan hòa

Bầy đài sen rộ nở
Nâng bước người nhẹ qua
Tay chỉ trời chỉ đất
Vang vang lời âm ba

Ta là vua Tối thượng
Cao quý nhất Ta bà
Kiếp này là tận kiếp
Không còn phải sinh ra

Địa cầu rung chuyển mạnh
Tiếng hò reo hoan ca
Ưu đàm vừa kết nụ
Đợi ngày tỏa hương xa

Người mang về chân lý
Lời pháp như ngọc ngà
Ưm mầm cây huệ trí
Giữa đất trời bao la.

Rừng Thiền Phước Sơn

Kính dâng
Thượng tọa Bửu Chánh
Liễu Như

Mùa xuân trên đồi lá giang
PHƯỚC lành ĐÓN TỊ hân hoan tâm người
Thiền sư hỷ xả độ đời
Pháp thiền truyền giảng cho người tiến tu.

CÓ - KHÔNG

Lê Phương Châu

Cứ như là vẫn Có !
Cứ như là vẫn Không !
Cũng chẳng Không – chẳng Có !
Làn mây bay thong dong !

Thênh thang về lối cũ
Bước theo nhịp cung đàn
Hiền từ trong tĩnh lặng
Nơi này thật bình an !!!

Tập tu 2

Tâm Uyên

Chỉ là lữ đại mà thôi
Dắt nước gió lửa, tụ rồi lại tan
Lắng tâm, nhìn sự suy tàn
Diệt sinh, sinh diệt, xếp hàng lia nhau.

Thân này nào có ai đâu
Tập đường rồi cứ nhìn sâu vào mình
Phải chăng, giả lập duyên sinh
Tự mình chấp thật, tự mình diễn suy.

Nửa nay chân lý bất di
Đề tâm thất niệm, tham si ulla vào
Giữ lòng trong sạch, thanh tao
Ngăn ác, diệt ác biết bao thiện lành.

Thường lường mỗi một chúng sanh
Sao cho chữ ghét, đổi thành chữ thương
Thế gian các pháp vô thường
Sanh tử hoại diệt, có những một ai.

Bàng hoàng, thảng thốt nào hay
Không dưng một sớm thông tay già từ
Thế là “buông” thật rồi ư?
Chỉ còn một niệm đường như sinh tồn.

Mừng Phật Đản Sanh

Đào Phước Giao

Mười phương Thế giới lắng hồn
Nhập vào cõi lặng trắng rằm hiển linh
Hương thơm sen nở đạo tình
Mừng Ngài thị hiện an bình ngàn sau.

CON TỪ

Đào Phước Giao

Con từ trong cõi phù du
Trôi lăn bao kiếp mộng chừ vô tun
Phật về bồng chóc an lành
Hương hoa xông ướp tâm thành kính dâng
Mưa trời từng giọt rơi nghiêng
Thấm vào bao nỗi đời riêng phận người
Từ bi hóa hiện nụ cười
Cho hoa trí tuệ ngời ngời nhân sinh.

Suy nghiệm về sự chứng ngộ

đạo Thiền của **TRẦN THÁI TÔNG**

Cũng trong bài niệm Phật luận của Khóa hư lục, Trần Thái Tông còn dẫn chứng câu của thiền sư Vĩnh Gia: “Ai không niệm, người ấy không sanh”. Phải chăng phép tu Thiền của Trần Thái Tông là nhằm tới chỗ dừng chỉ mọi hoạt động bình thường của ý thức, đạt tới cảnh giới vô niệm, mà các Tổ sư Thiền Trung Hoa thường nói. Bởi vì, dù khởi niệm ác hay thiện, cũng đều chịu sự chi phối của ác nghiệp hay thiện nghiệp và không thể thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Thiền sư Bách Trượng nói: “Đất lòng nếu trống không, thì mặt trời trí tuệ tự nhiên chiếu sáng, như mây vén mặt trời hiện”. Chúng ta hỏi: “Đất lòng (tức là tâm) trống không cái gì, phải chăng là dứt bỏ mọi niệm?”

Tư tưởng này của Trần Thái Tông thấy rõ trong bài Niệm Phật luận: “Tâm ta là Phật rồi không cần tu thêm nữa.” Nói không tu thêm tức là nói xả, bỏ hết mọi niệm chỉ còn lại cái tâm thuần tịnh mà thôi, như trong cảnh giới Tứ thiền mà kinh Nguyên thủy thường mô tả (Kinh tạng Pali). Trần Thái Tông nói tiếp: “Niệm là trần (bụi), không để lại một điểm, tức là một niệm nào.” Lại nói tiếp “Trần và niệm vốn trong lặng, cho nên nói là như như không động, là thân Phật.”

Rõ ràng, trần hay niệm bốn tính là trong lặng, vì chúng không thật có. Cảnh giới của Phật là cảnh giới như như bất động, một cảnh giới nhất nguyên, không phải nhị nguyên, cho nên Thái Tông nói tiếp “Thân Phật tức là thân ta, không có hai tướng, tất cả các tướng đều không có phân biệt, lặng vậy thường còn. Tồn tại mà không biết tức là Phật sống vậy”.

Cảnh giới Phật là cảnh giới nhất nguyên, phi nhị nguyên. Bởi vì còn là nhị nguyên thời còn bị hạn chế, và không được tự tại. Đoạn câu của Thái Tông “Tồn tại mà không biết đó là Phật sống vậy.” Và như thế Trần Thái Tông muốn khẳng định chúng sanh vốn có Phật tánh, mà không biết, và gọi họ là Phật sống (hoạt Phật).

Trong tập Khóa hư lục, bài “Rộng khuyên mọi người mở lòng Bồ Đề”, Trần Thái Tông viết “Hay đâu Bồ đề tính giác, ai nấy đều có đầy đủ, sao biết căn lành Bát nhã, người

TS. Thích Phước Đạt
(tiếp theo & hết)

người đều tròn đầy.” Nói tóm lại, sự giác ngộ đã có sẵn trong mọi người, trí tuệ Bát nhã cũng có đầy đủ trong mọi người. Mỗi cá nhân hiện hữu có thể tự trực nhận và chứng đắc. Tâm Phật và tâm chúng sanh chẳng khác. Chân lý thực tại chẳng ở đâu xa, ở ngay trong tâm thức mỗi cá nhân hiện hữu. Trần Thái Tông từng thọ giáo ý chỉ của Quốc sư Viên Chứng “Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong tâm”, thì Trần Nhân Tông đã triển khai tư tưởng Thiền học ấy thật rõ ràng: “Cư trần lạc đạo thả tùy duyên, Cơ tắc xan hề khốn tắc miên. Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch, đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, Đói cứ ăn đi mệt ngủ liền. Trong nhà sẵn ngọc thôi tìm kiếm, Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền).

Con đường bước vào cảnh giới giác ngộ không gì khác hơn trở về tự tính chân như. Trong nhiều bài viết của mình, ông đã thường nhắc đến vấn đề kiến tính. Khái niệm “Tính” được ông diễn đạt bằng nhiều ngôn từ khác nhau như Bản tính, Pháp tính, Phật tính, Chân tâm, Chân như v.v... Kiến tính là thấy rõ bản tính chân thật, con đường đi đến giác ngộ. Trong bài Tọa thiền luận, ông nói: “Phàm người học đạo, chỉ cần thấy tính”; trong bài Phổ khuyến phát Bồ đề tâm văn ông lại nói: “Do thấy ánh sáng trí tuệ, phản chiếu lại mình thấy được tính mà thành Phật”.

Xem ra, con đường tu tập thực nghiệm tâm linh của Trần Thái Tông có những đặc trưng đáng chú ý. Đặc trưng quan trọng nhất mà Trần Thái Tông đúc kết đối với tu đạo thiền là Phật không ở đâu xa mà luôn hiện hữu trong tâm mỗi người. Đó cũng là mục đích tối hậu mà bất cứ hành giả nào cũng lãnh hội để bước vào thế giới chứng ngộ. Do đó, hành giả chỉ cần tìm hiểu nơi tự thân (Trần Thái Tông nói là phải biện tâm), thì sẽ thấy được

tính giác ngộ đó mà thành Phật. Tính giác ngộ đó, Thiền tông gọi là Phật tính. Thấy được tính đó thì tự khắc thành Phật. Vì vậy, việc cầu Phật, cầu chân lý không thể hướng ngoại mà cầu được. Đó là ý tứ của các câu như "Trong núi không có Phật, Phật chỉ có ở trong tâm" của Quốc sư Viên Chứng trả lời Trần Thái Tông, khi nhà vua nói với Quốc sư về mục đích lên núi Yên Tử để tìm Phật.

Về sau, tiếp nối dòng mạch tư tưởng, triết lý thiền này, Trần Nhân Tông trong bài Cư trần lạc đạo phú cũng khẳng định như thế: "Bụt ở cuồng nhà, Chẳng phải tìm xa, Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt, Đến cốc hay, chín Bụt là ta". Chữ Nôm cổ công là trong. Bụt ở cuồng nhà tức là Bụt ở trong nhà. Khuấy bốn là quên mất gốc. Đến cốc hay là đến nơi mới hay. Chín là chính. Đại ý của bốn câu là: "Phật ở trong nhà, Chẳng phải tìm xa, Vì bỏ quên gốc, nên ta mới đi tìm Phật, Bấy giờ mới biết chính Phật là ta". Kết thúc bài phú Nôm Cư trần lạc đạo, Trần Nhân Tông cũng viết: "Trong nhà sẵn ngọc thôi tìm kiếm, Đối cảnh vô tâm, hỏi chi Thiền". Trong nhà sẵn ngọc, tức là trong người vốn có sẵn bản tính giác ngộ trong sáng. Nếu tiếp xúc với cảnh, mà lòng vẫn lặng trong, không khởi vọng niệm tham trước, chấp thủ thời tức là giác ngộ, cũng không cần tập thiền làm gì, cũng không cần tu thêm như Trần Thái Tông đã nói trước đó.

Đặc trưng thứ hai mà Trần Thái Tông muốn giới thiệu cho mọi người học thiền nào muốn giác ngộ, thì không cần chạy theo ngoại cảnh mà khởi vọng niệm. Do đó, Trần Thái Tông luôn thực thi tiến trình tự phản tỉnh để đến sự chứng ngộ tâm linh. Phản tỉnh là hồi đầu, là bước đầu trực ngộ tâm tính bằng cách chuyên chú hành trì, theo ông là "biện tâm". Trong tác phẩm Khoá hư lục, ông thường xuyên cảnh tỉnh mọi người dù vương hầu bá tước hay thường dân đừng có hệ lụy về danh sắc, âm thanh, đường nét, tiền tài v.v... Cuộc đời như giấc mộng phù du, cần xem nhẹ như tờ hồng. Con người cần bước ra khỏi thế giới vọng tưởng của một tâm thức hoang vu.

Theo Trần Thái Tông sự cảnh tỉnh này cần phải được thực thi trong tâm thức liên tục, qua việc thực tập thiền định. Nhờ tinh thần này, bất cứ ai cũng có thể làm tròn bốn phận với nước,

đồng thời thành tựu sự nghiệp giải thoát. Tất cả là nhờ sự công phu thiền định, chuyển tâm, phòng hộ tâm, biện tâm của mỗi người. Biện tâm thực chất là điều phục tâm, như trong Kinh Pháp Cú nói: "Khó nắm giữ khinh động, theo các dục quay cuồng, Lành thay điều phục tâm, Tâm điều an lạc đến." (Kệ 35); cũng là phương thức phòng hộ tâm, như trong câu kệ: "Người trí phòng hộ tâm, Tâm hộ an lạc đến". (Kệ 36) cũng là an trú tâm, như trong câu kệ: "Ai tâm không an trú, Không biết chân diệu pháp". (Kệ 38)

Vậy là tiến trình biện tâm là tiến trình tu tập để giữ tâm thanh tịnh, là điều phục tâm, phòng hộ tâm, an trú tâm, khiến cho tâm không còn vẩn đục bụi trần từ ẩn chứa hạt giống tham lam, sân hận, si mê v.v... Hẳn nhiên một tâm thanh tịnh, nhu nhuyễn thì siêu việt các phạm trù đối đãi thiện hay ác, tịnh hay bất tịnh. Thế nên, trong "Niệm Phật luận", Trần Thái Tông nói đến công phu biện tâm chính là giữ cho tâm không một niệm nào bật khởi lên trong tâm thức, bởi vì niệm là ngoại trần, là hư giả không thật. Khiến cho cả trần và niệm bình lặng, không khởi lên nữa, thời sẽ đạt tới cảnh như như bất động v.v... Bất động ở đây, nên hiểu là không động niệm, không chấp thủ, không trú trước, không vướng mắc. Do đó, Trần Thái Tông mới lãnh ngộ lời khuyến cáo của Quốc sư Trúc Lâm "Tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật" (Lòng lặng mà biết, đó là Phật thật); còn Trần Nhân Tông thì cho rằng: "Lặng lòng đối cảnh hỏi chi Thiền".

Lặng lòng ở đây nghĩa là lòng bình lặng, không hề chạy theo cảnh, không còn bị cảnh chi phối nữa. Lòng trở thành bất động, trí tuệ trở nên sáng suốt hoàn toàn. Tại đây tâm trở nên nhu nhuyễn, tịch tịnh. Đó là trạng thái nội tâm bình lặng, không dao động, không nương tựa, không chấp thủ một vật gì ở đời (Kinh Trường Bộ III, Kinh Đại Niệm Xứ); hay "Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động. Không dao động thì có khinh an. Có khinh an thì không có thiên về..." (Udana-81). Phải chăng đó là cảnh giới giác ngộ của Trần Thái Tông khi ông đọc đến câu "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", rồi hoát nhiên tỉnh ngộ.

Tóm lại, Trần Thái Tông là vị vua anh minh, là thiền gia chứng ngộ. Nếu Trần Nhân Tông được nhân dân Đại Việt tôn xưng là Phật Biến Chiêu Tôn của nước Đại Việt, thì vua Trần Thái Tông là người xứng đáng được tôn vinh "Bồ đề Thiên tông" đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời sau này. Một thiền phái mang bản sắc Việt luôn đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước và mở nước. ●

Chín Phái Đoàn Truyền Giáo Của Vua A-Dục

Bhikkhu Suvijjo

Sau khi thanh lọc giáo hội Tăng già và Đại hội kết tập kinh điển kỳ III ra đời, vua A Dục muốn cho Chánh pháp của đức Phật truyền bá sâu rộng vào các Quốc gia lân cận và để duy trì tinh hoa của Phật pháp về sau, nhà vua thỉnh ý các vị A la hán đương thời và bàn kế hoạch hoằng dương chánh pháp, thiết lập các đoàn truyền giáo gửi đi khắp nơi. Phương án của vua được chư vị A la hán hoan hỷ tán đồng, đặc biệt là Trưởng lão Moggaliputta Tissa. Chẳng bao lâu, chín phái đoàn được thành lập, bắt đầu lên đường truyền bá chánh pháp của Đức Phật Gotama.

1. PHÁI ĐOÀN THỨ NHẤT

Theo Kinh tạng Pali, các vị Trưởng lão Mahinda, Ittiya Uttiya, Sambala, Bhaddasāla và Sa di Sumana nhận trọng trách đi truyền giáo ở đảo Tích Lan (Lankā, Lankādīpa, Lankātala). Như đã ghi chép trong Mahāvamsa (Đại sử) và Chú giải Luật tạng (Samantapāsādikā), Tích Lan tuy là một nước nhỏ nhưng rất quan trọng trong việc duy trì chánh pháp của đức Phật Gotama và đồng thời, quốc gia đó còn có sự gần bó, liên hệ đến ba vị Phật tổ trong quá khứ (theo "Tự điển nhân danh và địa danh của Phật giáo - Buddhist Dictionary of Proper Names"). Địa danh hòn đảo Tích Lan vào thời ba vị Phật quá khứ có tên gọi, thành phố thủ đô, và vị vua cai trị khác nhau. Vào thời đức Phật Kasusandha, hòn đảo được gọi là Ojadīpa, đức vua là Abhaya, thủ đô là Abhayapura và có các địa danh Mahāmeghavana, Mahātittha. Thời đức Phật Konāgamana, hòn đảo được gọi là Varadīpa, thủ đô là Vaddhamāna, đức vua tên là Samiddha và có công viên tên là Mahānoma. Thời đức Phật Kassapa, hòn đảo có tên là Mandadīpa, tên đức vua là Jayanta, thủ đô là Visālā và có công viên tên là Mahāsāgara. Ngoài ra, vùng Mahāmeghavana có nét nổi bật tự nhiên, một nửa của xứ Tích Lan ngày nay là đỉnh núi Sumanakūta, nơi đó đức Phật Gotama còn để lại dấu chân của Ngài. Lúc còn sinh tiền đức Phật Gotama đã 3 lần đến viếng xứ sở này, trong khi đó 3 vị Phật tổ quá khứ đến một lần. Lần thứ nhất vào tháng thứ 9 sau khi Ngài thành đạo, lý do Ngài đến là nhận thấy xứ Tích Lan sau này là một xứ sở mà giáo lý Ngài sẽ thịnh hành và phát triển. Nhưng hiện tại nơi đây, có rất nhiều loài Dạ xoa (Yakkha) và A tu la (Asura) nên Ngài đến để làm thanh tịnh hóa xứ sở này, để sau này đệ tử của Ngài tiện bề truyền đạo. Lần thứ hai, vào năm thứ năm sau khi Ngài thành đạo. Lý do Ngài đến kỳ này là để giải hòa dòng họ Long Vương. Lần thứ ba là vào năm thứ tám sau khi Ngài thành đạo. Lần này Ngài cùng đi với 500 vị Tỳ kheo. Lý do đi lần này là do Long Vương



Vua Āsoka cũng gửi một pháp bộ sang Tích Lan hoằng pháp do thánh tăng Māhinda dẫn đầu. Ngài nguyên là hoàng tử con vua Āsoka.

cung thỉnh Ngài và chư Tăng đến trú xứ của họ để thọ trai, và trong lần viếng thăm này, Ngài có lưu lại dấu chân trên núi mà ngày nay vẫn còn dấu tích.

Có tài liệu viết rằng phái đoàn do ngài Mahinda lãnh đạo sang Tích Lan truyền bá đi bằng thuyền, theo các nhà thương buôn, nhưng theo quyển Mahā Vamsa thì các ngài vận chuyển thần thông đi đến xứ sở này vào thời vua Devanampiyatissa cai trị. Vua Tích Lan và vua Āsoka vốn có tình thân nên phái đoàn ngài Mahinda khi đến Tích Lan được nhà vua đón tiếp rất long trọng, vì vua biết ngài Mahinda là hoàng tử của vua Āsoka. Vua nghĩ rằng ngài Mahinda là một vị hoàng tử từng sống trong cung hoàng điện ngọc mà dám bỏ tất cả để xuất gia sống cuộc đời khổ hạnh. Chắc chắn đây là một con người phi phạm hoặc trong giáo pháp của Phật có nhiều điều nhiệm mầu nên mới thu hút hoàng tử như vậy. Chính vì vua nghĩ như thế, niềm tin đối với phái đoàn ngài Mahinda lại càng sâu sắc, và vua mong mỏi được gần gũi ngài Trưởng lão để được tìm hiểu thêm về đạo Phật.

Sau khi chào hỏi thân thiện, Trưởng lão Mahinda bắt đầu giảng đạo, thuyết pháp cho vua và các vị hoàng gia nghe về bài Tiểu Kinh Tượng Tích Dụ, Trung bộ (Cūlahatthipādūpama suttanta). Khi chấm dứt thời pháp, vua và nhiều tùy tùng xin được quy y Tam bảo. Vua hứa từ nay về sau sẽ tận lòng ủng hộ công việc phát huy Phật giáo tại xứ Lankā (còn tiếp). ●



Sơ lược tiểu sử cố đại lão Hòa thượng PHÁP LẠC (1904 – 2001)

Chánh Lý



Ngày 20
tháng 4 năm Tân Mão, nhân dịp lễ húy
nhật lần thứ 10 của cố đại lão Hòa thượng Pháp Lạc, thành
viên Ban chứng Minh GHPGVN, nguyên Phó Tổng thống GHPGNTVN,
Thành viên Ban chứng Minh Phật giáo tỉnh Tiền Giang, nguyên viện chủ chùa
Pháp Bảo Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy trân trọng
giới thiệu đôi dòng tiểu sử của cố đại lão Hòa thượng đến quý độc giả nhằm
tôn vinh công đức cao đẹp của Hòa thượng đối với Đạo pháp và Dân
tộc.

Hòa thượng Pháp Lạc thế danh là Trần Công Khuê, sanh ngày 28 tháng 2 năm 1904 nhằm ngày 13-1 năm Giáp Thìn tại làng Bất Nhị, xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, xuất thân trong một gia đình trung nông, có 11 người con, gồm 5 người con trai và 6 người con gái. Thân phụ là cụ ông Trần Công Trác và bà Phạm Thị Cải. Lúc nhỏ ngài học chữ Quốc ngữ, chữ Nho, chữ Pháp. Năm 18 tuổi ngài vâng lệnh song thân lập gia đình với bà Nguyễn Thị Toại cùng một tuổi với ngài và có được 7 người con. Cùng năm đó, ngài tham gia phong trào Duy Tân rất hăng hái. Ngày 24-3-1926, cụ Phan qua đời tại Sài Gòn, ngài cùng các đồng chí tại quê nhà tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh và nhân đó tổ chức tuần hành chống chế độ thực dân và phong kiến. Cuộc truy sát xảy ra, khiến nhiều người bị bắt đày đi Côn Đảo, ngài do có cụ thân sinh làm Xã trưởng nên được biết trước và ngài vào Nam nên thoát nạn. Vào năm 29 tuổi, ngài nhận thấy cuộc đời nhiều hệ lụy, nên tìm kinh sách để nghiên cứu. Lúc đầu, ngài cùng gia đình tu theo đạo Cao Đài tiên thiên, sau thấy chưa thỏa mãn, ngài ra Huế tìm hiểu đạo Phật và gặp cụ Lê Đình Thám hướng dẫn việc tu hành.

Năm 1945, ngài tham gia Cách mạng chống thực dân Pháp, vào Đảng cộng sản Đông Dương cùng năm đó. ngài được cử lên miền núi là xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, để thành lập Chi bộ Đảng, tại đây ngài giữ chức vụ Bí thư xã trong 10 năm liền, đến năm 1954. Trong thời gian tại đây, ngài bị bắt và lên án tử hình nhưng được ông Phạm Công Tắc đạo Cao Đài can thiệp nên thoát nạn. Để tránh sự trả thù của chính phủ Diệm - Nhu, vào năm 1957, ngài vào Sài Gòn sinh sống, do duyên lành đến, ngài nghe qua một thời Pháp tại chùa Kỳ Viên và xin quy y Tam bảo với ngài Hòa thượng Bửu Chơn, lúc đó là Tổng thống Giáo hội vào ngày 30-11-1958. Sau đó, ngài được ngài Giác Quang tiếp nhận vào chùa Giác Quang tu hành, sau những lần thử thách. Năm 1960, ngài xuất gia sa di. Rồi một năm sau đó, ngài thụ giới Tỳ kheo cũng với Hòa Thượng Thiện luật và Hòa thượng Giác Quang làm thầy nương nhờ. Năm 1963, ngài cùng chư Tăng tham gia chống sự đàn áp Phật giáo của chế độ Diệm - Nhu cho đến thắng lợi hoàn toàn. Năm 1964, ngài về quê hương thành lập ngôi chùa làng Bất Nhị. Năm 1965, ngài ra Phan Thiết xin đất làm chùa Bình Long. Năm 1966, ngài Tăng thống Giới Nghiêm bổ nhiệm ngài làm trụ trì chùa Pháp Bảo - Tho vừa mới thành lập.

Ngài tham gia Ban chương Quản Giáo hội với chức vụ Ủy viên

Kiểm soát nhiều nhiệm kỳ. Sau ngày đất nước thống nhất, ngài được Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam bầu vào chức vụ Phó Tăng thống Giáo hội.

Vào năm 1981, ngài là Phó đoàn đại biểu chư Tăng Phật giáo Nam tông tham dự Đại hội thành lập Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội. Năm 1996, ngài cùng chư Tăng đi thăm Phật giáo Thái Lan và được Đức vua sãi Thái Lan cùng chư Tăng các chùa Thái đón tiếp nồng hậu. Trong dịp này, ngài cung thỉnh bộ tam Tạng Pāli Thái nhân dịp sinh nhật và kỷ niệm 50 năm lên ngôi của vua Thái. Năm 1997, ngài tham dự Đại hội Đại biểu Phật giáo kỳ IV tại Hà Nội và được suy cử làm thành viên Chứng minh TWGHPGVN. Sau đó, ngài được Hòa thượng Hộ Nhẫn, Tăng trưởng Hệ phái Phật giáo Nam tông cung thỉnh ngài làm Trưởng ban Cố vấn cho hệ phái.



Chư Tăng chụp hình lưu niệm tại chùa Pháp Bảo - Mỹ Tho nhân lễ dâng y Kathina PL. 2554

Trong suốt cuộc đời của ngài có những đặc điểm như sau:

- Khi còn ở tại gia, ngài là người con chí hiếu, hết lòng lo lắng cho cha mẹ, anh em. Là người chồng, người cha có trách nhiệm, gương mẫu, đạo đức. Là công dân trong xã hội, ngài tích cực tham gia các phong trào yêu nước, có khi phải chịu kết án tử hình.

- Khi có duyên lành xuất gia, ngài luôn tôn kính Thầy Tổ, là thành viên của Giáo hội Tăng già ngài luôn chấp hành mọi sự phân công của Giáo hội đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì, không màng danh lợi, vật chất, không ngại gian khổ, hy sinh. Trong khi hành đạo, ngài đã nhờ bà Nguyễn Thị Bình, Phó Chủ tịch nước CHXHCNVN can thiệp với chính quyền sở tại để xin phục hồi lại 2 ngôi chùa là chùa Phước Hải huyện Tân Hiệp, tỉnh Tiền Giang và chùa Bình Long, Phan Thiết.

- Ngài có pháp hành tinh tấn, chân thật, nhẫn nại, tri ân và báo ân. Mỗi khi có điều kiện trong cũng như ngoài nước, ngài đều thực hành hạnh bố thí và làm phước hồi hướng cho thầy tổ và thân bằng quyến thuộc. Hằng năm vào ngày giỗ cụ Phan Châu Trinh 24-3 dl, ngài hướng dẫn chư Tăng đến viếng cụ cho đến lúc ngài qua đời.

- Ngài có hạnh nguyện từ bi, là vị thầy hướng dẫn đệ tử đời cũng như đạo hành theo giáo pháp một cách tinh tấn, và ngài cũng hóa độ cả dòng họ Trần Công của ngài quy ngưỡng theo Phật giáo Nguyên thủy. Ngài xứng đáng với sứ mệnh "Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức".

Tuy tuổi cao sức yếu, nhưng ngài vẫn đi đây đó để chu toàn Phật sự nhưng không bao giờ xao lãng công phu sớm chiều, hành thiền, niệm Phật. Tuổi đời cao như vậy, nhưng tâm trí ngài vẫn sáng suốt minh mẫn và điểm đặc biệt là sáng sớm nào ngài cũng tập thể dục rồi tắm nước lạnh dù ngoài trời rất rét.

Ngày 12-5-2001, vào lúc 17 giờ 30 ngài thị tịch tại chùa Pháp Bảo, Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Trụ thế 98 năm, 40 hạ lạp. Ngài mất đi là một sự mất mát lớn cho GHPGVN nói chung, Tăng ni đồng bào Phật tử Nam tông nói riêng, một vị cao tăng thực đức đạo cao đức trọng suốt đời phụng sự cho đạo pháp và dân tộc. ●

Cuộc hội ngộ

Giữa Ngài Hòa thượng Pháp Lạc và Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên Phó Chủ tịch nước CHXHCNVN

Quỳnh Hương
Nguyên PV Báo SGGP

Bà Nguyễn Thị Bình nguyên Phó Chủ tịch nước CHXHCNVN, là cháu ngoại của cụ Phan Châu Trinh. Quê quán bà tại xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam. Bà là con của bà Phan Thị Châu Lan và ông Nguyễn Đồng Hợi. Mặc dầu bận trăm công nghìn việc, nhưng hằng năm bà cùng gia đình và đoàn thể chính quyền địa phương tổ chức trọng thể lễ húy nhật của cụ Phan tại nhà thờ cụ, số 09 đường Phan Thúc Duyện, phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Ngài Hòa thượng Pháp Lạc là học trò cụ Phan. Ngài rất khâm phục tinh thần đấu tranh kiên cường của cụ. Ngay từ thời thanh niên, ngài cùng các đồng chí đã tham gia phong trào Duy Tân, theo lời kêu gọi của cụ Phan, đến nỗi ngài bị thực dân truy nã. Sau này được xuất gia trong đạo Phật, mặc dù là một chức sắc lớn trong Giáo hội nhưng ngài vẫn tôn kính các cụ Cách mạng đàn anh là cụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp. Có dịp ra Huế, ngài thường viếng mộ cụ Phan Bội Châu; còn ở Sài Gòn, ngài thường tham dự lễ giỗ của cụ hằng năm. Theo lời ngài, thì chính cụ Phan Châu Trinh là người cổ súy việc chấn hưng đạo Phật để hỗ trợ Cách mạng. Cụ Phan nói: "Chính tinh thần đại hùng, đại lực, đại từ bi của đạo Phật mà nhà Trần đã đánh thắng giặc Nguyên Mông hung hãn khiến khắp thế giới đều phải khâm phục".

Khi đến viếng thăm, ngài được gia đình bà Nguyễn Thị Bình đón tiếp trọng thể. Ông Nguyễn Đông Hà, chồng của chị Tư Sương, bị bệnh qua đời, ngài và chư đệ tử đến viếng và tụng kinh cầu siêu cho ông. Cho nên, giữa gia đình bà Nguyễn Thị Bình và Hòa thượng từ lâu gần gũi thân thiết. Một hôm, trong khi trò chuyện, ngài nói vui với bà Nguyễn Thị Bình "Cô là người cháu ngoại xuất sắc, còn tôi là học trò trung thành của cụ Phan", lúc đó cả hai cùng cười. Sau này nhớ lại bà Bình rất tâm đắc.

Trong khi chuyện trò thân mật, ngài có đề cập nguyện vọng của ngài là mong được Nhà nước giao lại các ngôi chùa Phước Hải huyện Tân Hiệp, và chùa Bình Long tỉnh Phan Thiết mà chính quyền đang quản lý. Do sự can thiệp của bà Nguyễn Thị Bình, mà chính quyền sớm giao lại 2 ngôi chùa này. Đó là công đức to lớn của bà Bình.

Ngày 23-1-2010, nhân chuyến công tác tại Tiền Giang, bà có hướng dẫn phái đoàn đến chùa Pháp Bảo viếng thăm chùa và thắp nhang tại mộ ngài, cũng trong dịp này, bà Nguyễn Thị Bình có đề nghị từ nay 2 họ Phan Châu và Trần Công kết nghĩa. Ông Trần Công Thôn và ông Trần Công Hiệu đại diện họ Trần Công hoan hỷ nhận lời theo đề nghị này. ●



Ngôi chùa Phật Giáo được xây từ những chai bia

Theo: Amusing Planet



Toàn bộ ngôi chùa được xây dựng bằng chai bia đã qua sử dụng

Uống rượu là một giới cấm trong đạo Phật nhưng không có bất kỳ vấn đề gì với việc xây dựng chùa bằng vỏ chai bia này. Ở phía Đông bắc của Thái Lan, là một ngôi chùa được xây dựng từ hơn 1.500.000 chai bia tái chế.

Được biết với tên là Wat Lan Kuad, hay còn được gọi là "chùa Triệu Chai", chùa sử dụng các loại chai đã được bỏ đi để xây dựng mọi thứ, từ nhà hoả táng đến những nhà vệ sinh. Những cái vỏ chai đã qua tái chế ấy không chỉ dừng lại ở việc xây dựng những ngôi chùa, mà còn được dùng để khảm nạm xung quanh chúng, phần lớn hình ảnh đức Phật được thực hiện bằng nắp chai. Bên cạnh đó là sự thân thiện với môi trường, các loại chai bỏ đi không bị phai màu, cung cấp ánh sáng tốt và dễ làm sạch.

Các Tỷ kheo tại tu viện Phật giáo Pa Maha Chedi Kaew thậm chí khuyến khích chính quyền địa phương gửi bất kỳ chai đã qua sử dụng đến chùa, sau đó sử dụng để xây dựng những công trình mới. ●



Chùa Nam Quang - TP Hội An

Hoa Cúc

Chùa Nam Quang thành lập năm 1969 do cố Hòa thượng Giới Nghiêm khai sáng. Nguồn gốc đất do bà La Thiên Hoa giới thiệu với Tổng hội Cư sĩ Nam tông miền Trung mua lại vườn và đất của ông Lý Minh để sửa sang thành ngôi chùa nhỏ với diện tích khiêm tốn 4m x 8m, trong tổng diện tích 2.300 m². Qua thời gian sử dụng, chùa xuống cấp và trùng tu nhiều lần để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng ở địa phương.

Chùa trải qua 4 đời trụ trì là Hòa thượng Trí Giới, Thượng tọa Thắng Tông, Thượng tọa Trí Đức, Thượng tọa Pháp Đăng. Đến năm 1976, Thượng tọa Pháp Đăng lớn tuổi, bệnh hoạn không thể tiếp tục quản lý chùa được. Do đó, để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Phật tử, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam bổ nhiệm Thượng tọa Pháp Cao làm trụ trì cho đến ngày nay.

Chùa Nam Quang ngoài những ngày lễ lớn như rằm tháng giêng, tháng tư, tháng bảy, dâng y Kàṭhina, đặc biệt, ngày rằm tháng 2 àl, có tổ chức cho Phật tử xuất gia gieo duyên, mỗi khóa như vậy có khoảng 60 Phật tử tham dự, đã tổ chức được hơn 6 khóa tu, đây là mô hình đầu tiên của Phật giáo Nguyên thủy, nhờ mô hình này nên đã nhân rộng tận miền Nam, Thiền viện Phước Sơn cũng tổ chức như vậy. Tuy nhiên, Thiền viện Phước Sơn tổ chức tu gieo duyên đông gấp 3 lần chùa Nam Quang.

Duyên lành hội đủ, Thượng tọa Pháp Cao và Đại đức Huệ Đức phát động phong trào đại trùng tu chùa Nam Quang với tổng diện tích chánh điện 500 m² và hai dãy Tăng xá 2 tầng với kiến trúc Thái - Việt, sống động, nhẹ nhàng, gần gũi, thân thương với tâm hồn Phật tử Việt Nam.

Được biết tổng chi phí công trình xây dựng chùa Nam Quang khoảng 8 tỷ đồng, điều đáng chú ý và hoan hỷ là gia đình ông bà Nguyễn Thiện Nhân, Nguyễn Thanh Thủy hiến cúng cho Bốn tự 7 tỷ đồng. ●

Những vấn đề về Tim mạch

Đăng Lan

Giáo sư – Tiến sĩ – Bác sĩ Nguyễn Huy Dung cho biết: “Theo thống kê của tổ chức Sức khỏe Thế giới (WHO) thì bệnh tim mạch là một trong những nguyên nhân gây tử vong cao nhất. Chỉ nói riêng bệnh mạch máu não đã chiếm 11.3% tổng số tử vong, chỉ đứng sau bệnh mạch vành tim và sau ung thư các loại gộp chung.

Bệnh van tim hậu thấp, tăng huyết áp, xơ vữa động mạch là những bệnh rất phổ biến, lại rất “tai ác”... vừa làm giảm chức năng cuộc sống, vừa là sát nhân thầm lặng. Các tai biến mạch máu não (đứt mạch não, nhũn não v.v...), các tai biến mạch vành (nhồi máu cơ tim...) là những tai họa giáng xuống số phận của bao nhiêu con người khá đột ngột.

Với tầm mức quan trọng như vậy, từ số báo này, chúng tôi sẽ lần lượt chia sẻ đến quý bạn đọc một số công trình nghiên cứu có tầm vóc quốc tế, liên quan đến y học phòng chống căn bệnh nguy hiểm này, thông qua sự chủ động tự giáo dục sức khỏe, tự làm chủ lấy vận mệnh của mình.

1. Để có trái tim khỏe

Chỉ một ly nhỏ rượu vang đỏ mỗi ngày sẽ bảo vệ quả tim của bạn, nhưng nếu uống 2 ly trở lên mỗi ngày sẽ có tác dụng ngược lại.

Theo báo Daily Mail (Anh), đây là kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Đại học Toronto (Canada). Theo các chuyên gia, uống một cốc rượu có thể giúp các mạch máu được “thư giãn”, giảm khối lượng công việc mà tim phải làm, từ đó giúp giảm nguy cơ đau tim.

Còn nếu bạn chưa thấy “đã” và làm tiếp cốc thứ hai, thứ ba v.v... thì bạn sẽ có nguy cơ bị huyết áp cao và mắc các bệnh về tim mạch.

Các nhà khoa học cho biết vỏ nho được dùng để sản xuất rượu vang đỏ có chứa các hợp chất flavonoid, đây là chất giúp tim hoạt động tốt.

2. Tin vui cho bệnh nhân đau tim

Các nhà khoa học thuộc Đại học Illinois (Mỹ) đã tìm ra một kỹ thuật mới giúp điều trị bệnh tim thông qua việc tiêm chính xác lượng thuốc digoxin, vốn có công dụng mạnh trong điều trị chứng nhồi máu cơ tim, cho từng bệnh nhân đau tim.

Phương pháp mới giúp quả tim yếu hoặc bị tổn thương hoạt động tốt, cơ tim co bóp khỏe, từ đó phục hồi nhịp tim ổn định.

Theo các chuyên gia, việc chỉ định liều dùng digoxin là rất khó vì khoảng cách giữa liều lượng digoxin có lợi cho điều trị với liều lượng digoxin gây tử vong không lớn. (UPI, Newswise)

3. Ngủ trưa tốt cho tim

Ngủ trưa có thể cải thiện sức khỏe tim của bạn. Các nhà khoa học thuộc Đại học Liverpool John Moores (Anh) đã rút ra kết luận trên sau khi theo dõi

một nhóm người khỏe mạnh không thường xuyên ngủ trưa.

Những người tình nguyện đã trải qua một buổi trưa được nghỉ ngơi trên giường nhưng không ngủ. Ngày hôm sau họ phải đứng suốt 1 giờ đồng hồ thay vì được nghỉ ngơi. Buổi trưa thứ 3 họ được ngủ trong 1 giờ.

Theo Healthday, các nhà nghiên cứu phát hiện những phút đầu tiên khi một người lơ mơ ngủ vào buổi trưa có thể là thời gian nghỉ ngơi đặc biệt cho tim của bạn, giúp tim khỏe hơn.

4. Sống lạc quan để phòng ngừa bệnh tim

Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Trung tâm sức khỏe của trường Đại học John Hopkins (Mỹ) được trình bày trong hội nghị của Hội tim Hoa Kỳ ở Anaheim (California) cho thấy: Những người sống lạc quan có nhiều khả năng tránh được bệnh tim.

Trong số gần 600 đối tượng nghiên cứu, phần lớn những người có cách nhìn tích cực, không bi quan đối với cuộc sống thì nguy cơ mắc bệnh tim chỉ bằng một nửa so với những người khác.

Thái độ sống lạc quan vẫn thể hiện tác dụng tích cực dù tồn tại các nhân tố gây bệnh tim khác nhau như hút thuốc, thừa cân, mức cholesterol cao...

Các nhà nghiên cứu cho rằng việc tạo niềm vui cho cuộc sống bản thân có tác dụng như liều thuốc hữu hiệu trong việc ngăn ngừa bệnh tim. (Reuters)

5. Sống cô đơn dễ bị đau tim

Đó là kết quả từ cuộc nghiên cứu về mối liên hệ giữa sự cô đơn và các căn bệnh về tim mạch do một nhóm chuyên gia Mỹ thực hiện.

Các nhà khoa học phát hiện ra rằng, những người

sống cách biệt và cô lập có lượng protein IL-6 (protein làm cứng động mạch) cao hơn bình thường, từ đó dẫn đến chứng đau tim và có thể gây tử vong. Tuy nhiên, nguy cơ này chỉ mới xác định ở nam giới.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy cuộc sống cô đơn cũng như hút thuốc lá và ít tập thể dục sẽ làm tăng mức độ stress và giảm sức khỏe ở nam giới. (The Independent)

6. Kiểm chế cảm xúc để bảo vệ tim

Những người khoẻ mạnh thường xuyên cáu giận có nguy cơ mắc bệnh tim mạch cao gấp 2 đến 3 lần những người luôn sống vui vẻ.

Các nhà khoa học thuộc trường Đại học Duke (Mỹ) đã đi đến kết luận này sau khi nghiên cứu trên 121 người khoẻ mạnh và không hút thuốc ở độ tuổi 18 đến 65.

Theo các chuyên gia, sự cáu giận hoặc những cảm xúc cao trào làm tăng nồng độ C- reactive protein (CRP) trong máu. Nguy cơ mắc bệnh tim mạch cũng theo đó gia tăng. (Healthday)

7. Lạc quan tốt cho tim

Sau nhiều năm dài nghiên cứu, Viện Tâm thần học tại Deft (Hà Lan) kết luận rằng một thái độ lạc quan trong cuộc sống tốt cho tim của bạn.

Qua theo dõi 545 người từ 64 – 84 tuổi trong hơn 15 năm, kết quả cho thấy ở những người lạc quan nhất, nguy cơ chết vì các bệnh tim mạch giảm đến 50%.

Các nhà khoa học đã đo mức độ lạc quan của đối tượng bằng cách đưa ra những câu hỏi và phát hiện thái độ lạc quan của một người tồn tại trong một giai đoạn dài lâu dù nó có khuynh hướng giảm dần cùng với tuổi tác.

Những người đạt điểm cao trong cuộc khảo sát thường có vẻ bề ngoài trẻ trung hơn, được giáo dục tốt hơn, sống hòa đồng, có sức khỏe tốt và tập thể dục đều đặn (Reuters). ●



Tìm hiểu luật Thừa Kế

Luật sư Mai

Bộ luật Dân sự (BLDS) mới hơn so với trước đây để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay và tương lai. Quan điểm chỉ đạo trong việc xây dựng BLDS 2005 là các quan điểm chỉ đạo kịp thời quán triệt thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa hiến pháp năm 1992 đã được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10 tháng 12/2001 sửa đổi bổ sung một số điều mới. Bộ Luật dân sự là luật chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội được xác lập trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, tự thỏa thuận và tự chịu trách nhiệm giữa các chủ thể. Hiến chế sự can thiệp hành chính của Nhà nước vào các quan hệ dân sự, tôn trọng và phát huy sự thỏa thuận, tự quyết định của các chủ thể. Kế thừa và phát triển các quy định đã đi vào cuộc sống, đồng thời tiếp tục phát triển hóa pháp luật dân sự không phải ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành BLDS. Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, các điều ước Quốc tế và thông lệ Quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, đáp ứng được nhu cầu hội nhập kinh tế Quốc tế của Nhà nước ta. Phạm vi điều chỉnh gồm những lĩnh vực quy định phần chung nhất, ngoài ra còn có các luật chuyên ngành đặc thù trong lĩnh vực đó như về hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động. Trong trường hợp các luật lĩnh vực đó không có các điều luật cụ thể để áp dụng thì áp dụng các quy định của BLDS phù hợp để giải quyết. Đây là sự bổ sung cần thiết trong việc hoàn thiện pháp luật của nước ta, vì quy định bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Câu hỏi 1: Mẹ tôi mất năm 2005, có để lại đất cho các anh chị em tôi nhưng không có di chúc, không có giấy tờ liên quan đến diện tích đất trên. Nhà tôi gồm có 5 anh chị em, 3 trai và 2 gái. Hiện nay 3 anh em trai tôi đang sử dụng diện tích đất trên còn 1 chị gái không có đất. Tôi muốn tách đất làm sổ đỏ sau này xin xây dựng ngôi tịnh thất nhỏ để tu hành nhưng người chị gái không đồng

ý. Xin hỏi tôi có được làm sổ đỏ không (cha tôi đã mất trước mẹ tôi). Nếu được thì thủ tục như thế nào? Nếu không được thì vấn đề này quy định tại văn bản pháp luật nào?

(Ni sinh - Huệ Thành)

Luật sư Mai: Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 675 Bộ luật Dân sự 2005, trong trường hợp mẹ của Ni sinh chết mà không để lại di chúc thì di sản thừa kế của mẹ Ni sinh để lại được chia theo pháp luật theo hàng thừa kế thứ nhất của Bộ luật Dân sự 2005 thì: "Điều 676. Người thừa kế theo pháp luật

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản".

Như vậy, quý cô và những người anh chị em ruột của mình được hưởng phần di sản bằng nhau. Do đó, quyền sử dụng đất mà mẹ Ni Sinh để lại cho 5 anh chị em nên cả 5 người này đều có quyền đối với mảnh đất đó. Nếu Ni sinh có nhu cầu làm sổ đỏ đứng tên riêng thì không được pháp luật công nhận. Vì theo quy định tại khoản 1, Điều 48, Luật Đất đai 2003 thì: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất". Theo đó, "người có quyền sử dụng đất" trong trường hợp này bao gồm cả 5 người. Nếu các chị của Ni sinh không đồng ý khai nhận di sản thừa kế và đăng ký quyền sử dụng đất chung của cả 5 người mà Ni sinh muốn chia di sản thừa kế do mẹ để lại thì Ni sinh có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án



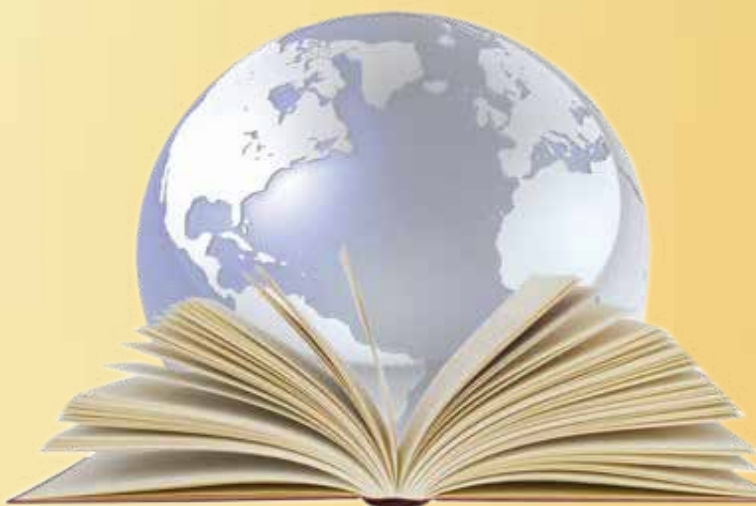
Luật sư Mai (người mặc áo trắng) trong giờ giảng dạy tại Học viện

chia di sản thừa kế là mảnh đất mẹ Ni sinh để lại. Trên cơ sở phán quyết có hiệu lực của Tòa án về phần di sản thừa kế, bạn có thể làm hồ sơ đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bạn theo quy định của pháp luật. Nếu Ni sinh ngại tiếp xúc với chính quyền thì ủy quyền đại diện cho một người đủ năng lực hành vi dân sự hoặc cho Luật sư để bảo vệ quyền lợi về thừa kế đất đai cho quý ni sinh một cách tốt nhất.

Câu hỏi 2: *Tôi đi tu từ nhỏ xa nhà, nay tôi được gọi về nhà nhận thừa kế một gia sản giá trị là: 1 tỷ 500 triệu đồng từ cha mẹ, anh chị em hoặc ông bà. Tôi rất băn khoăn rằng theo pháp luật quy định phải nộp thuế thu nhập cao hay thuế gì không?*

(Tăng sinh - Khóa 6)

Luật sư Mai: Tài sản được thừa kế không nằm trong "Các khoản thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập" còn các khoản tiền thu nhập khác nếu có thu nhập cao thì phải nộp thuế không phân biệt người Tôn giáo và người không Tôn giáo, căn cứ theo "Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao" do UBTV Quốc hội ban hành ngày 13-6-2001, có hiệu lực từ ngày 01-7-2001; và "Pháp lệnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao" do UBTV Quốc hội ban hành ngày 05-4-2004, có hiệu lực từ ngày 01-7-2004. ●





Khóa tu niệm Hồng danh Phật lần thứ I tại Thiền viện Thiện Minh huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long



ĐĐ Thiện Minh và Phật tử địa phương trong ngày tu tập

Hoa Cúc

một bài pháp về Ý nghĩa và Lợi ích khóa tu niệm Phật. Buổi chiều, Đại đức Chánh Định, Đại đức Phước Nhân, cư sĩ Đức Tài phát biểu cảm tưởng và chia sẻ kinh nghiệm tu học đến khóa tu. Đúng 16 giờ, khóa tu hoàn mãn một cách tốt đẹp, mọi người ra về trong niềm hỷ lạc.

VÀI NÉT THIỀN VIỆN THIỀN MINH:

Thành lập vào năm 2008 do Đại đức Thiện Minh làm viện chủ. Diện tích thiền viện gần 2000 m², phong cảnh mộc mạc, miền quê thơ mộng, gần gũi với nhiên nhiên, rất thích hợp với lối sống của những bậc chân tu xuất trần. Điểm đặc biệt của thiền viện là nằm trong khu du lịch sinh thái cù lao Long Hồ, nên có rất nhiều khách nước ngoài tham quan dạo cảnh vùng du lịch này. Thiền viện từ ngày thành lập đến nay đón tiếp rất nhiều chư Tăng, Tu nữ và Phật tử đến tham quan và dự lễ. Hằng ngày có khoảng 30 Phật tử đến tham dự thời khóa công phu chiều, có khoảng 50 Phật tử đến tham dự lễ sám hối vào ngày 30 và 15 âl hằng tháng.

Ý NGHĨA KHÓA TU NIỆM PHẬT: Trong Phật giáo, niệm Phật là một trong 40 đề mục Thiền định, do đó khóa tu niệm Phật là để tập trung quý vị đến Thiền viện niệm tưởng ân đức Phật. Niệm Phật là hình thức giữ tâm thanh tịnh và mát mẻ, quên đi những ngày tháng mệt mỏi với công việc, những ưu phiền trong gia đình. Tham dự khóa tu niệm Phật xong, khi quý vị trở về với trú xứ gia đình tâm hồn an vui, thoải mái. Nhờ vậy, quý vị sẽ đóng góp trí tuệ của mình cho công việc, gia đình, đạo pháp và dân tộc có ý nghĩa thiết thực hơn.

PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT: Đề mục niệm Phật của khóa tu, đọc theo tiếng Pali: Araham Sammasambuddho, đọc theo tiếng Việt Nam: Á Rá Hân Sâm Ma Sâm Bút Thô. Để niệm Phật tốt, chúng ta cần những bước sau

Hôm nay, ngày thứ sáu 22 tháng 4 năm 2011, tại Thiền viện Thiện Minh xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức khóa tu niệm Hồng danh Phật lần thứ I cho chư Tăng, Tu nữ và Phật tử tham dự. Khóa tu có khoảng 150 Tăng ni và Phật tử, những hành giả đến từ Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Vũng Tàu, Đồng Nai, Tp. Cần Thơ. Đến chứng minh và dự lễ khai mạc có TT Giác Giới - Giảng sư Học viện Phật giáo Việt Nam, Phó ban Hoằng pháp Tỉnh hội Vĩnh Long, Giáo thọ sư chùa Siêu Lý, P.2, Tp. Vĩnh Long, Đại đức Chánh Định - Giảng sư Học viện Phật giáo Việt Nam, trụ trì chùa Tam Phước, Tp. Biên Hòa, Đại đức Thiện Minh - Ủy viên HĐTS.GHPGVN, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy, Trưởng ban Tổ chức khóa tu niệm Phật lần thứ I tại Thiền viện Thiện Minh.

Đặc biệt, Đại đức Thiện Minh đại diện Thiền viện tuyên bố khai mạc khóa tu, Đại đức cho biết khóa tu sẽ tổ chức mỗi tháng vào ngày 20 âl, tuy nhiên tháng tư bị trùng vào ngày Bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp trong cả nước, nên khóa tu sẽ thay đổi ngày 21 âl, rất mong chư Tăng và Phật tử hoan hỷ đến dự. Sau khi khai mạc, TT Giác Giới giảng

đây:

1- Ngồi trong tư thế thoải mái, lưng và cổ thẳng (có thể ngồi kiết già, bán già, hoặc ngồi bình thường).

2- Kệ tán dương đức Phật: đọc theo tiếng Pali: Namo tassa Bhagavato Arahato Sammasambuddhassa (3 lần), đọc theo tiếng Việt Nam: Námô tát sá phá gá và tô á rá há tô sâm ma sâm bút thất sá (3 lần).

3- Rải lòng từ: Nguyên cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm hại lẫn nhau, đừng hẹp hòi, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên vui. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi, xin đừng cho thương tiếc.

4- Đề mục niệm Phật chính: Trong 30 phút, hành giả ngồi niệm Phật như sau: Á Rá Hãn Sâm Ma Sâm Bút Thô và 15 phút niệm trong khi đi kinh hành. Cứ liên tục niệm đến hết khóa tu. Thời gian từ 8 giờ đến 16 giờ.

LỢI ÍCH NIỆM PHẬT: Niệm Phật có những lợi ích như sau:

- 1- Tâm luôn tập trung
- 2- Có sức khỏe tốt
- 3- Giấc ngủ ngon và bình yên
- 4- Ma, vô hình không phá
- 5- May mắn trong cuộc sống
- 6- Gieo duyên Níp bàn trong ngày vị lai.

NỘI QUY KHÓA TU

- 1- Giữ im lặng, không nói chuyện
- 2- Điện thoại chuyển qua chế độ im lặng
- 3- Vâng lời theo sự hướng dẫn của vị thầy. ●



Hai Phật tử người Pháp cùng tham gia tu thiền

Phái đoàn trợ lý Nghị sĩ Mỹ thăm Học viện Phật giáo Việt Nam

H.Diệu-B.Toàn

giacngo.vn



HT Thích Giác Toàn chụp hình lưu niệm với phái đoàn

Chiều hôm qua 22-3, đoàn trợ lý Nghị sĩ Mỹ do ông Mark Buse, Trợ lý Thượng nghị sĩ John McCai làm Trưởng đoàn cùng cán bộ Trung tâm nghiên cứu Hạ viện Mỹ và cán bộ sứ quán Việt Nam tại Mỹ đã đến thăm Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (HVPGVN TP).

HT. Thích Giác Toàn - Phó Viện trưởng phụ trách Ngoại vụ HVPGVN TP; HT. Thích Đạt Đạo - Phó Viện trưởng Tổ chức Hành chánh HVPGVN TP cùng chư Tôn đức Hội đồng Điều hành Học viện; ông Lê Hoàng Vân, Trưởng phòng Phật giáo Ban Tôn giáo - Dân tộc TP đã thân mật tiếp đoàn.

Tại buổi tiếp, HT. Thích Giác Toàn thay mặt Hội đồng Điều hành Học viện bày tỏ niềm hoan hỷ trước cuộc viếng thăm của đoàn trợ lý nghị sĩ Mỹ, đồng thời trình bày văn tắt lịch sử hình thành và phát triển của HVPGVNTP. Qua đó, bày tỏ sự vui mừng trước mối quan hệ tốt đẹp của Việt Nam và Mỹ, Hòa thượng cũng mong muốn có sự giao hảo tốt hơn nữa, đặc biệt trên phương diện giáo dục Phật giáo.

Các trợ lý nghị sĩ Mỹ cũng đã trao đổi, tìm hiểu các vấn đề tự do Tôn giáo ở Việt Nam, lịch sử ra đời của HVPGVN TP, Hội đồng Điều hành Học viện, số lượng Tăng Ni sinh, đời sống tu tập của Tăng Ni sinh và công cuộc đào tạo phát triển nhân lực cho Giáo hội của Học viện. Đoàn cũng bày tỏ mong muốn sẽ có dịp giao lưu, hợp tác với HVPGVN.TP trong tương lai. ●



Quang cảnh buổi lễ cắt băng khánh thành - ảnh: internet

Lễ Khánh thành (Kiết giới Sima) chùa Sê Rây Cro Săng huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

Thích Định Hương

Vào lúc 09 giờ sáng ngày 22 tháng 04 năm 2011 (nhằm ngày 20 tháng 03 năm Tân Mão), Hòa thượng Lý Thi - Thành viên HĐCM, Chứng minh Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng, trụ trì chùa Sê Rây Cro Săng trọng thể tổ chức lễ khánh thành (kiết giới Si Ma) ngôi chánh điện chùa Sê Rây Cro Săng, tọa lạc tại ấp Cà Săng, xã Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Đến chứng minh và tham dự lễ khánh thành có Hòa thượng Dương Nhơn - Phó Pháp chủ HĐCM, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sóc Trăng; Hòa thượng Thích Thiện Sanh - Ủy viên HĐTS, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Trị sự; chư Tôn đức trong Hội đoàn kết Sư sãi Phật giáo Nam tông Khmer tỉnh Sóc Trăng và Ban Đại diện Phật giáo huyện Vĩnh Châu, hàng vạn Phật tử tại địa phương đến dự lễ cắt băng khánh thành ngôi chánh điện và dâng hương cầu nguyện.

Về phía khách mời có sự hiện diện của ông Lý Khol - Phó Vụ trưởng Vụ địa phương III; ông Nguyễn Trung Hiếu - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng; ông Dương Sà Kha - Trưởng ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng; ông Trần Minh - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng; quý ông, bà đại diện các Sở, Ngành tỉnh Sóc Trăng, huyện Vĩnh Châu và địa phương sở tại đã đến tham dự, phát biểu ý kiến và tặng quà lưu niệm.

Theo quan niệm của Phật giáo Nam tông Khmer, ngôi chùa là nơi bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer. Trong đó quan trọng nhất là ngôi chánh điện, đó là nơi tôn nghiêm nhất và cũng là chỗ dựa tinh thần cho những người con Phật.

Được sự chấp thuận và cho phép của UBND tỉnh Sóc Trăng, ngôi chánh điện chùa Sê Rây Cro Săng được khởi công xây dựng vào ngày 02 tháng 12 năm 2005 (nhằm ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu), sau hơn 4 năm 8 tháng ngôi chánh điện được trùng

tu viên mãn và tổ chức lễ kiết giới Si Ma đưa vào sử dụng. Chùa Sê Rây Cro Săng được xây dựng trên nền cũ có diện tích 894 m², chiều dài 36.8 mét, chiều rộng 24.3 mét, chiều cao 25 mét, với tổng kinh phí trên 6.700.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm triệu đồng).

Được biết chùa Sê Rây Cro Săng do sư Lék Kha Na Thê sáng lập vào năm 1576, qua tài liệu ghi chép lại có 10 vị trụ trì chính thức và có nhiều công lao đóng góp trùng tu xây dựng và bảo quản chùa, để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp.

Đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, chùa Sê Rây Cro Săng là nơi nuôi giấu các nhà hoạt động cách mạng, vận động đồng bào Phật tử tham gia đấu tranh, có nhiều đóng góp trong công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, chùa Sê Rây Cro Săng tích cực tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Những đóng góp của chùa Sê Rây Cro Săng đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận, được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen về thành tích trong phong trào xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Năm 2004, Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũng đã ra Quyết định công nhận chùa Sê Rây Cro Săng là Di tích Lịch sử Văn hóa cấp Tỉnh.

Phát biểu tại buổi lễ, ông Nguyễn Trung Hiếu - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phát biểu: "Tỉnh ủy - HĐND - UBND - MTTQ tỉnh đánh giá rất cao sự đóng góp tích cực của Hòa thượng Lý Thi, của Quý Sư sãi trong việc xây dựng công trình chùa Sê Rây Cro Săng, góp phần chăm lo đời sống tinh thần của đồng bào Khmer, luôn giữ vững các mối quan hệ đoàn kết giữa ba dân tộc Kinh, Khmer, Hoa cùng sống đan xen trên địa bàn huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng". ●

Thái Lan: Hàng trăm ngàn người dự ngày trái đất tại Dhammakaya

Khánh An
giacngo.vn

Ngày 22-04-2011, Trung tâm Dhammakaya (Thái Lan) đã cử hành chính thức buổi lễ kỷ niệm ngày trái đất (Earth Day).

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học trái đất đang ngày một nóng lên và trên đà tiến đến ô nhiễm toàn diện, bởi nguyên nhân chủ yếu do con người gây ra. Trung tâm Dhammakaya tổ chức ngày lễ này như một thông điệp nhắc nhở toàn thể thế giới hãy lắng nghe tiếng kêu cứu trái đất và hãy cùng nhau chung tay góp sức hợp tác nhằm đề ra những biện pháp ngăn chặn những hoạt động mang tính chất hủy hoại môi sinh.

Đúng 7 giờ 00 sáng, chúng tôi có mặt tại tòa Dhammakaya Meditation Hall để tham dự lễ. Tòa nhà này được xem là lớn nhất thế giới với sức chứa hơn 100.000 người.

Sáng sớm đã có hàng trăm nghìn người tụ hội về đây để tham dự buổi lễ. Trong màu trắng đồng phục của những người Phật tử Thái Lan từng đoàn xe lần lượt đổ về trung tâm Dhammakaya.

Theo chương trình, buổi sáng là thời kinh cầu quốc thái dân an và sau đó là một số nghi thức cúng dường của Phật tử. Được biết toàn bộ số tiền cúng dường sẽ được chuyển đến miền Nam Thái Lan để giúp đỡ những người dân bị nạn do chiến tranh gây ra.

Buổi chiều, Trung tâm tổ chức cúng dường cho hơn 15.000 vị Tăng từ các nước đến dự lễ. Đúng 18 giờ cùng ngày, mọi người tập trung xung quanh Phật đài Maha Dhammakaya Cetiya, nơi có sức chứa khoảng 1 triệu người, để thực hiện lễ cầu hòa bình cho thế giới. Buổi lễ kết thúc bằng màn trình diễn bắn pháo hoa đặc sắc thật rực rỡ và hoành tráng. ●



TP.HCM: Học viện PGVN tại TP.HCM cầu nguyện cho nạn nhân Nhật Bản

Giác Minh Luật

Đêm ngày 26-3 Âm Lịch, nhằm ngày 28-4-2011, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM đã long trọng tổ chức đêm thắp nến cầu nguyện cho nhân dân động đất và sóng thần tại Nhật Bản, tính đến hiện nay là vừa tròn 49 ngày.

Buổi lễ có sự tham dự của HT. Thích Đạt Đạo – Phó Viện trưởng Tổ chức Hành chánh HVPGVN tại TP.HCM, TT. Thích Bửu Chánh – Phó Viện trưởng, kiêm Trưởng khoa Pali Học viện PGVN tại TP.HCM, GS.TS. Lê Mạnh Thát – Phó Viện trưởng, Trưởng ban Tổ chức; ông Lê Hoàng Văn, Trưởng phòng Phật giáo Ban Tôn giáo – Dân tộc TP.HCM; ông Saiki Furudate, lãnh sự, Trưởng ban Văn hóa của Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại TP.HCM; ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Hoa Sen Group. Đồng đạo chư tôn Thượng tọa, đại đức, Tăng Ni sinh HVPGVN, và hàng ngàn quan khách, Phật tử gần xa cũng đồng trở về tham dự.

Được biết ban tổ chức đã tiếp nhận được trên 600 triệu đồng tiền Việt Nam, từ sự ủng hộ của các ban ngành đoàn thể, công ty, và doanh nghiệp, Phật tử, mạnh thường quân trên khắp cả nước, sau mười ngày phát động chương trình. Buổi cầu nguyện được diễn ra trong sự trang nghiêm thâm tình đạo vị, chia sẻ nỗi đau thương và mất mát mà nhân dân Nhật Bản đang phải gánh chịu. GS.TS. Lê Mạnh Thát đại diện Ban tổ chức đã bày tỏ tấm lòng "tương thân, tương ái" của đồng bào Việt Nam nói chung, và HVPGVN nói riêng gửi nhân dân Nhật Bản một sự đồng cảm và sẻ chia lớn lao này.

Điều đó đã nói lên được tinh thần của Tăng - Ni sinh Học viện PGVN luôn luôn đồng hành cùng nhân dân Nhật Bản trước thảm họa này, nhằm quên đi sự thật đau buồn trước mắt, mà chung tay đóng góp xây dựng lại cuộc sống mới tốt đẹp hơn. Hội chúng cũng đồng gia tâm cầu nguyện cho những nạn nhân sau thảm họa vừa tròn 49 ngày được nhờ công đức cầu nguyện này mà siêu sanh tịnh độ, người hiện tại được bình an. ●



Ông Saiki Furudate, Tổng Lãnh sự quán Nhật Bản tại TP.HCM (áo đen) GS.TS Lê Mạnh Thát (mặc áo trắng) và chư tôn đức niệm hương cầu nguyện - ảnh: internet

Tặng nhà tình thương cho đồng bào nghèo tại Campuchia

PV

Sáng ngày 25-4-2011 nhằm ngày 23-3 âl tại đất nước chùa Tháp - Campuchia, các mạnh thường quân là gia đình Trần Ái Hoa, gia đình Nguyễn Thị Thu Ba, cô Helen Huỳnh, cô Karen Huỳnh, gia đình Nguyễn Hữu Lợi, Nguyễn Thị Hồng Nhung đã trao tặng 4 căn nhà tình thương, cùng tịnh tài, tịnh vật đến đồng bào có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại đất nước này với tổng kinh phí khoảng 65 triệu đồng, do Thượng tọa Thiện Hạnh - UVHĐTS, GHPGVN, trụ trì chùa Nam Tông TP. Hồ Chí Minh vận động. ●



Thượng tọa Thiện Hạnh chụp hình lưu niệm với các gia đình



Lễ hỷ nhật đệ nhị thập nhị chu niên cổ Hòa thượng thiền sư Giới Hương

Song Minh - Võ tấn Phát

Ngày 29-4-2011 nhằm ngày 27-3 âl; Chùa Bát Chánh Đạo tọa lạc tại số 66/12A đường Gò Dưa, P. Tam Bình, Q. Thủ Đức, TP. HCM đã long trọng tổ chức buổi lễ hỷ nhật đệ nhị thập nhị chu niên cổ Hòa thượng thiền sư Giới Hương. Được biết Hòa thượng thiền sư Giới Hương là bậc cao Tăng thạc đức của những năm thập niên 70, 80; Hòa thượng sống theo hạnh đầu đà nên hằng ngày ôm bát đi khất thực hóa duyên tế độ Phật tử. Những người Phật tử trong vùng cảm kích trước tấm lòng nhân hậu và khả kính từ bi của ngài, nên đã cúng dường đến ngài tịnh thất Bát Chánh nay là chùa Bát Chánh Đạo. Kể từ khi Hòa thượng Giới Hương viên tịch, tịnh thất Bát Chánh đã trải qua những bước thăng trầm thay đổi và đứng vững đến ngày hôm nay với tên gọi chùa Bát Chánh Đạo.

Đến tham dự và chứng minh cho buổi lễ có TT. Tăng Định – Trụ trì chùa Kỳ Viên Q.3; TT. Danh Lung – Trụ trì chùa Chantarangsây Q.3, ĐĐ. Thiện Đạt – Trụ trì chùa Giác Quang Q.8, ĐĐ. Thiện Minh – Trụ trì chùa Bửu Quang Q.Thủ Đức, ĐĐ. Minh Hiên – Trụ trì Thanh Minh Thiền Viện Q. Phú Nhuận, ĐĐ. Minh Đức – Quản sự chùa Từ Quang Q. Gò Vấp v.v... cùng quý cô tu nữ và Phật tử các nơi về tham dự. ●



Quang cảnh buổi lễ

Hà Nội: Đại Lễ tưởng niệm & Hội thảo khoa học về Hoà Thượng Kim Cương Tử

Xuân Loan - Tiến Bình

Vào lúc 8 giờ ngày 29 tháng 4 năm 2011, tại chùa Trấn Quốc - Hà Nội, nhân kỷ niệm 10 năm ngày viên tịch của Hoà thượng Kim Cương Tử, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Ban Trị sự Phật giáo Tp. Hà Nội, môn nhân đệ tử trọng thể tổ chức Đại lễ tưởng niệm và Hội thảo Khoa học về sự nghiệp xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Quang lâm chứng minh và tham dự buổi lễ có HT. Thích Thanh Bích - Thành viên HĐCM, HT. Thích Thanh Tứ - Phó chủ tịch Thường trực HĐTS; HT. Thích Đức Nghiệp - Phó thư ký HĐCM chư Tôn đức, Phó chủ tịch HĐTS, HT. Thích Trí Quảng, HT. Thích Giác Toàn; HT. Thích Thiện Nhơn; TT. Thích Bảo Nghiêm cùng chư Tôn đức HĐTS, BTS Thành hội Phật giáo các tỉnh thành phố trong cả nước.

Về phía quan khách có Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân, ông Hà Văn Núi – Phó Chủ tịch UB MTTQ Việt Nam; Giáo sư, anh hùng lao động Vũ Khiêu; Ban Tôn giáo Chính phủ, lãnh đạo các cơ quan chức năng, Sở Nội vụ, cùng lãnh đạo các cơ quan chức năng T.Ư, địa phương, HĐND, UBND, UBMTTQ quận Tây Hồ và đông đảo bà con Phật tử các tỉnh thành về tham dự.

I. Thân thế: Đại lão Hoà thượng Kim Cương Tử, thế danh Trần Hữu Cung, sinh ngày 16-10- 1914 (Giáp Dần) tại xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, nơi đất thành Nam, phủ Thiên Trường nổi danh

với chùa Tháp. Ngài sinh trưởng trong dòng họ Trần có danh đức nổi tiếng nhiều đời. Ngài là con trai độc nhất trong gia đình, thân phụ là cụ ông Trần Hữu Tạo, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Quy.

Ngay từ thuở thiếu thời, trước khi đến trường học, ngài đã được thân phụ truyền dạy nho học và chữ quốc ngữ, tham học các nghề như thợ may, thợ mộc, nghề y, dạy học v.v... Ngài đã học nửa khoá tổng sư tại địa phương.

Năm 15 tuổi, ngài đã sớm nhận thức được cảnh trần gian ảo mộng, cuộc đời giả huyền vô thường.

Năm 19 tuổi, ngài chính thức xuất gia đầu Phật tại chùa Cả, thành phố Nam Định, đầu sư học đạo với sư tổ pháp hiệu Chính Đản.

Năm 1937, ngài trở về chùa Cả, tỉnh Nam Định phụng Phật, sự Sư. Ngài được sư tổ đăng đàn trao truyền giới Cụ túc tại Tổ đình chùa Cả.

Năm 23 tuổi, tại hạ trường chùa Cả, ngài đã học thông suốt cả bộ luật Tứ phần.

Năm 24 tuổi, ngài tham dự khoá thi đầu tiên tại trường Trung học Phật giáo Bắc Kỳ và dành giải nhì tại kỳ thi đó.

II. Thời kỳ hành đạo: Năm 1953, ngài giảng dạy tại trường Trung học Phật giáo Bắc Việt và dạy ở một số trường lẻ như Vân Hồ, Linh Đường Bồ đề, trường Bái Trạch chùa Cả Nam Định và Hải Phòng.

Năm 1954, hoà bình lập lại ở miền Bắc, ngài đã tham gia phong trào Phật giáo yêu nước. Năm 1956, ngài giữ chức Trưởng ban Nghi lễ Phật giáo Thủ đô.

Từ năm 1957 đến năm 1983, suốt 26 năm công tác Phật sự tại Hải Phòng, trải qua không biết bao nhiêu gian nan vất vả, ngài đã có công lớn trong việc xây dựng phong trào Phật giáo yêu nước, đã sớm thành lập được Chi hội Phật giáo Thống nhất tại các địa phương khác trên miền Bắc.

Trước khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, ngài đã về quê, theo bản nguyện chí công vô tư, hoá gia vi tự, ngài đã xây dựng tòa Kim Cương bảo tháp trên đất hương quả của tổ tiên để lại, từ đó quê hương ngài mới có 1 ngôi chùa và được gọi là chùa làng Mỹ.

Tại Đại hội thống nhất Phật giáo cả nước ngày 7 tháng 11 năm 1981, ngài được suy cử làm Ủy viên Thường trực HĐTS, Trưởng ban Nghi lễ TUGH, đồng thời là giảng viên dạy môn Luật học tại trường Cao cấp Phật học Việt Nam khoá I tại chùa Quán Sứ - Hà Nội.

Từ 1982-1983, do đảm trách nhiều trọng trách của Giáo hội, ngài được Trung ương Giáo hội bổ nhiệm về trụ trì chùa Trấn Quốc, TP. Hà Nội, tham gia lãnh đạo Phật giáo TP. Hà Nội. Ngài được Tăng Ni thủ đô suy cử giữ chức Phó ban Trị sự kiêm Ủy viên Giáo dục Tăng ni Thành hội Phật giáo TP. Hà Nội từ năm 1987 đến ngày viên tịch.

Năm 1985, ngài được suy cử làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng ban Nghi lễ GHPGVN.

Năm 1990, ngài được cử giữ chức Phân viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội kiêm Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học.

Năm 1988, ngài được Giáo hội cử tham gia đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam đi thăm hữu nghị Phật giáo các nước Liên Xô, Mông Cổ, Campuchia, góp



Phở Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại buổi lễ

phần thắt chặt tình hữu nghị đoàn kết thông cảm hiểu biết lẫn nhau với Phật giáo các nước bạn.

Ngài đã trụ trì Tổ đình Trấn Quốc là một di tích lịch sử văn hoá tín ngưỡng lớn của dân tộc. Trên cương vị trụ trì từ năm 1983, ngài đã tận tâm trong việc hoằng dương chánh pháp, ngoài việc giảng dạy cho Tăng Ni tín đồ Phật tử tu học,

III. Tham gia công tác xã hội:

Năm 1958 ngài đã tham gia Ủy viên UBMTTQ thành phố Hải Phòng. Từ năm 1983 là Ủy viên UBMTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội khoá 10 và khoá 11. Năm 1985 tham gia Ủy viên đoàn Chủ tịch UBTTU MTTQ Việt Nam khoá II và khoá III và Ủy viên UBTTU MTTQ Việt Nam trong nhiều khoá, là đại biểu HĐND thành phố Hà Nội khoá 9, 10, 11. Là đại biểu Quốc hội khoá 8, 9, 10.

Đại lão Hoà thượng đã được Hội đồng Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, huy chương "Vì sự nghiệp Đại đoàn kết toàn dân" của UBTTU MTTQ Việt Nam và nhiều bằng khen, giấy khen của Giáo hội, UBND, UBMTTQ thành phố Hà Nội.

IV. Thời kỳ lâm bệnh và viên tịch: Ngài đã an nhiên thân thần thị tịch vào lúc 16 giờ 54 phút ngày 23 tháng 4 năm 2001 (tức ngày 1 tháng 4 năm Tân Ty) trụ thế 88 năm, hạ lạp 60 năm.

Cả cuộc đời hơn 80 mùa sen nở, Đại lão Hoà thượng hiến dâng trọn đời cho Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội, cuộc đời hành đạo và hoá đạo của ngài rất bình dị chân tu thực học, nghiêm trì Thi la tịnh giới, luôn khơi đèn trí tuệ Văn Thù và thể hiện hạnh nguyện Phổ Hiền Bồ tát tốt đời đẹp đạo. Ngài thật xứng đáng là một Luật sư giáo thọ của Tăng Ni, Phật tử GHPG Việt Nam, là bậc cao tăng thạc đức của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Đức hạnh và trí tuệ của ngài mãi mãi là ngọn hải đăng soi đường chỉ lối cho hàng Tăng Ni, Phật tử Việt Nam. ●



Chư Tôn giáo phẩm chứng minh

DANH SÁCH ỦNG HỘ TẠP CHÍ PGNT SỐ 8

01	Sư Minh Hạnh	100 quyển	31	Minh Đức	20 quyển
02	GD BS Phạm Lê An	100 quyển	32	Đặng Kim Liên	13 quyển
03	GDPT Như Hồng	100 quyển	33	Trần Thị Phết	30 quyển
04	GD Phạm Thị Thùy Hương	50 quyển	34	Nha sĩ Quảng Phi	100 quyển
05	GDPT Mỹ Hạnh	50 quyển	35	Lê Thị Chiêm - PD Viên Lễ	33 quyển
06	GDPT Như Minh	15 quyển	36	Thiện Đạo	13 quyển
07	GDPT Ngô Thị Tuyến	10 quyển	37	GD Thiện Trí - Như Hạnh	10 quyển
08	GDPT Nguyễn Thị Thu Vân	10 quyển	38	TN Diệu Liên	04 quyển
09	GDPT Trần Vũ Dũng	30 quyển	39	GD Phạm Minh Hùng	10 quyển
10	GDPT Trí Đức - Ngọc Tâm	10 quyển	40	Thu Hà - Andy	100 quyển
11	GDPT Thái Thanh Tâm	20 quyển	41	Thu Nhiên	10 quyển
12	GDPT Lê Đức Thắng	03 quyển	42	Thầy Tuệ Pháp	06 quyển
13	GDPT Lê Thị Tiểu Thúy	06 quyển	43	GD Oanh - Quyên	50 quyển
14	GDPT Dương Thiệu Tống	20 quyển	44	Bé Quang Văn Phong	10 quyển
15	GDPT Nguyễn Đức - Như Hiếu	06 quyển	45	Bé Diệp Xương Chánh	10 quyển
16	PT Như Ngọc	20 quyển	46	Bé Diệp Vĩ Anh	10 quyển
17	GDPT Trần Thị Tùng	10 quyển	47	GD Cô Hội - Chú Lại	20 quyển
18	GDPT Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	11 quyển	48	Nguyễn Thị Tú Anh	10 quyển
19	GDPT Nguyễn Đạt - Mi Mi	16 quyển	49	Chu Kim Thạch - PD Thiện Pháp	10 quyển
20	GDPT Ngọc Đức - An Bình	20 quyển			
21	Trần Thị Hoan - PD Nguyên Hương	10 quyển			
22	Sư Giác Khoan - PV Thánh Sơn	100 quyển			
23	Bùi Nữ Thực Vy	60 quyển			
24	Bùi Nữ Diễm Mi	60 quyển			
25	Lê Ngọc Thiên An	50 quyển			
26	Lê Thị Thùy Hương	50 quyển			
27	Bùi Nữ Anh Thy	50 quyển			
28	Huỳnh Thị Mẫn	33 quyển			
29	Văng Phi Nga - Hà Thế Hưng	133 quyển			
30	GD Hiền Khánh (Hoa Huệ)	133 quyển			

O'CARE
DENTAL CLINIC

346-348 Võ Văn Tần, P.5, Q.3, Tp.HCM
ĐT: (848) 3929 3333
Fax: (848) 3929 3339

Chùm ảnh Phật sự

PV. PGNT



Chùa Nam Quang - Hội An



GD thí chủ tác trình duyên sự trước chư Tăng trong buổi lễ khánh thành



Chư Tôn đức trong buổi lễ Giới đàn Nguyễn Thiệu - Siêu Bạch 2011 của tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai



Quang cảnh lễ Giới đàn Nguyễn Thiệu - Siêu Bạch - 2011



Phật tử cúng dường đến chư Tăng nhân ngày Trái đất tại Dhammakaya



Chư Tăng và Phật tử đang hành thiền nhân Ngày Trái đất tại Dhammakaya - Thái Lan



Hàng trăm ngàn người tham dự Ngày Trái đất tại Dhammakaya



Hội thảo Phật giáo tại trường Mahachulalongkorn - Thái Lan



TT Phó tổng Biên tập (người có dấu x) tham dự Hội thảo Phật giáo tại trường Mahachulalongkorn ngày 23 -4-2011



Các vị nhận bằng Tiến sĩ danh dự chụp hình lưu niệm cùng các tân cử nhân



Toàn cảnh buổi Hội thảo Phật giáo tại Thái Lan



HT Tổng Biên tập tham dự Đại lễ tưởng niệm Hòa thượng Kim Cương Tử



TT Bửu Chánh, TT Tâm Đức (người có dấu x) thăm ngôi chùa Việt Nam tại Bangkok



HT Tổng Biên tập tham dự Lễ Tổng kết 15 năm thành lập Hội Cứu trợ



HT Thiện Tâm trong buổi lễ nhận bằng Tiến sĩ danh dự Phật học tại Thái Lan



Học viện PGVN tại TP HCM và ông Tổng lãnh sự quán Nhật Bản (áo đen) thắp nến cầu nguyện cho nạn nhân Nhật bản nhân 49 ngày



Phật tử thắp nến cầu nguyện cho nạn nhân Nhật tại HVPGVN -TP HCM



Trong giờ hành thiền



Lễ tắm Phật tại chùa Chantarangsang trong ngày tết Chol Chnam Thmay



Hai Phật tử Thu Hà - Andy trồng cây kỷ niệm ngày lễ cầu An - Hằng thuận tại chùa Bửu Quang



Người Phật tử cầu nguyện điều tốt lành trong ngày đầu năm



Chư tăng tham dự lễ cầu siêu tại chùa Bửu Đức - Biên Hòa



Khóa tu niệm Phật lần thứ I tại Thiền viện Thiện Minh - tỉnh Vĩnh Long



Chư tăng tham dự lễ Hỷ nhật cổ HT Giới Hương tại chùa Bát Chánh Đạo - Thủ Đức

giá: 15.000 đồng